

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP
TRUNG HỌC CƠ SỞ THỰC HIỆN MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP**

HÀ NỘI – 2025

MỤC LỤC

PHẦN I. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC PHÙ HỢP VỚI THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP.....	3
I. MỤC TIÊU	3
II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN	4
1. Chương trình GDPT Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	4
1.1. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học tổ của chuyên môn	5
1.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn	24
1.3. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch của giáo viên	30
1.4. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục chủ đề	38
2. Một số định hướng dạy học thực hiện CTGDPT 2018 phù hợp với khu vực nông thôn miền núi khó khăn Hoạt động trải nghiệm	48
2.1. Định hướng về phương pháp tổ chức HĐTNHN.....	48
2.2. Định hướng về hình thức tổ chức HĐTNHN tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn	53
2.3. Định hướng về kiểm tra đánh giá.....	59
3. Hướng dẫn yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.....	80
3.1. Mạch nội dung của HĐTNHNH	80
3.2. Cụ thể hóa yêu cầu cần đạt phù hợp với đối tượng học sinh khu vực khó khăn cấp THCS	81
PHẦN II. KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ MINH HỌA	123
PHẦN III. YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MINH HỌA.....	136

PHẦN I. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC PHÙ HỢP VỚI THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU

Trong bối cảnh chương trình giáo dục phổ thông mới chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện cho học sinh, việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng, đặc biệt tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng còn nhiều khó khăn. Định hướng dạy học trong hoạt động này không chỉ hướng đến việc hỗ trợ học sinh khám phá bản thân, định hướng nghề nghiệp phù hợp, mà còn góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Việc lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp với thực tiễn cuộc sống, lao động, sinh hoạt cộng đồng giúp học sinh nâng cao ý thức trách nhiệm, bồi dưỡng tinh thần khởi nghiệp, tự lực vươn lên và gắn bó với quê hương – những yếu tố then chốt để xây dựng nông thôn mới một cách bền vững.

Mục tiêu hàng đầu là giúp học sinh nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới. Qua các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, các em được tham gia khảo sát, đánh giá thực trạng địa phương, từ đó đề xuất các giải pháp hoặc sáng kiến góp phần cải thiện đời sống, bảo vệ môi trường và phát huy truyền thống quê hương.

Thông qua các hoạt động rèn luyện phẩm chất và năng lực cá nhân, học sinh vùng nông thôn, miền núi có cơ hội khám phá khả năng của bản thân, nhận diện sở thích nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập, lao động phù hợp với điều kiện gia đình và địa phương. Mục tiêu này hướng đến việc giúp các em phát triển tư duy tích cực, biết tạo động lực cá nhân và kiên trì vượt qua khó khăn để vươn lên trong cuộc sống.

Chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp được thiết kế để học sinh hiểu rõ hơn về các nghề nghiệp phổ biến, thiết thực ở địa phương như: nông nghiệp công nghệ cao, nghề truyền thống, dịch vụ du lịch cộng đồng, cơ khí dân dụng... Từ đó, các em biết lựa chọn hướng học tập, đào tạo nghề phù hợp với năng lực và cơ hội việc làm trong tương lai, góp phần vào phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

Các hoạt động tập thể, dự án nhóm, truyền thông cộng đồng... là cơ hội để học sinh thể hiện tinh thần hợp tác, chia sẻ và sáng tạo. Chương trình khuyến khích học sinh mạnh dạn đề xuất các mô hình sinh kế bền vững, tiết kiệm tài nguyên, ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện vùng khó khăn, từ đó khơi dậy tinh thần làm chủ, khởi nghiệp vì cộng đồng.

Thông qua hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nhà trường trở thành cầu nối giữa học sinh với các tổ chức đoàn thể, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ tại địa phương. Điều này tạo ra mối liên kết thực tiễn, hỗ trợ học sinh được tham quan, thực tập, đồng thời khuyến khích phụ huynh và cộng đồng cùng tham gia giáo dục hướng nghiệp, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

1. Chương trình GDPT Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

Chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp quán triệt quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện và phát triển chương trình giáo dục phổ thông nêu tại Chương trình tổng thể và được nhấn mạnh như sau:

Chương trình được xây dựng dựa trên lí thuyết hoạt động, lí thuyết về nhân cách, lí thuyết học tập trải nghiệm và lí luận giáo dục nói chung; các ưu điểm của chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động giáo dục hướng nghiệp hiện hành; kinh nghiệm quốc tế trong phát triển chương trình Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động hướng nghiệp; bản sắc văn hoá các vùng miền, văn hoá truyền thống Việt Nam và các giá trị văn hoá chung của thời đại.

Chương trình bảo đảm tính chỉnh thể, sự nhất quán và phát triển liên tục qua các lớp, các cấp học. Chương trình được thiết kế theo hướng vừa đồng tâm, vừa tuyến tính, xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12 với các mạch nội dung hoạt động thống nhất: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên và Hoạt động hướng nghiệp.

Chương trình bảo đảm tính mở, linh hoạt. Cơ sở giáo dục và giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, phương thức, không gian, thời gian hoạt động phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình trên nguyên tắc bảo đảm mục tiêu giáo dục và các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với mỗi lớp học, cấp học.

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là một hoạt động giáo dục bắt buộc có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng cho học sinh về nhận thức, tình cảm, niềm tin, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật để học tập, làm việc có trách nhiệm qua đó mỗi học sinh hình thành và rèn luyện các phẩm chất (Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm), các năng lực cốt lõi (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực đặc thù (Năng lực thích ứng với cuộc sống; Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; Năng lực định hướng nghề nghiệp). Không chỉ được hoạt động trên lớp, HS còn được tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài xã hội và cộng đồng, từ đó có cơ hội học hỏi, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau.

Ở cấp trung học cơ sở Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.

Các HĐTNHN khi thiết kế phải đáp ứng mục tiêu và khung nội dung chương trình HĐTNHN được Bộ giáo dục và đào tạo ban hành cùng với chương trình GDPT tổng thể. Các HĐTNHN không được đi ngược với quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học. Các HĐTNHN tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, khát vọng cống hiến cho học sinh khi thiết kế phải tạo điều kiện, cơ hội cho người học được nói ra đóng góp vào kết quả chung.

1.1. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học tổ của chuyên môn

Để triển khai hiệu quả hoạt động giáo dục theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018, mỗi tổ chuyên môn cần xây dựng kế hoạch dạy học chi tiết, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu của Bộ GDĐT theo Phụ lục 1 kèm Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH.

Phụ lục 1 là khung kế hoạch bắt buộc, yêu cầu tổ chuyên môn phải xác định rõ đặc điểm tình hình, phân phối chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ và các nội dung liên quan trong quá trình tổ chức dạy học.

Đối với HĐTNHN, giáo viên cần căn cứ vào đặc điểm học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường để xây dựng kế hoạch phù hợp. Phân phối chương trình cần bảo đảm các chủ đề trải nghiệm bám sát chương trình giáo dục, đồng thời linh hoạt trong hình thức tổ chức, ưu tiên các hoạt động rèn kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp, và nâng cao năng lực cá nhân, xã hội cho học sinh.

Mục I – đặc điểm tình hình

1. Số lớp – Số học sinh: Khi thực hiện mục này, giáo viên cần ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác tổng số lớp và tổng số học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong năm học. Đây là thông tin cơ bản, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định quy mô hoạt động và là cơ sở để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Cụ thể, ở mục Số lớp, giáo viên cần ghi rõ tổng số lớp thuộc khối/lớp tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Tại mục Số học sinh, giáo viên ghi tổng số học sinh trong toàn khối/lớp tham gia hoạt động. Đối với mục Số học sinh học chuyên đề lựa chọn, giáo viên chỉ ghi khi có học sinh tham gia chuyên đề lựa chọn (thường áp dụng với bậc THPT). Nếu không có, giáo viên có thể ghi "Không có" hoặc để trống theo quy định để tránh gây hiểu nhầm. Trước khi ghi vào phụ lục, giáo viên cần kiểm tra, rà soát kỹ số liệu từ sổ điểm, danh sách học sinh của nhà trường để đảm bảo số liệu thống kê chính xác,

đúng thực tế. Việc ghi đúng số liệu sẽ giúp nhà trường tổ chức hoạt động khoa học, sát với thực tế, đồng thời phục vụ tốt cho công tác kiểm tra, đánh giá sau này.

2. **Đội ngũ giáo viên:** Ở mục này, giáo viên cần ghi đầy đủ, chính xác thông tin về đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong năm học. Đây là yếu tố quan trọng nhằm phản ánh năng lực tổ chức và điều kiện nhân sự thực tế của tổ chuyên môn, đồng thời là căn cứ để nhà trường bố trí, phân công phù hợp. Các bước ghi cụ thể như sau: Số lượng giáo viên: Giáo viên cần ghi tổng số giáo viên được phân công tham gia giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong năm học. Số liệu này phải khớp với kế hoạch phân công nhiệm vụ của nhà trường. Thống kê trình độ đào tạo: Giáo viên kê khai cụ thể số lượng giáo viên theo từng trình độ đào tạo. Việc thống kê cần căn cứ theo bằng cấp chuyên môn được ghi trong hồ sơ viên chức, đảm bảo tính chính xác. Các số liệu phải được đối chiếu kỹ với hồ sơ nhân sự, tránh ghi sai lệch. Nếu có biến động nhân sự giữa các học kỳ, cần cập nhật lại kịp thời trong kế hoạch.

3. **Thiết bị dạy học** Ở mục này, giáo viên cần liệt kê đầy đủ, chi tiết các thiết bị, tài liệu, đồ dùng đã được trang bị hoặc đã có sẵn tại nhà trường để phục vụ cho việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường, tổ chuyên môn có kế hoạch sử dụng hợp lý và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho hoạt động giáo dục.

Các thiết bị cần liệt kê cụ thể gồm: Bộ tranh: Ví dụ bộ tranh về thiên tai, môi trường, kỹ năng sống. Video clip: Các video về cảnh quan thiên nhiên, môi trường, nghề truyền thống... Bộ thẻ nghề: Bộ thẻ nhận biết nghề nghiệp, nghề truyền thống địa phương. Bộ dụng cụ lao động: Các dụng cụ để học sinh tham gia hoạt động lao động, trải nghiệm ngoài trời.

Cách ghi thông tin chi tiết: Ghi rõ tên thiết bị, số lượng tương ứng (dựa theo số liệu đã nộp hoặc thực tế tại trường). Chú thích cụ thể về phạm vi sử dụng hoặc đối tượng sử dụng (ví dụ: dùng theo nhóm, theo lớp, dùng cho hoạt động ngoài trời hoặc trong lớp học).

Ví dụ minh họa: Bộ tranh về thiên tai, biến đổi khí hậu: 8 bộ/GV (sử dụng cho hoạt động nhận biết thiên tai, bảo vệ bản thân). Video clip về cảnh quan thiên nhiên Việt Nam: 1 bộ/GV (giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, yêu thiên nhiên). Bộ thẻ nghề truyền thống: 8 bộ/GV (giới thiệu nghề truyền thống địa phương). Bộ dụng cụ lao động sân trường: 5 bộ/trường (phục vụ hoạt động lao động ngoài trời). Lưu ý: Cần dựa trên thực tế số lượng thiết bị, đảm bảo đúng số liệu. Ghi chú rõ về quy mô sử dụng, đảm bảo tính khả thi khi tổ chức hoạt động.

4. **Phòng học, sân bãi, phòng đa năng:** Ở phần này, giáo viên cần liệt kê đầy đủ các phòng học, sân bãi, phòng chức năng hiện có tại nhà trường có thể sử dụng cho hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Việc ghi rõ ràng giúp tổ chuyên môn và nhà trường chủ động trong việc phân bổ, bố trí không gian dạy học hợp lý. Các không gian cần liệt kê đầy đủ gồm: Phòng học lớp: Các lớp học hiện có. Sân trường: Khu vực sân trường dùng cho các hoạt động ngoài trời, hoạt động tập thể. Phòng đa năng: Phòng chức năng phục vụ sinh hoạt câu lạc bộ, hội thi, diễn đàn... Thư viện: Nơi tổ chức hoạt động đọc sách, nghiên cứu, học tập theo chủ đề. Các

điểm đến trải nghiệm ngoài trường: Các địa điểm tổ chức hoạt động thực tế như làng nghề, di tích, cơ sở sản xuất... Cách ghi thông tin chi tiết: Ghi rõ tên phòng/khu vực, số lượng phòng hoặc khu vực. Ghi cụ thể mục đích sử dụng cho từng loại phòng/khu vực.

Mục II - Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình: Ở mục này, giáo viên cần ghi chi tiết cụ thể từng chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong năm học theo đúng kế hoạch của tổ chuyên môn và nhà trường.

Các bước ghi chi tiết: Chủ đề: Ghi rõ tên bài học hoặc chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng chương trình hoặc kế hoạch của trường. Số tiết: Ghi chính xác số tiết dự kiến thực hiện cho mỗi chủ đề. Yêu cầu cần đạt: Ghi đúng, đủ các yêu cầu cần đạt của từng chủ đề theo quy định chương trình HĐTN HN hoặc theo sách giáo khoa được nhà trường lựa chọn.

Cách thực hiện: Giáo viên căn cứ vào kế hoạch phân phối chương trình chung của tổ chuyên môn hoặc nhà trường (đã duyệt) để ghi nội dung đầy đủ, chi tiết. Phân phối cần thể hiện rõ các chủ đề chính, bảo đảm tổng số 105 tiết/năm học (theo kế hoạch đã lập). Có thể gộp các hoạt động liên quan theo nhóm hoặc chủ đề để thuận tiện khi thực hiện, đồng thời cần ghi chú rõ ràng về cách tổ chức trong bảng kế hoạch. Mỗi giáo viên phụ trách chủ đề cần tự điền chi tiết nội dung, số tiết và yêu cầu cần đạt của chủ đề mà mình phụ trách, đảm bảo sát với thực tế triển khai. Ví dụ ghi cụ thể:

STT	Chủ đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Rèn luyện thói quen	10	Học sinh nhận diện điểm mạnh, điểm yếu, rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng...

2. Chuyên đề lựa chọn (Không áp dụng cho THCS nếu không có): Mục này chỉ áp dụng đối với bậc THPT khi có các chuyên đề lựa chọn. Đối với bậc THCS, nếu không có chuyên đề lựa chọn, giáo viên có thể: Bỏ trống mục này hoặc Ghi chú rõ ràng: “Không áp dụng”. Không được tự ý thêm hoặc bỏ mục, chỉ ghi đúng theo quy định.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ Ở mục này, giáo viên cần ghi rõ chi tiết các đợt kiểm tra, đánh giá định kỳ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong năm học. Các bước ghi cụ thể: Ghi rõ các đợt đánh giá: Giữa kỳ I, Cuối kỳ I, Giữa kỳ II, Cuối kỳ II. Cần ghi đầy đủ: Thời gian: Ghi tuần hoặc tháng dự kiến tổ chức kiểm tra, đánh giá; Thời điểm: Ghi rõ cụ thể, ví dụ: Tuần 17 (cuối học kỳ I), Tuần 35 (cuối học kỳ II). Yêu cầu cần đạt: Nêu rõ các yêu cầu học sinh cần đạt đến thời điểm kiểm tra, căn cứ vào phân phối chương trình đã thực hiện.

Hình thức đánh giá: Chủ yếu thông qua: Sản phẩm hoạt động của học sinh. Bảng kiểm đánh giá. Phiếu tự đánh giá (không áp dụng kiểm tra viết, trắc nghiệm).

Phản đánh giá cần đảm bảo công bằng, khách quan, ghi đúng thực tế kết quả hoạt động của học sinh. Giáo viên cần phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội trong công tác đánh giá.

III. Mục III – Các nội dung khác (Nếu có)

Mục này cho phép giáo viên bổ sung thêm những nội dung mở rộng, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Các nội dung giáo viên có thể bổ sung, cụ thể như sau: Kế hoạch phối hợp với phụ huynh học sinh, địa phương: Giáo viên có thể nêu rõ các kế hoạch phối hợp với cha mẹ học sinh hoặc các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương nhằm tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, hỗ trợ học sinh rèn luyện tại nhà hoặc tham gia các hoạt động cộng đồng. Ví dụ: Phối hợp với phụ huynh để tổ chức các hoạt động chăm sóc gia đình, trải nghiệm nghề truyền thống, lao động công ích; phối hợp với UBND xã/phường, các doanh nghiệp, làng nghề địa phương tổ chức tham quan thực tế.

Dự kiến sản phẩm cụ thể: Giáo viên dự kiến rõ các sản phẩm mà học sinh sẽ thực hiện hoặc hoàn thành sau mỗi chủ đề hoặc sau từng hoạt động. Sản phẩm có thể bao gồm: Sổ tay trải nghiệm, nhật ký hoạt động. Các bài thu hoạch, video clip, bài thuyết trình. Các sản phẩm sáng tạo, tranh vẽ, bài báo tường, mô hình, poster... Cam kết hành động hoặc phiếu tự đánh giá. Nội dung khác liên quan đến hoạt động câu lạc bộ, trải nghiệm ngoài trường: Nếu nhà trường có tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua câu lạc bộ hoặc các hoạt động ngoài nhà trường, giáo viên cần nêu rõ: Tên câu lạc bộ hoặc tên hoạt động. Mục đích, hình thức, thời gian tổ chức. Dự kiến quy mô học sinh tham gia. Mục này không bắt buộc; giáo viên có thể bổ sung tùy theo điều kiện và kế hoạch cụ thể. Nội dung ghi cần rõ ràng, khả thi, bám sát thực tiễn, tránh chung chung.

Để bảo đảm sự thống nhất và hiệu quả khi lập Phụ lục 1 (Khung kế hoạch dạy học), giáo viên cần tuân thủ đúng quy trình sau:

1. Mỗi giáo viên phụ trách chủ đề tự thực hiện: Chủ động xây dựng phân phối chương trình chi tiết cho chủ đề mình được phân công phụ trách. Ghi đầy đủ, rõ ràng nội dung vào Mục II – Phân phối chương trình trong Phụ lục 1, bao gồm: Tên chủ đề, số tiết, yêu cầu cần đạt, hình thức tổ chức.

2. Đề xuất thiết bị và phòng học: Giáo viên chủ động rà soát, xác định và đề xuất các thiết bị dạy học cần sử dụng cho chủ đề mình phụ trách, đồng thời ghi rõ phòng học, sân bãi, phòng đa năng dự kiến sử dụng. Những thông tin này sẽ được tổ chuyên môn tổng hợp để phân bổ chung, tránh trùng lặp hoặc thiếu sót.

3. Ghi chú kế hoạch phối hợp và đánh giá: Giáo viên cần ghi rõ các phương án phối hợp với giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, phụ huynh hoặc các đơn vị ngoài trường (nếu có) tại Mục III – Các nội dung khác. Đồng thời, ghi cụ thể kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với chủ đề và yêu cầu cần đạt.

4. Nộp lại cho tổ trưởng chuyên môn: Sau khi hoàn thành đầy đủ các nội dung, giáo viên nộp bản kế hoạch cho tổ trưởng chuyên môn để tổng hợp, rà soát và gửi lên Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt.

Trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo viên cần lưu ý một số nội dung sau: Thời gian tổ chức hoạt động cần linh hoạt, không bắt buộc phải thực hiện đúng thứ tự các chủ đề như trong sách giáo khoa. Giáo viên có thể sắp xếp, dồn ghép chủ đề để phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. Các hoạt động tổ chức phải bám sát điều kiện thực tiễn, đảm bảo thiết thực, tránh hình thức. Hoạt động cần giúp học sinh phát triển năng lực thật sự, có ý nghĩa lâu dài. Giáo viên phải lưu trữ đầy đủ sản phẩm hoạt động (như bài thu hoạch, sổ tay trải nghiệm, video, hình ảnh, sản phẩm dự án...) để làm minh chứng kiểm tra, đánh giá sau này. Quá trình kiểm tra, đánh giá phải khách quan, công bằng, chính xác. Khuyến khích học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau để rèn luyện ý thức trách nhiệm và khả năng tự học.

Phụ lục I – KẾ HOẠCH MINH HỌA HĐTNHN
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MINH HỌA (CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ)
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP - KHỐI LỚP 9
Năm học

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: ...; Số học sinh: ...; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: ...; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: ... Đại học: ...; Trên đại học:

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt: ...; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị giáo dục	Số lượng	Các bài/chủ đề sử dụng (Các bài thí nghiệm/thực hành)	Ghi chú
-----	----------------------	-------------	--	---------

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

1	Bộ tranh về động lực cá nhân, giao tiếp, gia đình, môi trường	08 bộ	- Chủ đề 1: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống- Chủ đề 2: Giao tiếp ứng xử tích cực - Chủ đề 3: Xây dựng nhà trường thân thiện, học sinh tích cực - Chủ đề 4: Góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc - Chủ đề 5: Xây dựng ngân sách và góp phần phát triển kinh tế gia đình - Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường và quảng bá cảnh quan đất nước	Ưu tiên bộ tranh sinh động, dễ hiểu, gần gũi với học sinh lớp 9; phù hợp cho hoạt động nhóm và thảo luận.
2	Video clip về kỹ năng sống, hướng nghiệp, bảo vệ môi trường, gia đình	06 bộ	- Chủ đề 1, 2, 4, 7, 8, 9	Video ngắn gọn, dễ tiếp cận, mang tính định hướng rõ ràng, có thể khai thác trên nền tảng trực tuyến.
3	Bộ công cụ lập kế hoạch cá nhân, công cụ trải nghiệm nghề nghiệp	06 bộ	- Chủ đề 1: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống - Chủ đề 5: Xây dựng ngân sách và phát triển kinh tế gia đình - Chủ đề 6: Xây dựng mạng lưới thực hiện hoạt động cộng đồng	Bao gồm sổ tay lập kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng kiểm, thẻ nghề, mô hình kế hoạch nghề nghiệp, phù hợp với hoạt động nhóm, cá nhân.

			- Chủ đề 8: Tìm hiểu những nghề em quan tâm - Chủ đề 9: Xác định con đường cho bản thân sau THCS	
--	--	--	---	--

Ghi chú:

- Các thiết bị được tính trên đơn vị “trường”. Căn cứ vào điều kiện thực tế như số lượng học sinh, số lớp và quy mô của trường, các trường có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm số lượng thiết bị cho phù hợp, đảm bảo mỗi học sinh đều có cơ hội tham gia thực hành, trải nghiệm.;

- Số lượng thiết bị tính theo nguyên tắc “8 bộ/giáo viên” được dự kiến dựa trên hoạt động nhóm, với quy mô mỗi lớp tối đa 45 học sinh. Các trường có thể linh hoạt thay đổi số lượng thiết bị sao cho phù hợp với số lượng học sinh thực tế của lớp, theo định mức trung bình khoảng 6 học sinh/1 bộ thiết bị để đảm bảo hiệu quả hoạt động;

- Các trường có thể sử dụng linh hoạt các thiết bị, dụng cụ, tư liệu sẵn có tại trường hoặc tận dụng nguồn lực địa phương để phục vụ cho hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phù hợp với điều kiện thực tế từng trường và từng địa phương.

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng học lớp 9	11	Tổ chức các tiết học trên lớp, sinh hoạt lớp, hoạt động nhóm nhỏ, thảo luận chủ đề, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch cá nhân.	Các tiết HĐTNHN trong lớp
2	Sân trường	1	Tổ chức các hoạt động tập thể như: chào cờ, trò chơi dân gian, lễ hội văn hóa, hoạt động rèn luyện sức khỏe, các hoạt động ngoại khóa ngoài trời.	Các tiết hoạt động tập thể

3	Phòng đa năng	1	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, hội thảo nghề nghiệp, hội thi kỹ năng, các hoạt động định hướng nghề nghiệp, giao lưu kỹ năng sống, các buổi tọa đàm.	Các tiết hoạt động câu lạc bộ
4	Thư viện	1	Học sinh tìm hiểu thông tin, đọc sách, nghiên cứu về kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp, tra cứu tài liệu liên quan đến chủ đề hoạt động trải nghiệm.	Các tiết HĐTNHN theo chủ đề
5	Các địa điểm trải nghiệm ngoài trường	Nhiều	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế như: thăm làng nghề, tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, tìm hiểu môi trường địa phương, cơ sở nghề nghiệp.	Các tiết HĐTNHN chủ đề trải nghiệm ngoài trường

II. Kế hoạch giáo dục²

1. Phân phối chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Trong năm học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 9 được triển khai trong tổng số 35 tuần (105 tiết), trong đó học kỳ I gồm 18 tuần, học kỳ II gồm 17 tuần. Trong năm học, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 9 được tổ chức theo hình thức phân công giáo viên phụ trách từng chủ đề cụ thể, đảm bảo phù hợp với năng lực, chuyên môn của từng giáo viên. Việc phân công này giúp giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức, hướng dẫn và đánh giá học sinh sát với yêu cầu cần đạt của từng chủ đề. Nhà trường ưu tiên phân công giáo viên đảm nhiệm các chủ đề cố định trong suốt năm học để thuận lợi trong việc triển khai liên tục, xuyên suốt.

Kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng theo từng chủ đề cụ thể. Giáo viên được phân công chủ đề sẽ chủ động tổ chức cho học sinh tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động; hướng dẫn học sinh luyện tập, thực hành trải nghiệm và tổ chức cho học sinh báo cáo, thảo luận, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động. Thời khóa biểu hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được bố trí linh hoạt, không bắt buộc chia đều số tiết/tuần hoặc thực hiện đúng thứ tự trong sách giáo

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

khoa. Thay vào đó, mỗi chủ đề sẽ được tổ chức trong khoảng thời gian phù hợp, thuận lợi nhất với điều kiện thực tế, kế hoạch học tập của học sinh và giáo viên.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, giáo viên chịu trách nhiệm tổ chức cho học sinh tìm hiểu trước về nội dung, phương pháp và hình thức trải nghiệm; sau đó tổ chức hoạt động thực hành, rèn luyện, vận dụng kiến thức vào thực tế theo đúng yêu cầu của chủ đề. Mỗi hoạt động đều có sản phẩm cụ thể để đánh giá kết quả. Các hoạt động có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức linh hoạt như cá nhân, nhóm nhỏ, nhóm lớn, tại lớp học hoặc ngoài nhà trường, tùy thuộc vào tính chất, nội dung của từng chủ đề.

Về đánh giá, giáo viên phụ trách chủ đề nào sẽ chịu trách nhiệm đánh giá thường xuyên học sinh ở chủ đề đó, bao gồm cả quá trình tham gia và kết quả sản phẩm trải nghiệm. Hiệu trưởng sẽ phân công giáo viên chủ trì hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của từng lớp, phối hợp với các giáo viên chủ đề để thống nhất kết quả đánh giá. Kết quả đánh giá sẽ được ghi đầy đủ vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ theo đúng quy định. Đối với đánh giá định kỳ, các giáo viên được phân công sẽ thống nhất nội dung, yêu cầu đánh giá, đảm bảo phù hợp với thời lượng chương trình và tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể, chú trọng đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm và quá trình học sinh tham gia thực tế.

2. Kế hoạch giáo dục cụ thể

Chủ đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Giáo viên phụ trách	Loại hình tổ chức hoạt động	Nội dung tổ chức hoạt động theo chủ đề	Phân phối chi tiết theo tuần/tháng
Chủ đề 1: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống	15	- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống trong cuộc sống. - Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp	Giáo viên Tổng phụ trách Đội (hoặc giáo viên HĐTN, HN được phân công)	- Quy mô trường/khối: 5 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 10 tiết	- Tìm hiểu các tình huống thay đổi trong cuộc sống, nhận diện khó khăn trong học tập và đời sống. - Hướng dẫn kỹ năng thích nghi, điều chỉnh hành vi, cảm xúc trong những tình huống áp lực. - Thực hành các phương pháp giảm căng thẳng và tạo	Tháng 9 - Tháng 10: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, tình huống thực tế, thảo luận nhóm. - Tuần 3-5: Thực hành kỹ năng thích nghi

		lực của cuộc sống. - Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động.			động lực cho bản thân. - Tổ chức chia sẻ, thảo luận, viết cam kết hành động cá nhân về ứng phó áp lực và tạo động lực học tập.	và giảm áp lực. - Tuần 6-7: Chia sẻ kết quả, cam kết rèn luyện, báo cáo sản phẩm hoạt động.
Chủ đề 2: Giao tiếp, ứng xử tích cực	12	- Nhận diện được điểm tích cực và điểm chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân. - Thực hiện được đề tài khảo sát về thực trạng giao tiếp của học sinh trên mạng xã hội.	Giáo viên Tổng phụ trách Đội hoặc giáo viên HĐTN, HN được phân công	- Quy mô trường/khối: 4 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 8 tiết	- Giới thiệu các tình huống giao tiếp, ứng xử phổ biến trong học đường và trên mạng xã hội. - Hướng dẫn cách nhận diện hành vi giao tiếp tích cực, chưa tích cực. - Tổ chức khảo sát thực trạng giao tiếp của học sinh trên mạng xã hội qua bảng hỏi, phiếu khảo sát. - Thảo luận nhóm, chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất giải pháp cải thiện giao tiếp. - Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp tích cực trong các tình huống thực tế tại trường học và môi trường trực tuyến.	Tháng 10 - Tháng 11: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, nhận diện hành vi giao tiếp, thảo luận nhóm. - Tuần 3-4: Hướng dẫn thiết kế, thực hiện khảo sát thực tế. - Tuần 5-6: Tổng hợp, trình bày kết quả khảo sát, đề xuất giải pháp, luyện tập giao tiếp tích cực.
Chủ đề 3: Xây dựng	10	- Tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa	Giáo viên Tổng phụ	- Quy mô trường/khối: 3	- Giới thiệu các giá trị của môi trường học đường thân	Tháng 11: - Tuần 1-2: Giới

nhà trường thân thiện, học sinh tích cực		với bạn bè, thầy cô. - Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường; tham gia thực hiện và đánh giá hiệu quả hoạt động. - Xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch cho các buổi lao động công ích tại trường. - Thực hiện sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường. - Tham gia hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	trách nhiệm, giáo viên HĐTN, HN hoặc Đoàn TN phụ trách	tiết - Quy mô nhóm/lớp: 7 tiết	thiện, tích cực. - Hướng dẫn kỹ năng sống hài hòa, tôn trọng sự khác biệt trong giao tiếp học đường. - Xây dựng, triển khai kế hoạch phòng chống bạo lực, bắt nạt học đường, tham gia các hoạt động phòng chống cụ thể. - Thực hành xây dựng kế hoạch lao động công ích, tham gia chăm sóc cảnh quan trường lớp. - Thiết kế sản phẩm truyền thông hoặc công trình nhỏ góp phần xây dựng truyền thống nhà trường. - Tham gia các hoạt động phong trào, sinh hoạt của Đoàn Thanh niên.	thiệu chủ đề, thảo luận về trường học thân thiện, xây dựng kế hoạch phòng chống bắt nạt học đường. - Tuần 3-4: Triển khai hoạt động phòng chống bắt nạt, lao động công ích, hoạt động truyền thống nhà trường. - Tuần 5: Tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động, cam kết duy trì nếp sống tích cực, gắn kết cộng đồng trường học.
Chủ đề 4: Góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc	10	- Tạo được bầu không khí vui vẻ, yêu thương trong gia đình, cùng các thành viên xây dựng gia đình hạnh	Giáo viên bộ môn Giáo dục công dân (hoặc	- Quy mô trường/khối: 3 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 7 tiết	- Thảo luận, tìm hiểu vai trò của các thành viên trong gia đình, cách xây dựng bầu không khí yêu thương, gắn kết. - Hướng dẫn kỹ năng giao	Tháng 12: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, thảo luận vai trò của gia đình, xây dựng không

		phúc. - Biết giải quyết bất đồng trong quan hệ giữa bản thân với các thành viên trong gia đình hoặc giữa các thành viên với nhau. - Tổ chức, sắp xếp được các công việc trong gia đình một cách khoa học. - Thực hiện có trách nhiệm các nhiệm vụ được giao trong gia đình.	giáo viên chủ nhiệm)		tiếp, ứng xử tích cực, giải quyết mâu thuẫn, bất đồng trong gia đình. - Thực hành lập kế hoạch, sắp xếp công việc trong gia đình, chia sẻ kinh nghiệm thực tế. - Chia sẻ trải nghiệm cá nhân về trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân đối với gia đình. - Tổ chức hội thi, hoạt động nhóm với chủ đề “Gia đình hạnh phúc” hoặc hoạt động gắn kết giữa nhà trường và gia đình.	khí yêu thương. - Tuần 3-4: Hướng dẫn kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, tổ chức sắp xếp công việc gia đình, chia sẻ trách nhiệm. - Tuần 5: Tổng kết, trình bày sản phẩm trải nghiệm, cam kết hành động vì gia đình hạnh phúc.
Chủ đề 5: Xây dựng ngân sách và góp phần phát triển kinh tế gia đình	10	- Xây dựng được ngân sách cá nhân hợp lý, bao gồm các khoản thu, chi, tiết kiệm, cho, tặng. - Đề xuất được một số biện pháp góp phần phát triển kinh tế gia đình..	Giáo viên bộ môn Toán (hoặc giáo viên bộ môn Công nghệ)	- Quy mô trường/khối: 3 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 7 tiết	- Giới thiệu các kiến thức cơ bản về quản lý tài chính cá nhân, ngân sách gia đình. - Hướng dẫn cách lập ngân sách cá nhân, phân tích thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm, các khoản cho, tặng. - Tổ chức hoạt động lập kế hoạch ngân sách cá nhân, thảo luận về thói quen chi tiêu hợp lý. - Chia sẻ ý tưởng, đề xuất biện pháp đơn giản để góp	Tháng 1: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, kiến thức cơ bản về ngân sách cá nhân, kỹ năng lập ngân sách. - Tuần 3-4: Thực hành lập ngân sách cá nhân, thảo luận giải pháp phát triển kinh tế gia

					phân phát triển kinh tế gia đình (tận dụng tài nguyên sẵn có, tiết kiệm năng lượng, tham gia lao động phù hợp với độ tuổi...). - Trình bày sản phẩm hoạt động: bảng ngân sách cá nhân, kế hoạch tiết kiệm, ý tưởng hỗ trợ kinh tế gia đình.	đình. - Tuần 5: Tổng kết, trình bày sản phẩm, cam kết thực hành tiết kiệm và hỗ trợ gia đình.
Chủ đề 6: Xây dựng mạng lưới thực hiện các hoạt động cộng đồng	10	- Biết cách xây dựng mạng lưới quan hệ cộng đồng. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về những vấn đề học đường. - Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng tại địa phương.	Giáo viên bộ môn Ngữ văn (hoặc giáo viên chủ nhiệm, giáo viên Tổng phụ trách Đội)	- Quy mô trường/khối: 3 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 7 tiết	- Tìm hiểu các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong cộng đồng, vai trò của mạng lưới quan hệ cộng đồng đối với hoạt động học đường. - Hướng dẫn cách thiết lập mạng lưới quan hệ cộng đồng, cách kết nối, hợp tác. - Thực hành xây dựng kế hoạch truyền thông về các vấn đề học đường (vệ sinh, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, bảo vệ môi trường...). - Tham gia hoạt động cộng đồng: thăm hỏi gia đình chính sách, hoạt động nhân đạo, bảo vệ môi trường, các chương trình văn hóa truyền thống tại địa phương.	Tháng 2: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, tìm hiểu các tổ chức cộng đồng, hướng dẫn xây dựng mạng lưới quan hệ. - Tuần 3-4: Xây dựng kế hoạch truyền thông, tổ chức hoạt động truyền thông trong trường và cộng đồng. - Tuần 5: Tham gia hoạt động cộng đồng tại địa phương, tổng kết, báo

					- Trình bày sản phẩm hoạt động: kế hoạch truyền thông, báo cáo kết quả hoạt động cộng đồng.	cáo kết quả hoạt động.
Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường và cảnh quan đất nước	10	- Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) tại địa bàn sinh sống. - Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. - Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về cảnh quan thiên nhiên,	Giáo viên bộ môn LSDL (Địa lý) hoặc giáo viên môn KHTN (Sinh học), Tổng phụ trách Đội)	- Quy mô trường/khối: 3 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 7 tiết	- Tìm hiểu thực trạng ô nhiễm môi trường tại địa phương; hướng dẫn khảo sát nguyên nhân ô nhiễm đất, nước, không khí. - Hướng dẫn kỹ năng tuyên truyền, vận động cộng đồng phòng chống ô nhiễm môi trường. - Thực hành thiết kế sản phẩm tuyên truyền về bảo vệ môi trường, sản phẩm giới thiệu cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh. - Xây dựng kế hoạch quảng bá cảnh quan thiên nhiên qua các kênh truyền thông học đường hoặc cộng đồng (poster, video, truyền thông trực tuyến...). - Trình bày sản phẩm và kết quả hoạt động, cam kết bảo vệ môi trường.	Tháng 3: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, hướng dẫn khảo sát nguyên nhân ô nhiễm môi trường. - Tuần 3-4: Thực hiện khảo sát, thiết kế sản phẩm tuyên truyền về môi trường và cảnh quan thiên nhiên. - Tuần 5: Triển khai hoạt động tuyên truyền, báo cáo kết quả, cam kết bảo vệ môi trường và quảng bá cảnh quan đất nước.

		danh lam thắng cảnh của đất nước.				
Chủ đề 8: Tìm hiểu những nghề em quan tâm	14	- Kể tên được những nghề mà mình quan tâm. - Nêu được hoạt động đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động của những nghề đó. - Nêu được phẩm chất và năng lực cần có của người làm nghề. - Nhận diện được những nguy hiểm có thể có và cách giữ an toàn khi làm nghề. - Đánh giá, rèn luyện phẩm chất và năng lực liên quan đến nghề quan tâm.	Giáo viên bộ môn Công nghệ	- Quy mô trường/khối: 4 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 10 tiết	- Tìm hiểu danh sách các nghề phổ biến, giới thiệu nghề nghiệp ở địa phương và trên cả nước. - Hướng dẫn học sinh cách xác định nghề quan tâm, mô tả hoạt động đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động của nghề. - Thảo luận các phẩm chất, năng lực cần có của từng nghề, hướng dẫn cách tự đánh giá bản thân. - Nhận diện các nguy hiểm nghề nghiệp và rèn kỹ năng giữ an toàn lao động. - Thực hành khảo sát, thu thập thông tin về nghề, trình bày báo cáo, thiết kế sản phẩm hoặc tiểu phẩm liên quan đến nghề quan tâm. - Xây dựng kế hoạch rèn luyện năng lực cá nhân theo nghề chọn.	Tháng 4: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, tìm hiểu các nghề phổ biến, xác định nghề quan tâm. - Tuần 3-4: Phân tích đặc điểm nghề, hoạt động đặc trưng, trang thiết bị, phẩm chất, năng lực liên quan. - Tuần 5-6: Nhận diện nguy cơ nghề nghiệp, hướng dẫn an toàn lao động. - Tuần 7: Thực hành khảo sát, thiết kế sản phẩm liên quan nghề, trình bày sản phẩm, xây dựng kế hoạch

						rèn luyện năng lực cá nhân.
Chủ đề 9: Xác định con đường cho bản thân sau THCS	14	- Tìm hiểu được hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề ở trung ương và địa phương. - Tham vấn ý kiến của người thân, thầy cô về con đường sau THCS. - Ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc sau THCS. - Thực hiện được kế hoạch phát triển bản thân để đạt yêu cầu định hướng nghề nghiệp. - Tự đánh giá hiệu quả việc rèn luyện phẩm chất, năng lực cần có của người lao động.	Giáo viên bộ môn Công nghệ	- Quy mô trường/khối: 4 tiết - Quy mô nhóm/lớp: 10 tiết	- Giới thiệu hệ thống các trường THPT, trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp tại trung ương và địa phương. - Hướng dẫn học sinh tìm hiểu thông tin về các nghề nghiệp, cơ hội học tập và việc làm sau THCS. - Tổ chức hoạt động tham vấn ý kiến phụ huynh, giáo viên, người lao động địa phương. - Hướng dẫn kỹ năng ra quyết định lựa chọn con đường học tập phù hợp sau THCS. - Hỗ trợ học sinh xây dựng kế hoạch phát triển bản thân (ngắn hạn, dài hạn). - Thực hành tự đánh giá, nhận xét về quá trình rèn luyện bản thân với yêu cầu nghề nghiệp đã chọn.	Tháng 5: - Tuần 1-2: Giới thiệu chủ đề, tìm hiểu hệ thống trường học và các nghề đào tạo sau THCS. - Tuần 3-4: Tổ chức hoạt động tham vấn ý kiến phụ huynh, thầy cô, chuyên gia. - Tuần 5-6: Hướng dẫn kỹ năng ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch phát triển bản thân. - Tuần 7: Tổng kết, tự đánh giá kết quả rèn luyện, trình bày kế hoạch phát triển cá nhân.

3. Đánh giá định kì

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Đánh giá thường xuyên	Sau khi kết thúc mỗi chủ đề	Theo tiến độ thực hiện trong năm học	Đáp ứng yêu cầu cụ thể của từng chủ đề, bao gồm: - Chủ đề 1: Khả năng thích nghi, tạo động lực, ứng phó áp lực. - Chủ đề 2: Nhận diện giao tiếp tích cực/chưa tích cực, khảo sát giao tiếp trên mạng xã hội. - Chủ đề 3: Xây dựng trường học thân thiện, kỹ năng phòng chống bắt nạt, lao động công ích, truyền thống nhà trường. - Chủ đề 4: Gắn kết gia đình, giải quyết mâu thuẫn, sắp xếp công việc, trách nhiệm trong gia đình. - Chủ đề 5: Lập ngân sách cá nhân, đề xuất biện pháp phát triển kinh tế gia đình. - Chủ đề 6: Xây dựng mạng lưới cộng đồng, kế hoạch truyền thông, tham gia hoạt động cộng đồng. - Chủ đề 7: Khảo sát nguyên nhân ô nhiễm môi trường, tuyên truyền bảo vệ môi trường, quảng bá cảnh quan đất nước. - Chủ đề 8: Tìm hiểu nghề quan tâm, đánh giá năng lực, an toàn lao động nghề. - Chủ đề 9: Xác định hướng đi sau THCS, lập kế hoạch phát triển bản thân, tự đánh giá năng lực nghề nghiệp.	- Sản phẩm hoạt động cá nhân/nhóm (báo cáo, tranh, video, tiểu phẩm, mô hình, dự án...). - Bảng kiểm đánh giá của giáo viên. - Phiếu tự đánh giá hoặc đánh giá nhóm.

Đánh giá cuối học kỳ I	Trong tuần 17	Tuần 17	Đáp ứng yêu cầu của các chủ đề đã học trong học kỳ I: - Chủ đề 1, 2, 3, 4: Kỹ năng thích nghi, giao tiếp tích cực, ứng phó áp lực, xây dựng môi trường học đường thân thiện, gắn kết gia đình, trách nhiệm cá nhân.	- Sản phẩm hoạt động cá nhân/nhóm (báo cáo, video, sản phẩm thuyết trình). - Phiếu đánh giá của giáo viên, học sinh. - Báo cáo trải nghiệm hoặc cam kết hành động (viết hoặc video).
Đánh giá cuối học kỳ II	Trong tuần 35	Tuần 35	Đáp ứng yêu cầu các chủ đề đã học trong học kỳ II: - Chủ đề 5, 6, 7, 8, 9: Kỹ năng lập ngân sách, kỹ năng cộng đồng, bảo vệ môi trường, tìm hiểu nghề nghiệp, định hướng tương lai, xây dựng kế hoạch phát triển bản thân, cam kết rèn luyện lâu dài.	- Sản phẩm hoạt động cá nhân/nhóm (dự án, video, tiểu phẩm, poster, sản phẩm trải nghiệm). - Bảng kiểm đánh giá của giáo viên, học sinh. - Tổng kết, rút kinh nghiệm, cam kết hành động cá nhân (báo cáo viết, video hoặc sản phẩm trải nghiệm).

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

1.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn

Việc xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục trong tổ chuyên môn cần được thực hiện theo hướng linh hoạt, thực tiễn và gắn với đặc thù đối tượng học sinh tại địa phương. Căn cứ theo Phụ lục 2 của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH, tổ chuyên môn cần căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các điều kiện thực tế (cơ sở vật chất, đội ngũ, hoàn cảnh học sinh) để lựa chọn, phân phối nội dung hoạt động phù hợp theo từng chủ đề, từng tháng.

Tổ chuyên môn cần tổ chức họp định kỳ để thảo luận, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng giáo viên phụ trách từng nội dung hoạt động, đồng thời xác định rõ: mục tiêu cần đạt; nội dung hoạt động chính; phương pháp tổ chức phù hợp (cá nhân, nhóm, trải nghiệm, khảo sát, dự án,...); sản phẩm dự kiến; hình thức và tiêu chí đánh giá. Đặc biệt, đối với các trường vùng khó khăn, nội dung và hình thức cần giản lược, gần gũi, gắn với thực tiễn cuộc sống của học sinh (như lao động sản xuất, bảo vệ môi trường, tiết kiệm trong chi tiêu, hỗ trợ gia đình...).

Kế hoạch cần thể hiện rõ được tiến trình thực hiện trong năm học, sự phối hợp giữa các bộ môn liên quan và các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: đoàn thể địa phương, gia đình học sinh, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã (nếu có). Qua đó, góp phần hiện thực hóa mục tiêu giáo dục toàn diện và định hướng nghề nghiệp sớm cho học sinh, gắn kết hiệu quả giữa giáo dục phổ thông và yêu cầu phát triển bền vững nông thôn mới.

I. Cách sử dụng bảng 1.1: Hoạt động trải nghiệm (qua hình thức trải nghiệm thực tiễn tại địa phương hoặc cơ sở)

Mục	Hướng dẫn ghi nội dung
Chủ đề	Ghi rõ tên chủ đề trong chương trình (ví dụ: Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường và quảng bá cảnh quan đất nước; Chủ đề 9: Xác định con đường học tập sau THCS).
Yêu cầu cần đạt	Trích nguyên văn hoặc rút gọn các yêu cầu cần đạt của chủ đề trong chương trình GDPT, chú trọng đến năng lực tự chủ, giao tiếp, thích nghi, định hướng nghề nghiệp.
Số tiết	Ghi rõ số tiết tổ chức hoạt động (VD: 5 tiết tương đương 1 buổi trải nghiệm).
Thời điểm	Ghi tuần dự kiến thực hiện theo KH năm học (VD: Tuần 28).
Địa điểm	Ghi rõ nơi tổ chức trải nghiệm: cơ sở sản xuất, khu danh lam thắng cảnh, trung tâm nghề nghiệp, doanh nghiệp, bảo tàng, công ty...

Đơn vị chủ trì	Ghi tên GV phụ trách hoạt động, thường là giáo viên bộ môn tích hợp (Công nghệ, GD&ĐT, Địa lý, HĐTN...).
Phối hợp	Ghi rõ các đơn vị phối hợp: đoàn thanh niên, doanh nghiệp, trung tâm hướng nghiệp, hội phụ huynh, UBND xã/phường...
Điều kiện thực hiện	Nêu rõ yêu cầu cần thiết như: sự hỗ trợ từ phụ huynh, phương tiện di chuyển, điều kiện an toàn, kinh phí nếu có... Tùy địa bàn (nông thôn, miền núi) có thể linh hoạt chọn địa điểm gần, gần với thực tiễn sống của HS.

II. Cách sử dụng bảng 1.2: Hoạt động sinh hoạt CLB

Mục	Hướng dẫn ghi nội dung
Câu lạc bộ	Ghi tên câu lạc bộ phù hợp với chủ đề học tập hoặc định hướng nghề nghiệp (VD: Câu lạc bộ “Em yêu môi trường xanh”, CLB “Khởi nghiệp trẻ”, “CLB Thợ nhỏ vùng cao”...).
Yêu cầu cần đạt	Ghi mục tiêu hoạt động định kỳ của CLB (nâng cao trách nhiệm cộng đồng, truyền thông bảo vệ môi trường, xây dựng kỹ năng nghề nghiệp, định hướng cá nhân...).
Số tiết	Tùy mô hình, ghi rõ tần suất: 1 buổi/tháng, hoặc 1 tiết/tuần (hoạt động định kỳ ngoài giờ học chính khóa).
Thời điểm	Ghi tuần/tháng tổ chức hoạt động (có thể linh hoạt theo điều kiện nhà trường và CLB).
Địa điểm	Trong/ngoài trường học (phòng chức năng, hội trường, địa điểm công cộng, doanh nghiệp...).
Đơn vị chủ trì	Ghi rõ GV phụ trách CLB hoặc giáo viên hướng nghiệp, Đoàn TN.
Phối hợp	Ghi tên các lực lượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, Phụ huynh, Hội khuyến học, Trung tâm nghề nghiệp...
Điều kiện thực hiện	Nêu rõ điều kiện để hoạt động hiệu quả: trang thiết bị, sự tham gia tự nguyện, hỗ trợ về thời gian, tài chính (nếu cần)...

Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại vùng nông thôn, miền núi cần đảm bảo tính thực tiễn, phù hợp với điều kiện văn hóa, kinh tế – xã hội và tâm lý lứa tuổi học sinh. Các nội dung giáo dục nên gắn với đời sống thường ngày như: bảo vệ rừng, trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công truyền thống, các mô hình kinh tế hộ gia đình, hay phát triển nghề đặc trưng của địa phương. Điều này

giúp học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn thấy rõ giá trị ứng dụng thực tế vào cuộc sống hàng ngày.

Bên cạnh đó, cần phát huy tối đa nguồn lực sẵn có tại địa phương. Có thể mời các nghệ nhân, nông dân giỏi, cán bộ hội nông dân, đoàn thể địa phương hoặc cựu học sinh thành đạt về giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm. Họ không chỉ là những người có hiểu biết thực tiễn mà còn là nguồn cảm hứng quý giá giúp học sinh định hình động lực học tập và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

Để tăng hiệu quả giáo dục, hình thức đánh giá cũng cần linh hoạt và đa dạng: báo cáo kết quả hoạt động theo nhóm, video mô tả quá trình thực hiện nhiệm vụ, sổ tay trải nghiệm cá nhân, bài thu hoạch ngắn gọn hoặc phỏng vấn ghi âm – ghi hình. Những hình thức này vừa phù hợp với khả năng thể hiện của học sinh, vừa dễ triển khai trong điều kiện thiếu thốn về cơ sở vật chất.

Cuối cùng, nên kết hợp hoạt động trải nghiệm với giáo dục kỹ năng sống như: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề thông qua các trò chơi, tình huống mô phỏng, hoạt động thực địa hoặc lao động công ích. Việc lồng ghép hướng nghiệp vào trải nghiệm thực tế như tham quan cơ sở sản xuất, mô hình vườn – ao – chuồng, xưởng thủ công,... sẽ giúp học sinh thấy được tiềm năng phát triển nghề ngay tại quê hương mình. Đây cũng chính là cách giáo dục lòng yêu quê hương, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

TRƯỜNG: THCS
BAN/TỔ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP – KHỐI LỚP 9**
(Năm học)

1. Khối lớp: 9 ; Số học sinh:...

1.1. Hoạt động trải nghiệm (qua hình thức trải nghiệm thực tiễn tại địa phương hoặc cơ sở)

TT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Đơn vị chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường và quảng bá cảnh quan đất nước	- Thực hiện khảo sát nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) tại địa bàn.- Tuyên truyền cộng đồng về bảo vệ môi trường.- Thiết kế sản phẩm quảng bá danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên.- Thực hiện kế hoạch quảng bá cảnh quan, di tích tại địa phương.	5 tiết (1 buổi)	Tuần 28	Các khu vực môi trường, danh lam thắng cảnh tại địa phương	GV bộ môn Địa lý	GV chủ nhiệm, Đoàn xã/phường, Ban quản lý khu di tích	- Xe đưa đón học sinh (nếu cần).- Chuẩn bị thiết bị khảo sát môi trường, đồ dùng tuyên truyền (tranh, poster, bảng, màu...)- Phối hợp phụ huynh, địa phương.
2	Chủ đề 9: Xác định con	- Tìm hiểu hệ thống các trường trung học, trung cấp nghề tại địa phương.- Tham	5 tiết (1 buổi)	Tuần 32	Các trung tâm GDNN-GDTX, cơ sở	GV bộ môn Công	Cha mẹ HS, các trung tâm giáo dục nghề	- Liên hệ sớm với các đơn vị, trường THPT, trung tâm

	đường cho bản thân sau THCS	vấn ý kiến thầy cô, gia đình về hướng đi sau THCS.- Ra quyết định lựa chọn học tập/làm việc sau THCS.- Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân.			đào tạo nghề, trường THPT, hội chợ hướng nghiệp (nếu có)	nghệ hoặc giáo viên hướng nghiệp	nghề, trường THPT	nghề.- Phối hợp phụ huynh hỗ trợ đưa đón.- Hỗ trợ truyền thông từ nhà trường, Đoàn Thanh niên.
--	-----------------------------	--	--	--	--	----------------------------------	-------------------	--

(Thực hiện tương tự đối với các hoạt động giáo dục của khối lớp 6,7,8)

1.2. Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ

TT	Câu lạc bộ	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Đơn vị chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Câu lạc bộ “Vì môi trường xanh”	- Thực hiện được hoạt động khảo sát nguyên nhân ô nhiễm môi trường tại địa phương.- Tham gia xây dựng sản phẩm truyền thông, tuyên truyền về bảo vệ môi trường, quảng bá cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của đất nước.- Phát huy tinh thần trách nhiệm với môi trường, góp phần nâng cao ý thức cộng đồng.	1 buổi/tháng (tối thiểu 9-10 buổi/năm học)	Chiều thứ Bảy hoặc cuối tuần hàng tháng	Phòng sinh hoạt CLB, sân trường hoặc tại cộng đồng	GV chủ nhiệm CLB (giáo viên bộ môn Địa lý hoặc giáo viên hướng nghiệp)	GV chủ nhiệm lớp, GV Bộ môn, Đoàn Thanh niên	- Học sinh đăng ký tham gia theo nguyện vọng.- Xây dựng kế hoạch hoạt động câu lạc bộ theo tháng/quý.- Có kinh phí hỗ trợ, đồ dùng hoạt động (giấy, bút, bảng, poster, màu...)- Tổng kết, báo cáo kết quả hoạt động định kỳ.

(Thực hiện tương tự đối với các hoạt động giáo dục của khối lớp 6,7,8)

Lưu ý: Tùy vào điều kiện của từng trường, mỗi trường có thể lên kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục khác đạt được YCCĐ của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được quy định trong chương trình. Thời lượng của hoạt động được lấy từ thời

lượng 105 tiết được quy định trong chương trình HĐTN, HN. Riêng hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ tùy vào nhu cầu sở thích và điều kiện thời gian của nhà trường mà thực hiện cho phù hợp.

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

1.3. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch của giáo viên

Phụ lục 3 là biểu mẫu bắt buộc trong quá trình xây dựng kế hoạch giáo dục, giúp giáo viên thiết kế chi tiết kế hoạch dạy học theo từng chủ đề trong môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đây là công cụ quan trọng, hỗ trợ giáo viên cụ thể hóa toàn bộ nội dung giảng dạy, đảm bảo việc tổ chức các hoạt động được triển khai bài bản, khoa học và sát với yêu cầu chương trình.

Thông qua Phụ lục 3, giáo viên cần thể hiện rõ các nội dung cốt lõi sau:

i) Xác định cụ thể nội dung dạy học theo từng tiết, từng hoạt động nhằm giúp học sinh dễ dàng tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng. Mỗi hoạt động cần được mô tả chi tiết, nêu rõ cách thức tổ chức, hình thức triển khai phù hợp với đặc điểm chủ đề.

ii) Phân chia thời lượng hợp lý cho từng phần việc trong chủ đề, đảm bảo cân đối giữa lý thuyết và thực hành, phù hợp với năng lực học sinh và điều kiện thực tế của trường.

iii) Chuẩn bị đầy đủ thiết bị, phương tiện dạy học, học liệu hỗ trợ như video, tranh ảnh, phiếu khảo sát, công cụ thực hành... Giáo viên cần ghi rõ những thiết bị sẽ sử dụng cho từng hoạt động, từng tiết học.

iv) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt trong tổ chức hoạt động, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, tình hình học sinh và bối cảnh nhà trường. Giáo viên có thể điều chỉnh, sắp xếp tiến trình linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo đạt mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chủ đề.

Phụ lục 3 cũng giúp giáo viên chủ động hơn trong việc thiết kế tiến trình dạy học, từ khâu giới thiệu chủ đề, tìm hiểu nội dung, tổ chức thực hành, thảo luận, đến báo cáo kết quả và đánh giá. Đây là căn cứ để tổ chuyên môn kiểm tra, góp ý, đồng thời giúp nhà trường quản lý hiệu quả việc triển khai hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong năm học.

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch (Phụ lục 3 – Công văn 5512)

Khi xây dựng kế hoạch dạy học chi tiết theo Phụ lục 3, giáo viên cần tuân thủ các nguyên tắc sau để đảm bảo kế hoạch vừa khoa học, vừa khả thi, phù hợp với chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:

(i) Bám sát yêu cầu cần đạt của từng chủ đề trong chương trình: Giáo viên phải nghiên cứu kỹ các yêu cầu cần đạt của từng chủ đề đã được quy định trong chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Mọi hoạt động được thiết kế trong kế hoạch đều phải phục vụ cho việc đạt được các yêu cầu này. Đồng thời, giáo viên cần cụ thể hóa yêu cầu thành các mục tiêu rõ ràng, phù hợp với đặc điểm học sinh của lớp mình phụ trách.

(2) Đảm bảo đầy đủ các hoạt động trong kế hoạch: Kế hoạch giáo dục phải đầy đủ các hoạt động cơ bản theo đúng quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gồm:

– Tìm hiểu: Cung cấp kiến thức, thông tin nền, định hướng nội dung chủ đề.

- Thực hành: Học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế.
- Thảo luận: Trao đổi, chia sẻ, làm việc nhóm để mở rộng, đào sâu hiểu biết.
- Báo cáo: Học sinh trình bày, báo cáo kết quả hoạt động của cá nhân/nhóm.
- Đánh giá: Giáo viên hướng dẫn học sinh tự đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm.

Các hoạt động này cần được phân bổ hợp lý, gắn kết chặt chẽ, đảm bảo sự liên mạch trong tiến trình tổ chức hoạt động.

(3) Phân bố thời lượng hợp lý, linh hoạt: Thời lượng các tiết dạy trong kế hoạch không bắt buộc phải chia đều cho các tuần. Giáo viên có thể sắp xếp linh hoạt, phù hợp với tiến độ học tập thực tế và đặc thù từng chủ đề. Mục tiêu là đảm bảo học sinh đạt yêu cầu cần đạt và kế hoạch vẫn khả thi khi thực hiện tại trường.

(4) Kế hoạch phải cụ thể, rõ ràng, có tính khả thi cao:

Kế hoạch cần viết rõ ràng, chi tiết, dễ hiểu, dễ triển khai thực tế. Mỗi nội dung cần chỉ rõ:

- Mục tiêu cụ thể.
- Nội dung hoạt động tương ứng.
- Thiết bị, tài liệu dạy học cần thiết.
- Hình thức tổ chức.
- Tiến trình từng tiết học.

Giáo viên cần cân nhắc kỹ nguồn lực nhà trường và điều kiện lớp học để lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp, tránh tình trạng kế hoạch quá chung chung hoặc vượt quá khả năng triển khai.

2.3.1. Nội dung cần điền chi tiết trong Phụ lục 3 (Công văn 5512)

(1) Chủ đề/Bài học (Cột 1):

Ghi rõ tên chủ đề hoặc bài học mà giáo viên phụ trách, đúng theo tên trong kế hoạch phân phối chương trình của trường. Ví dụ: “*Chủ đề 1: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống*”.

(2) Số tiết (Cột 2): Ghi tổng số tiết thực hiện cho chủ đề này. Sau đó, phân chia rõ ràng số tiết theo từng nội dung hoạt động bên trong chủ đề:

- Giới thiệu, tìm hiểu chủ đề: ... tiết.
- Các nội dung chính: ... tiết (ghi cụ thể).
- Thực hành trải nghiệm: ... tiết.
- Tổng kết, đánh giá: ... tiết.

Phân chia này phải đảm bảo đúng tổng số tiết được giao.

(3) Thời điểm (tuần) (Cột 3): Ghi cụ thể khoảng thời gian dự kiến triển khai chủ đề theo tháng và tuần. Ví dụ: “*Tháng 9 – Tuần 1-7*”. Thời điểm cần phù hợp với kế hoạch phân phối chung của trường, có thể linh hoạt theo tình hình thực tế.

(4) Thiết bị dạy học theo hoạt động (Cột 4): Liệt kê cụ thể thiết bị, học liệu, phương tiện hỗ trợ cho từng hoạt động hoặc nhóm tiết học trong chủ đề. Nên ghi chi tiết, rõ ràng theo từng nhóm hoạt động:

- Giới thiệu/tìm hiểu: video, phiếu khảo sát, tranh ảnh...
- Thực hành/trải nghiệm: bảng kế hoạch cá nhân, phiếu luyện tập, tài liệu kỹ năng...
- Báo cáo, đánh giá: phiếu tự đánh giá, bảng kiểm, video tổng kết...
- Cách ghi cần gọn gàng, rõ ràng, dễ tra cứu khi thực hiện.

(5) Địa điểm dạy học theo hoạt động (Cột 5): Ghi chi tiết địa điểm cụ thể tổ chức từng hoạt động:

- Trong lớp học (tiết lý thuyết, thảo luận).
- Phòng hội trường, phòng hội thảo (hoạt động lớn, thuyết trình, báo cáo).
- Sân trường (thực hành, hoạt động nhóm ngoài trời).
- Các địa điểm khác tùy vào yêu cầu hoạt động.

Nên chia rõ theo từng hoạt động hoặc từng cụm tiết để đảm bảo dễ bố trí, ví dụ như:

- Giới thiệu/tìm hiểu: lớp học, phòng hội thảo.
- Thực hành: sân trường, lớp học.
- Tổng kết: lớp học hoặc hội trường.

Giáo viên cần lưu ý tất cả nội dung trong kế hoạch cần được xây dựng cụ thể, khả thi, sát với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo tính thực tiễn khi triển khai. Giáo viên cần rà soát kỹ lưỡng, bảo đảm đầy đủ thiết bị, địa điểm trước khi tiến hành các hoạt động. Các thông tin điền vào Phụ lục 3 không chỉ phục vụ cho việc tổ chức hoạt động mà còn là căn cứ để tổ chuyên môn và Ban Giám hiệu kiểm tra, góp ý, thẩm định và xét duyệt kế hoạch.

Ví dụ về phân phối chương trình của Phụ lục 3.

STT	Chủ đề/Bài học	Số tiết	Thời điểm (tuần)	Thiết bị dạy học theo hoạt động	Địa điểm dạy học theo hoạt động
-----	----------------	---------	------------------	---------------------------------	---------------------------------

1	Chủ đề 1: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống	15	Tháng 9, Tuần 1-7	- Giới thiệu, tìm hiểu chủ đề (2 tiết): Video, phiếu khảo sát, bảng thảo luận. - Khám phá năng lực thích nghi (3 tiết): Tranh tình huống, video thảo luận nhóm, phiếu luyện tập. - Kỹ năng ứng phó áp lực (4 tiết): Bảng kế hoạch cá nhân, tài liệu rèn luyện kỹ năng, video hướng dẫn. - Thực hành tạo động lực (4 tiết): Phiếu luyện tập, bảng cam kết hành động, video minh họa. - Tổng kết, đánh giá (2 tiết): Phiếu tự đánh giá, bảng kiểm kết quả.	- Giới thiệu, tìm hiểu: Lớp học, phòng hội thảo (2 tiết). - Khám phá năng lực thích nghi: Lớp học, sân trường (3 tiết). - Kỹ năng ứng phó áp lực: Lớp học, phòng hội thảo (4 tiết). - Thực hành tạo động lực: Lớp học, sân trường (4 tiết). - Tổng kết, đánh giá: Lớp học (2 tiết).
---	---	----	----------------------------	--	---

Giáo viên có thể linh hoạt điều chỉnh thiết bị, địa điểm tổ chức hoạt động sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của lớp học và nhà trường. Kế hoạch này có thể sử dụng trực tiếp để đưa vào Phụ lục 3 hoặc tích hợp vào kế hoạch chung gửi nhà trường. Đây là mẫu kế hoạch chuẩn, giáo viên chỉ cần thay đổi tên lớp hoặc tên giáo viên phụ trách nếu cần thiết, không cần chỉnh sửa thêm nội dung khác.

Phụ lục III

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Họ và tên giáo viên:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, LỚP.....

(Năm học 20..... - 20.....)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Chủ đề/Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (tuần) (3)	Thiết bị dạy học theo hoạt động (4)	Địa điểm dạy học theo hoạt động (5)
1	Chủ đề 1: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống	15 - Giới thiệu, tìm hiểu chủ đề: 2 tiết - Khám phá năng lực thích nghi: 3 tiết - Kỹ năng ứng phó áp lực: 4 tiết - Thực hành tạo động lực: 4 tiết - Tổng kết, đánh giá: 2 tiết	Tháng 9, Tuần 1-7	- Video, phiếu khảo sát, bảng thảo luận (2 tiết) - Tranh tình huống, video thảo luận nhóm (3 tiết) - Bảng kế hoạch cá nhân, phiếu luyện tập (4 tiết) - Tài liệu rèn luyện kỹ năng, video hướng dẫn (4 tiết) - Phiếu tự đánh giá, bảng kiểm (2 tiết)	Lớp học, phòng hội thảo (2 tiết) Lớp học, sân trường (3 tiết) Lớp học, phòng hội thảo (4 tiết) Lớp học, sân trường (4 tiết) Lớp học (2 tiết)
2	Chủ đề 2: Giao tiếp, ứng xử tích cực	12 - Giới thiệu, nhận diện hành vi: 2 tiết - Thực hành giao tiếp: 3 tiết - Khảo sát giao	Tháng 10, Tuần 1-5	- Tranh, video, phiếu tình huống (2 tiết) - Video mẫu, bảng kịch bản (3 tiết) - Phiếu khảo sát, máy tính (3 tiết) - Tài liệu luyện tập, video	Lớp học, phòng truyền thông (2 tiết) Lớp học, sân trường (3 tiết) Lớp học, thư viện (3 tiết)

		tiếp mạng xã hội: 3 tiết - Rèn luyện giao tiếp tích cực: 2 tiết - Tổng kết, sản phẩm: 2 tiết		hướng dẫn (2 tiết) - Phiếu đánh giá, sản phẩm nhóm (2 tiết)	Lớp học (2 tiết) Lớp học (2 tiết)
3	Chủ đề 3: Xây dựng nhà trường thân thiện, học sinh tích cực	10 - Giới thiệu môi trường học tập: 2 tiết - Kỹ năng phòng chống bắt nạt: 3 tiết - Hoạt động lao động công ích: 3 tiết - Tổng kết, sản phẩm: 2 tiết	Tháng 11, Tuần 1- 5	- Video nội quy, tranh tuyên truyền (2 tiết) - Phiếu khảo sát, video tình huống (3 tiết) - Dụng cụ lao động, bảng phân công (3 tiết) - Phiếu đánh giá, nhật ký trải nghiệm (2 tiết)	Lớp học (2 tiết) Lớp học, hội trường (3 tiết) Sân trường, khuôn viên trường (3 tiết) Lớp học (2 tiết)
4	Chủ đề 4: Góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc	10 - Giới thiệu vai trò gia đình: 2 tiết - Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn: 3 tiết - Thực hành sắp xếp công việc gia đình: 3 tiết - Tổng kết, sản phẩm: 2 tiết	Tháng 12, Tuần 1- 5	- Tranh ảnh, video tuyên truyền gia đình (2 tiết) - Kịch bản tình huống, video mẫu (3 tiết) - Bảng phân công việc nhà, phiếu trải nghiệm (3 tiết) - Phiếu tự đánh giá, video tổng kết (2 tiết)	Lớp học, hội trường (2 tiết) Lớp học (3 tiết) Lớp học, sân trường (3 tiết) Lớp học (2 tiết)
	Chủ đề 5: Xây dựng ngân sách và góp phần phát triển kinh tế gia đình	10 - Giới thiệu kỹ năng quản lý tài chính: 2 tiết - Lập ngân sách cá nhân: 3 tiết - Thảo luận giải pháp phát triển kinh tế gia đình: 3 tiết - Tổng kết, sản phẩm: 2 tiết	Tháng 1, Tuần 1-5	- Video, phiếu kế hoạch tài chính (2 tiết) - Bảng mẫu ngân sách, máy tính cầm tay (3 tiết) - Phiếu thảo luận, tranh gợi ý tiết kiệm (3 tiết) - Phiếu tự đánh giá, sản phẩm chi tiêu cá nhân (2 tiết)	Lớp học (2 tiết) Lớp học, phòng máy tính (3 tiết) Lớp học (3 tiết) Lớp học (2 tiết)

Chủ đề 6: Xây dựng mạng lưới thực hiện các hoạt động cộng đồng	10 - Giới thiệu tổ chức cộng đồng: 2 tiết - Kỹ năng thiết lập mạng lưới: 3 tiết - Thực hành truyền thông cộng đồng: 3 tiết - Tổng kết, sản phẩm: 2 tiết	Tháng 2, Tuần 1-5	- Video về hoạt động cộng đồng, tranh gợi ý (2 tiết) - Phiếu hướng dẫn thiết lập mạng lưới, sơ đồ tư duy (3 tiết) - Poster, tranh tuyên truyền, dụng cụ truyền thông (3 tiết) - Phiếu đánh giá, sản phẩm truyền thông (2 tiết)	Lớp học (2 tiết) Lớp học, sân trường (3 tiết) Sân trường, địa phương (3 tiết) Lớp học (2 tiết)
Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường và quảng bá cảnh quan đất nước	10 - Giới thiệu vấn đề môi trường: 2 tiết - Khảo sát ô nhiễm môi trường: 2 tiết - Thiết kế sản phẩm truyền thông: 3 tiết - Tổng kết, sản phẩm: 3 tiết	Tháng 3, Tuần 1-5	- Video tài liệu về môi trường, tranh ảnh (2 tiết) - Dụng cụ khảo sát, phiếu khảo sát thực địa (2 tiết) - Dụng cụ vẽ, máy tính, giấy bút, phần mềm thiết kế (3 tiết) - Phiếu đánh giá, sản phẩm truyền thông (3 tiết)	Lớp học (2 tiết) Khu vực môi trường, sân trường (2 tiết) Lớp học, phòng máy tính (3 tiết) Lớp học, sân trường (3 tiết)
Chủ đề 8: Tìm hiểu những nghề em quan tâm	14 - Giới thiệu nghề phổ biến: 2 tiết - Tìm hiểu điều kiện nghề, an toàn lao động: 3 tiết - Khảo sát, phỏng vấn nghề nghiệp: 5 tiết - Tổng kết, sản phẩm nghề nghiệp: 4 tiết	Tháng 4, Tuần 1-7	- Video nghề nghiệp, phiếu khảo sát (2 tiết) - Tranh ảnh nghề nghiệp, bảng điều kiện lao động (3 tiết) - Máy ghi âm, máy quay, bảng phỏng vấn, phiếu khảo sát (5 tiết) - Phiếu tự đánh giá, sản phẩm thuyết trình nghề nghiệp (4 tiết)	Lớp học (2 tiết) Lớp học, thư viện (3 tiết) Lớp học, trung tâm GDNN hoặc cộng đồng (5 tiết) Lớp học (4 tiết)
Chủ đề 9: Xác định con đường cho bản thân sau THCS	14 - Giới thiệu hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề, trường THPT và các hướng đi sau THCS: 2 tiết	Tháng 5, Tuần 1-7	- Video giới thiệu các trường trung học, trung cấp nghề, trường THPT, bảng so sánh lộ trình học tập và nghề nghiệp (2 tiết) - Phiếu tham vấn, bảng câu hỏi khảo sát, máy ghi âm (nếu có), video	Lớp học, phòng hội trường (2 tiết) Lớp học, phòng họp phụ huynh hoặc thư viện, hội trường (3 tiết) Lớp học, phòng máy

		- Tham vấn ý kiến phụ huynh, thầy cô, chuyên gia, cựu học sinh: 3 tiết - Hướng dẫn lập kế hoạch phát triển bản thân (ngắn hạn, dài hạn): 5 tiết - Tổng kết, trình bày sản phẩm, tự đánh giá kế hoạch phát triển cá nhân: 4 tiết		phỏng vấn chuyên gia, cựu học sinh (3 tiết) - Phiếu lập kế hoạch phát triển cá nhân, bảng kế hoạch cá nhân, máy tính, tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch (5 tiết) - Phiếu tự đánh giá, mẫu sản phẩm kế hoạch phát triển cá nhân, video hoặc thuyết trình nhóm (4 tiết)	tính (5 tiết) Lớp học, hội trường hoặc phòng truyền thông (4 tiết)
--	--	---	--	---	---

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.

(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.

(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

.....

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

1.4. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục chủ đề

Trên cơ sở kế hoạch của tổ chuyên môn và sự phân công của tổ, GV đã tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân. Kế hoạch cá nhân là cơ sở quan trọng để GV tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục chủ đề. Dựa trên thời điểm (tuần giảng dạy) trong kế hoạch cá nhân và thời khóa biểu, GV cần tiến hành xây dựng và hoàn thiện kế hoạch giáo dục chủ đề trước khi lên lớp.

Quy trình xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN, HN chủ đề được thể hiện như sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu của chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Trong bước này cần tìm hiểu chương trình HĐTNHN, các YCCĐ trong chương trình HĐTNHN đã được quy định (YCCĐ về năng lực đặc thù; YCCĐ về năng lực chung; YCCĐ về phẩm chất). Từ đó xác định mạch nội dung, mạch hoạt động và các YCCĐ của khối/lớp; đặt tên chủ đề HĐTNHN cần tổ chức. Xác định và đặt tên cho các chủ đề hoạt động phù hợp với đặc điểm đối tượng HS; tình hình cụ thể địa phương; kế hoạch giáo dục nhà trường, các YCCĐ trong chương trình HĐTNHN.

Để xác định mục tiêu của chủ đề HĐTNHN cần xác định:

*** Các căn cứ xác định mục tiêu của chủ đề HĐTNHN**

(1) Căn cứ vào YCCĐ của chủ đề: Dựa vào YCCĐ được quy định trong chương trình GDPT 2018 – HĐTNHN ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hoặc từ kết quả xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTNHN năm học.

(2) Căn cứ vào phẩm chất và năng lực hiện tại của HS lớp học cũng như YCCĐ về phẩm chất chung và năng lực chung được quy định chương trình GDPT tổng thể 2018 - Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng GDĐT.

(3) Căn cứ vào đặc điểm môi trường giáo dục; vào phương tiện, thiết bị và hình thức, phương pháp, kỹ thuật tổ chức hoạt động giáo dục: Tùy vào việc lựa chọn hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục dựa trên tình hình thực tế về cơ sở vật chất, điều kiện của nhà trường, GV có thể xác định các mục tiêu phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù tương ứng.

*** Yêu cầu khi viết mục tiêu của chủ đề HĐTNHN**

(1) Trình bày mục tiêu theo biểu hiện của phẩm chất và năng lực.

- Đối với năng lực đặc thù: Mục tiêu về năng lực đặc thù được thể hiện ở YCCĐ và cần cụ thể đến thành tố và biểu hiện của năng lực.

- Đối với năng lực chung và phẩm chất: Chỉ nêu tên và biểu hiện nổi bật của năng lực chung và phẩm chất mà phù hợp với chủ đề và chủ đề có lợi thế phát triển; liên quan mật thiết đến nội dung chủ đề giáo dục. Việc xác định mục tiêu

phẩm chất, năng lực chung cần được liên hệ với cách thức tổ chức hoạt động của GV, liên quan trực tiếp đến phương pháp, kĩ thuật, phương tiện giáo dục, kể cả cách thức đánh giá mà GV sử dụng trong mỗi hoạt động của chủ đề.

(2) Mục tiêu về phẩm chất và năng lực được biểu đạt bằng động từ cụ thể, lượng hoá được và phải bao trùm được YCCĐ của chủ đề. Một mục tiêu phù hợp thường mô tả hoạt động học tập của HS thay vì mô tả hoạt động diễn ra trong lớp học hoặc mô tả hành vi của GV.

** Cách thức thực hiện*

(1) Xác định YCCĐ và mục tiêu của chủ đề giáo dục

- Dựa trên kết quả xây dựng HĐTNHN năm học đã xây dựng, chương trình HĐTNHN để xác định các mục tiêu về năng lực đặc thù tương ứng với chủ đề, biểu hiện cụ thể của các năng lực đặc thù đó.

- Xác định mục tiêu phẩm chất và năng lực chung: Đối chiếu với YCCĐ của chủ đề giáo dục, hình thức/ phương pháp giáo dục dự kiến thực hiện; dựa vào biểu hiện của các phẩm chất, năng lực chung được mô tả trong chương trình GDPT tổng thể 2018, GV có thể xác định được các phẩm chất và năng lực chung hướng đến của chủ đề.

(2) Xác định nội dung giáo dục cần thực hiện của chủ đề: Căn cứ vào mục tiêu đã xác định, mạch nội dung và mạch hoạt động trong chương trình HĐTN, HN. Sau đó liệt kê cụ thể các nội dung cần thực hiện trong chủ đề đó và chi tiết hóa nội dung chi tiết của chủ đề, từ đó có căn cứ cho GV tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục. GV có thể tham khảo SGK mà nhà trường đã lựa chọn để xác định nội dung giáo dục chủ đề.

YCCĐ được thể hiện trong chương trình HĐTN, HN/ tên chủ đề	Mục tiêu chủ đề	Nội dung giáo dục của chủ đề
- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống trong cuộc sống. - Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống. - Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động.	1/ Về năng lực 1.1. Năng lực đặc thù - Nhận ra được khả năng thích nghi của bản thân khi đối mặt với những thay đổi trong cuộc sống. - Xác định được những yếu tố, tình huống có thể gây áp lực đối với bản thân và cách ứng phó phù hợp. - Tự tin thực hiện các phương pháp tạo động	1. Tìm hiểu nguyên nhân gây áp lực: - Xác định các nguyên nhân gây căng thẳng trong học tập và đời sống cá nhân. 2. Cách ứng phó với áp lực: - Thực hành các phương pháp giúp kiểm soát cảm xúc,

=> Tên chủ đề: “Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống” (lớp 9)	lực cá nhân trong học tập và cuộc sống. 1.2. Năng lực chung: - <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Biết tự điều chỉnh hành vi, cảm xúc trong các tình huống áp lực. - <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Biết chia sẻ, tìm kiếm sự hỗ trợ từ người thân, bạn bè, thầy cô khi cần thiết. 2/ Về phẩm chất: - Có ý thức rèn luyện bản thân, hình thành tinh thần tự giác, tích cực trong học tập và rèn luyện. - Thể hiện sự trách nhiệm, kiên trì vượt qua khó khăn, áp lực trong cuộc sống. - Có thái độ tôn trọng bản thân và những người xung quanh trong quá trình ứng phó với áp lực và tạo động lực cá nhân.	thư giãn, giải tỏa căng thẳng. 3. Tạo động lực cá nhân: - Rèn luyện thói quen tích cực, kỹ năng lập kế hoạch, đặt mục tiêu cá nhân, kỹ năng tự khích lệ bản thân.
---	---	--

Bảng 1. Ví dụ minh họa cách xác định mục tiêu của chủ đề giáo dục HDTNHN

Bước 2: Xác định chuỗi hoạt động giáo dục của chủ đề HDTNHN và xác định mục tiêu của hoạt động

Trên cơ sở mục tiêu và nội dung đã xác định ở bước 1, GV xác định chuỗi các hoạt động giáo dục, mà thực chất là các hoạt động học của HS. Với việc xác định chuỗi các hoạt động, GV có thể hình dung tổng thể hình thức/ phương pháp/ phương án đánh giá để đảm bảo giải quyết trọn vẹn mà không bỏ sót bất kì mục tiêu nào của chủ đề và đảm bảo chúng được triển khai theo trình tự phù hợp. Đây là bước trung gian để làm cơ sở cho việc thiết kế các hoạt động học cụ thể trong tiến trình tổ chức hoạt động giáo dục.

Chuỗi hoạt động giáo dục cần thể hiện được tiến trình tổ chức HDTNHN gồm các hoạt động.

Tùy thuộc vào từng chủ đề, GV có thể linh hoạt trong việc xác định chuỗi các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, GV cần lưu ý, không phải một chủ đề có bao nhiêu nội dung kiến thức thì GV sẽ tiến hành xây dựng bấy nhiêu hoạt động kết nối kinh nghiệm mới, đồng thời hoạt động vận dụng có thể được giao cho HS về nhà làm..

** Cách tiến hành:*

(1) Xác định các chuỗi hoạt động và mục tiêu của từng chuỗi hoạt động

Trên cơ sở mục tiêu và các nội dung cần thực hiện của chủ đề, sẽ tiến hành cụ thể hóa chuỗi hoạt động trong chủ đề cho phù hợp. Chuỗi hoạt động cần thể hiện được tiến trình tổ chức HĐTNHN gồm các hoạt động: Nhận diện/khám phá; Hoạt động kết nối kinh nghiệm; Hoạt động thực hành/ luyện tập; Hoạt động vận dụng/mở rộng. Dựa vào mục tiêu của chuỗi hoạt động GV định hình các hình thức/ phương pháp tổ chức phù hợp nhằm thực hiện được mục tiêu.

Hoạt động	Mục tiêu của chuỗi hoạt động	Hình thức, phương pháp tổ chức
Hoạt động nhận diện/ khám phá	Xác định mức độ nhận thức, kỹ năng, kinh nghiệm hiện tại của HS liên quan đến chủ đề. Tạo bầu không khí vui vẻ, thoải mái, tạo tâm lý thân thiện, gần gũi, cởi mở để HS sẵn sàng tham gia hoạt động.	Có thể bắt đầu bằng một trò chơi, một câu chuyện hay một tình huống, một bức tranh, một tiết mục văn nghệ, một hoạt động tập thể vui nhộn, tương tác với HS bằng các câu hỏi gợi mở, đồ vui.
Hoạt động kết nối kinh nghiệm	Giúp HS nhìn nhận, đánh giá lại những gì đã trải nghiệm để khái quát hóa kinh nghiệm thành các giá trị làm thay đổi nhận thức và rút ra bài học về biểu hiện thái độ, các hành vi ứng xử cũng như cách thức giải quyết vấn đề.	Câu hỏi gợi mở, phóng vấn nhanh, kỹ thuật tia chớp; các câu đồ vui, trò chơi bộc lộ giá trị sống, thuyết trình kết hợp hỏi đáp, thảo luận nhóm, tiểu phẩm, đóng vai...
Hoạt động luyện tập/ thực hành	Định hướng hoặc làm mẫu để HS thực hành rèn luyện kỹ năng đúng cách, qua đó điều chỉnh những hiểu biết, kỹ năng, thái độ mong đợi dựa trên những bài học được khái quát và tổng kết.	Định hướng hoặc làm mẫu để học sinh thực hành rèn luyện kỹ năng đúng cách, qua đó điều chỉnh những hiểu biết, kỹ năng, thái độ mong đợi dựa trên những bài học được khái quát và tổng kết.
Hoạt động vận	Tạo cơ hội cho người học thực hành, vận dụng kiến thức và kỹ năng mới	Sử dụng đa dạng các hình thức, kết hợp với phụ huynh

dụng/ mở rộng	vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa; tạo động lực để HS phát huy sự sáng tạo trong tư duy, hành động, việc làm để chuẩn bị ứng phó với các tình huống cuộc sống đặt ra.	trong việc giám sát HS thực hiện công việc ở nhà, tự thực hiện, tự đánh giá, tự viết báo cáo.
----------------------	---	---

Bảng 2. Chuỗi hoạt động cần thể hiện được tiến trình tổ chức HĐTNHN

(2) *Xác định các hoạt động giáo dục cụ thể của chuỗi hoạt động, hình thức/ phương pháp tổ chức hoạt động.*

- Xác định cụ thể các hoạt động sẽ tổ chức từ chuỗi các hoạt động.
- Xác định mục tiêu của các hoạt động: Từ mục tiêu chung của kế hoạch giáo dục chủ đề, GV xác định mục tiêu cụ thể của các hoạt động tương ứng nhằm bao phủ hết mục tiêu của chủ đề và thực hiện mục tiêu chủ đề
- Định hướng hình thức/phương pháp giáo dục và phương án đánh giá đáp ứng mục tiêu cụ thể của các hoạt động và mục tiêu chung của chủ đề.
- Xác định thời lượng: Tùy thuộc vào thời lượng được phân bổ cho cả chủ đề, dựa trên kinh nghiệm giáo dục, nội dung chủ đề, độ khó của nhiệm vụ, trình độ của HS, điều kiện cơ sở vật chất...GV có thể dự kiến được thời lượng tương ứng của từng hoạt động.

Chuỗi hoạt động	Hoạt động giáo dục	Mục tiêu hoạt động	Số tiết	Hình thức/ phương pháp	Phương án đánh giá
1. Tìm hiểu trước nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm (Giai đoạn chuẩn bị)	Hoạt động 1: Giới thiệu chủ đề, yêu cầu, phương pháp, hình thức hoạt động	- Học sinh hiểu rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm chủ đề. - Xác định rõ yêu cầu về sản phẩm cần hoàn thành.	1 tiết	Thảo luận nhóm, chia sẻ cá nhân, video hướng dẫn	Đánh giá nhanh qua phiếu khảo sát, hỏi đáp trực tiếp
2. Khám phá - Nhận diện vấn đề	Hoạt động 2: Phân tích tình huống thực tế về	- Học sinh nhận diện tình huống gây áp lực, yếu tố tạo động lực trong	3 tiết	Phân tích tình huống, thảo luận nhóm nhỏ,	Đánh giá qua sản phẩm nhóm (bản phân

	áp lực và động lực	học tập và cuộc sống. - Nhận thức sơ bộ về các giải pháp.		ghi chép phiếu	tích tình huống)
3. Thực hành - Trải nghiệm (chính thức)	Hoạt động 3: Thực hành xử lý tình huống “Đổi mặt áp lực”	- Thực hành kỹ năng ứng phó với áp lực, rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc và giao tiếp.	4 tiết	Đóng vai, thảo luận nhóm nhỏ, nhật ký trải nghiệm	Đánh giá qua phiếu tự nhận xét, nhóm đánh giá chéo
	Hoạt động 4: Lập kế hoạch hành động “Tạo động lực cá nhân”	- Biết lập kế hoạch cá nhân cụ thể, xác định mục tiêu, giải pháp, tiến trình tạo động lực cho bản thân.	4 tiết	Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, chia sẻ kế hoạch	Đánh giá qua sản phẩm cá nhân (bản kế hoạch chi tiết)
4. Vận dụng, mở rộng - Chia sẻ kết quả	Hoạt động 5: Trình bày sản phẩm và chia sẻ bài học	- Học sinh trình bày sản phẩm, chia sẻ trải nghiệm, rút ra bài học cho bản thân và nhóm. - Rèn kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện.	3 tiết	Thuyết trình cá nhân/ nhóm, phản hồi, góp ý	Đánh giá đồng đẳng, giáo viên nhận xét sản phẩm và thuyết trình

Bảng 3 Bảng minh họa tiến trình tổ chức chuỗi HĐTNHN chủ đề

*** Lưu ý**

- Nên sử dụng đa dạng các phương pháp giáo dục trong một chủ đề để đảm bảo tính sáng tạo, sự hứng thú, tích cực của HS. Đồng thời sử dụng các phương pháp đặc thù của HĐTN HN.

- Đây chỉ là bước phác họa, làm cơ sở cho việc thiết kế, GV không cần trình bày trong kế hoạch giáo dục chủ đề. GV có thể phác họa ý tưởng theo kiểu “nháp”, không có khuôn mẫu.

- Phương án đánh giá cần quan tâm đến đánh giá quá trình, tập trung vào sản phẩm yêu cầu, có thể đa dạng các hình thức và không nhất thiết hoạt động nào, chủ đề nào cũng thiết kế các phiếu đánh giá.

Bước 3. Thiết kế cụ thể tiến trình tổ chức các hoạt động của chủ đề HĐTN, HN

Trên cơ sở chuỗi hoạt động, mục tiêu, thời lượng và định hướng phương pháp/ hình thức giáo dục, kiểm tra đánh giá của từng hoạt động, GV tiến hành xây dựng các hoạt động giáo dục cụ thể. Việc xây dựng các hoạt động giáo dục cụ thể dựa trên cơ sở đã xác định được mục tiêu giáo dục, chuỗi các hoạt động giáo dục; định hướng hình thức, phương pháp, kỹ thuật giáo dục; phương án đánh giá. Một hoạt động cụ thể có thể được trình bày như sau:

TÊN HOẠT ĐỘNG

(thời gian dự kiến)

a. Mục tiêu hoạt động:

b. Nội dung hoạt động

c. Dự kiến sản phẩm của học sinh

d. Tổ chức hoạt động: Thường gồm 4 bước:

- Chuyển giao nhiệm vụ:
- Thực hiện nhiệm vụ
- Báo cáo kết quả và thảo luận;
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

** Cách thực hiện:*

(1) Thu thập và thiết kế dữ liệu giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu của từng hoạt động và phù hợp hình thức/ phương pháp giáo dục; phương pháp đánh giá như các phương tiện trực quan, câu hỏi, phiếu học tập, bài tập...

(2) Xác định mục tiêu của hoạt động: Mục tiêu là kết quả dự kiến mà HS cần thực hiện và đạt được trong hoạt động đó. Mục tiêu hoạt động cần hướng tới đáp ứng việc thực hiện mục tiêu của chủ đề.

(3) Xác định nội dung của hoạt động: “Nội dung” là nội dung của nhiệm vụ mà GV giao cho HS trong bước “Chuyển giao nhiệm vụ” hay nội dung hoạt động học của HS. “Nội dung” có thể là câu hỏi, bài tập, xử lý tình huống, thực hiện trải nghiệm, ... có tác dụng kích thích HS huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã có để thực hiện các thao tác tư duy và các hành động cụ thể, từ đó tạo ra “kết quả” thực hiện nhiệm vụ.

(4) Xác định sản phẩm cần đạt được: “Sản phẩm” chính là câu trả lời tương ứng với “nội dung” do GV biên soạn. “Sản phẩm” chính là căn cứ để GV định hướng cho HS thực hiện nhiệm vụ, định hướng thảo luận và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. Đồng thời, “sản phẩm” cũng chính là vấn đề GV cần kết

luận, cần “chốt” cho HS sau mỗi hoạt động học tập. “Sản phẩm” cần tương thích và đáp ứng mục tiêu giáo dục.

(5) Thiết kế tiến trình tổ chức hoạt động giáo dục cụ thể. Tiến trình “tổ chức hoạt động” bao gồm:

(i) Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu, nhiệm vụ và hướng dẫn cách thực hiện cho HS; HS tiếp nhận nhiệm vụ.

(ii) Thực hiện nhiệm vụ: GV dự kiến việc mình cần làm để hỗ trợ, định hướng cho HS thực hiện nhiệm vụ như gợi ý, hướng dẫn cách thức thực hiện nhiệm vụ; giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh; lưu ý những cá nhân hoặc nhóm có kết quả đúng/chưa đúng, kết quả hay/chưa hay, kết quả khác biệt...Điều này hỗ trợ rất lớn cho việc thực hiện nhiệm vụ của HS và việc tổ chức thảo luận; đồng thời là cơ sở để GV thực hiện việc đánh giá quá trình.

(iii) Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận: GV cần dự kiến tiến trình thảo luận, bao gồm những câu hỏi phân tích, làm rõ, phát triển kết quả thực hiện nhiệm vụ. Những vấn đề/câu hỏi thảo luận giúp GV có được “thông tin ngược” về việc HS hiểu hay không hiểu rõ vấn đề học tập, là con đường đưa đến sản phẩm và cũng là cách thức để mở rộng, nâng cao kiến thức, kỹ năng (nếu có).

(iv) Kết luận, nhận định, cụ thể: GV “kết luận/ nhận định” về kết quả đạt được của HS, bao gồm cả kết quả cụ thể của hoạt động (câu trả lời, cách thức xử lý tình huống, bài tập được giải, kết quả thí nghiệm...) và cả kết quả về thái độ, kỹ năng, thao tác tư duy, bài học kinh nghiệm ...mà HS có được trong quá trình thực hiện và báo cáo kết quả. Trong quá trình tổ chức HĐTN, HN, GV cần sử dụng kỹ thuật phản hồi tích cực nhằm động viên, khuyến khích, tạo động lực cho HS trong quá trình học tập.

Dưới đây là ví dụ minh họa một hoạt động cụ thể được tổ chức trong Chủ đề 1: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống (lớp 9)

HOẠT ĐỘNG 4: LẬP KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG “TẠO ĐỘNG LỰC CÁ NHÂN” (Thời gian dự kiến: 4 tiết)

a. Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động nhằm giúp học sinh biết cách lập kế hoạch cá nhân cụ thể, xác định mục tiêu phù hợp với bản thân trong học tập, rèn luyện hoặc cuộc sống. Học sinh sẽ học cách phân tích các yếu tố giúp tạo động lực, đồng thời đưa ra giải pháp và lộ trình hành động rõ ràng, khả thi. Qua đó, học sinh hình thành thói quen tự giác, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng tự chủ, giải quyết vấn đề.

b. Nội dung hoạt động:

HS tự đánh giá lại bản thân, xác định rõ mục tiêu mà mình muốn đạt được trong học tập hoặc cuộc sống và phân tích các yếu tố giúp bản thân duy trì động lực như: người truyền cảm hứng, thói quen tích cực, môi trường học tập hiệu quả hoặc sự hỗ trợ từ bạn bè, thầy cô.

HS lập một bản kế hoạch hành động chi tiết, gồm các phần: mục tiêu cụ thể, giải pháp tạo động lực, tiến trình thực hiện, người hỗ trợ (nếu cần) và cam kết thực hiện kế hoạch.

Ví dụ minh họa:

- *Mục tiêu:* Đạt điểm 8 trở lên môn Toán trong học kỳ 1.
- *Biện pháp:* Học bài ngay sau mỗi tiết học, luyện tập 5 bài toán mỗi ngày, tham khảo ý kiến bạn học giỏi Toán, nhờ thầy cô hỗ trợ khi cần.
- *Lộ trình thực hiện:* Mỗi ngày 1 giờ luyện tập Toán; hàng tuần tổng kết lại kết quả học tập.
- *Cam kết:* Thực hiện nghiêm túc, không bỏ dở giữa chừng.

c. Dự kiến sản phẩm của học sinh:

Mỗi học sinh sẽ hoàn thành **bản kế hoạch hành động “Tạo động lực cá nhân”** gồm:

- Mục tiêu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với bản thân.
- Các biện pháp, giải pháp tạo động lực cá nhân thiết thực, khả thi.
- Kế hoạch thực hiện chi tiết về thời gian, tiến trình.
- Cam kết cá nhân về việc thực hiện kế hoạch.

BẢN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG “TẠO ĐỘNG LỰC CÁ NHÂN”			
Ho và tên học sinh:			
Lớp:			
Thời gian thực hiện: từ ngày tháng đến ngày tháng			
1. Mục tiêu cá nhân (Ghi rõ ràng, cụ thể mục tiêu của bản thân trong học tập, rèn luyện hoặc cuộc sống):			
2. Những khó khăn, áp lực có thể gặp phải (Nếu những khó khăn có thể cản trở động lực của bản thân):			
3. Các biện pháp, giải pháp tạo động lực (Liệt kê các cách thức giúp bản thân duy trì động lực và vượt qua khó khăn):			
4. Kế hoạch thực hiện chi tiết (Thời gian & việc làm cụ thể):			
Ngày/tuần	Nội dung công việc cụ thể	Cách thực hiện	Người hỗ trợ (nếu có)
5. Cam kết thực hiện: Tôi cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện bản kế hoạch này và hoàn thành đúng tiến độ đã đề ra. Nếu có khó khăn, tôi sẽ chủ động tìm cách điều chỉnh hoặc nhờ thầy cô, bạn bè hỗ trợ. Ký tên học sinh:			

d. Tổ chức hoạt động:

1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giới thiệu mục tiêu, yêu cầu của hoạt động, hướng dẫn cách xây dựng bản kế hoạch chi tiết, đồng thời nêu một số ví dụ minh họa để hiểu để học sinh hình dung.

2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh làm việc cá nhân, lập kế hoạch dựa trên nội dung đã hướng

dẫn. Học sinh có thể thảo luận nhóm nhỏ để trao đổi thêm về các ý tưởng, cách lập kế hoạch phù hợp.

3. Báo cáo kết quả và thảo luận:

Một số học sinh tình nguyện hoặc do giáo viên chỉ định sẽ trình bày bản kế hoạch trước lớp. Giáo viên và các bạn góp ý, nhận xét, từ đó điều chỉnh, bổ sung để kế hoạch khả thi hơn.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Giáo viên đánh giá qua sản phẩm bản kế hoạch cá nhân, đồng thời khuyến khích học sinh tự đánh giá và đánh giá chéo lẫn nhau trong nhóm, nhằm rèn luyện kỹ năng phản hồi tích cực.

Bảng 4. Ví dụ minh họa tổ chức một hoạt động giáo dục

Lưu ý:

- Nếu hoạt động vận dụng được thiết kế theo hướng cho HS về nhà làm thì GV vẫn xây dựng tiến trình tổ chức hoạt động, trong đó phải thể hiện được việc theo dõi, đánh giá, rút ra bài học từ hoạt động vận dụng thông qua việc tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của phần vận dụng như: Nộp bài qua mail/zalo của lớp; nộp bài vào giờ học kế tiếp; chọn ngẫu nhiên 1 số HS trình bày kết quả...

- Về phương án kiểm tra đánh giá: phải bao gồm công cụ đánh giá, hình thức (kết quả/quá trình) và cách thức đánh giá. Cần quan tâm đến đánh giá năng lực đặc thù, là đánh giá quan trọng nhất trong chủ đề HĐTN, HN, do đó cần có công cụ đánh giá cụ thể và đánh giá các năng lực chung và phẩm chất. Năng lực chung và phẩm chất là mục tiêu chung cho mọi môn học và hoạt động giáo dục đều góp phần phát triển nên cần có sự tác động, theo dõi trong một khoảng thời gian. Do đó, cần đánh giá qua quá trình, không nhất thiết chủ đề nào cũng đánh giá. Nếu biểu hiện nào đó của năng lực chung và phẩm chất được thể hiện trong YCCĐ thì cần đánh giá (đánh giá qua nhận xét để HS tiến bộ), còn các biểu hiện khác, thành tố khác có thể có hoặc không.

Bước 4. Hoàn thiện kế hoạch tổ chức HĐTN, HN chủ đề

Sau khi đã thiết kế được kế hoạch HĐTN, HN chủ đề, GV cần tiến hành rà soát lại xem mục tiêu đã bao phủ đầy đủ yêu cầu cần đạt chưa? Phân phối thời lượng cho từng hoạt động và tổng thời lượng đã hợp lý chưa? GV cũng cần xem xét lại sự phù hợp giữa các mục tiêu và chuỗi các hoạt động giáo dục, sự phù hợp giữa các hình thức/phương pháp giáo dục, phương tiện giáo dục trong từng hoạt động, sự phù hợp của các phương án đánh giá, sự liên kết giữa các hoạt động trong kế hoạch giáo dục, sự đa dạng của các hoạt động và phương án dự phòng trong những trường hợp cần thiết... Đồng thời, kế hoạch HĐTN, HN chủ đề sau khi thực thi ở một lớp nào đó cũng cần rút kinh nghiệm, chỉnh sửa cho hoàn thiện và phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng HS lớp khác.

2. Một số định hướng dạy học thực hiện CTGDPT 2018 phù hợp với khu vực nông thôn miền núi khó khăn Hoạt động trải nghiệm

2.1. Định hướng về phương pháp tổ chức HĐTNHN

2.1.1. Phương pháp điều tra, khảo sát

Phương pháp điều tra, khảo sát trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hình thức tổ chức giúp học sinh chủ động tìm hiểu thực tiễn tại địa phương thông qua việc khảo sát, thu thập thông tin về các vấn đề gắn với đời sống, môi trường, hoạt động sản xuất, nghề nghiệp hoặc các lĩnh vực xã hội. Thông qua quá trình này, học sinh có cơ hội trải nghiệm thực tế, rèn luyện các kỹ năng như giao tiếp, quan sát, thu thập thông tin, làm việc nhóm, đồng thời nâng cao hiểu biết về cộng đồng và định hướng nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động điều tra, khảo sát không nhằm trang bị kiến thức hàn lâm mà tập trung vào giúp học sinh khám phá, trải nghiệm thực tế, từ đó hình thành những kỹ năng mềm thiết yếu như phân tích thông tin, xử lý dữ liệu, tổng hợp kết quả và đề xuất giải pháp cho những vấn đề trong cuộc sống, góp phần bồi dưỡng năng lực tự chủ, tự học và năng lực thích ứng với môi trường sống.

Quy trình tổ chức:

Bước 1: Xác định mục tiêu, nội dung và đối tượng khảo sát: Giáo viên (hoặc người phụ trách hoạt động) định hướng cho học sinh xác định rõ mục tiêu trải nghiệm, gắn với nhu cầu tìm hiểu thực tế. Nội dung khảo sát nên gắn với các chủ đề về môi trường sống, văn hóa, hoạt động nghề nghiệp, mô hình sản xuất hoặc các vấn đề cộng đồng tại địa phương. Đối tượng khảo sát có thể là người dân, cán bộ địa phương, các cơ sở sản xuất, làng nghề truyền thống, hoặc các địa điểm cộng đồng.

Bước 2: Tiến hành điều tra, khảo sát thực tế. Học sinh tham gia khảo sát theo nhóm hoặc cá nhân, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như: phỏng vấn, quan sát, ghi chép, quay phim, chụp ảnh hoặc thu thập số liệu thực tế. Giáo viên cần hướng dẫn chi tiết cách thu thập và xử lý thông tin, đảm bảo đúng quy trình, lịch sự, tôn trọng người tham gia khảo sát. Việc điều tra có thể thực hiện ngoài nhà trường, tại cộng đồng hoặc tại các cơ sở sản xuất, tùy theo mục tiêu hoạt động trải nghiệm.

Bước 3: Báo cáo, chia sẻ kết quả khảo sát. Sau khi hoàn thành hoạt động, học sinh tổng hợp kết quả khảo sát và báo cáo dưới nhiều hình thức linh hoạt như: viết bài thu hoạch, thuyết trình nhóm, trưng bày sản phẩm, tổ chức triển lãm nhỏ. Các nhóm học sinh sẽ chia sẻ, thảo luận, cùng nhau rút ra bài học, đề xuất ý tưởng hoặc giải pháp phù hợp. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, kết nối và định hướng để học sinh tự rút ra trải nghiệm, bài học về kỹ năng sống và nghề nghiệp từ chính hoạt động khảo sát.

2.1.2. Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là phương pháp tổ chức cho học sinh trực tiếp quan sát các sự vật, hiện tượng trong môi trường tự nhiên, xã hội hoặc trong hoạt động nghề nghiệp tại địa phương. Qua đó, học sinh

rèn luyện kỹ năng quan sát, ghi nhận thông tin một cách khách quan, cẩn thận và chính xác, đồng thời mở rộng hiểu biết về cuộc sống xung quanh, môi trường lao động, sản xuất hoặc nghề nghiệp.

Điều quan trọng của phương pháp này không chỉ là việc “nhìn thấy” mà còn là cách học sinh biết cách quan sát có mục tiêu, có định hướng, từ đó phát hiện các đặc điểm, mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng và rút ra những bài học thiết thực. Đây là phương pháp rất phù hợp với học sinh nông thôn, miền núi vì tận dụng được chính môi trường sống gần gũi của các em, đồng thời giúp học sinh hiểu rõ hơn về các nghề truyền thống, mô hình sản xuất hoặc những vấn đề thực tiễn ở địa phương.

Quy trình tổ chức:

Bước 1: Xác định mục tiêu quan sát. Giáo viên hoặc người phụ trách hoạt động hướng dẫn học sinh xác định rõ mục tiêu của hoạt động quan sát. Mục tiêu cần cụ thể, gắn với những vấn đề thiết thực như: tìm hiểu quy trình sản xuất, quan sát hoạt động nghề nghiệp, quan sát môi trường tự nhiên hoặc các hoạt động văn hóa cộng đồng. Việc xác định mục tiêu rõ ràng giúp học sinh có định hướng khi quan sát.

Bước 2: Lựa chọn đối tượng quan sát phù hợp. Giáo viên lựa chọn đối tượng quan sát sao cho phù hợp với năng lực của học sinh và điều kiện thực tế địa phương. Đối tượng quan sát có thể là các sự vật tự nhiên, hiện tượng xã hội, hoạt động sản xuất, lao động tại địa phương hoặc những mô hình nghề nghiệp cụ thể. Các đối tượng quan sát cần đảm bảo sự an toàn, gần gũi, dễ tiếp cận đối với học sinh.

Bước 3: Hướng dẫn cách quan sát, ghi chép thông tin. Trước khi tổ chức quan sát, giáo viên hướng dẫn học sinh cách quan sát có hiệu quả, cách ghi chép đầy đủ các thông tin cần thiết, đồng thời khuyến khích học sinh sử dụng tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu hoặc ghi hình để hỗ trợ cho việc quan sát. Học sinh cần chú ý các chi tiết quan trọng, ghi nhận các hiện tượng, đặc điểm liên quan đến mục tiêu quan sát đã xác định.

Bước 4: Báo cáo kết quả quan sát và rút kinh nghiệm. Sau khi hoàn thành hoạt động quan sát, học sinh trình bày kết quả thông qua các hình thức linh hoạt như: báo cáo nhóm, thuyết trình, trình bày bằng tranh ảnh, sơ đồ hoặc video clip. Giáo viên và các học sinh khác cùng thảo luận, nhận xét, góp ý và rút ra những bài học kinh nghiệm. Qua hoạt động này, học sinh không chỉ nâng cao khả năng quan sát, trình bày mà còn phát triển tư duy phản biện và năng lực hợp tác.

2.1.3. Phương pháp hỏi đáp (đàm thoại)

Phương pháp hỏi đáp (đàm thoại) trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hình thức tổ chức đối thoại trực tiếp giữa giáo viên và học sinh, hoặc giữa học sinh với nhau, nhằm khuyến khích các em chủ động suy nghĩ, bày tỏ ý kiến, chia sẻ trải nghiệm thực tế và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử. Đây là phương pháp giúp học sinh phát triển khả năng phản xạ, tranh luận, đồng thời rèn luyện tư duy độc lập, tự tin khi bày tỏ quan điểm cá nhân.

Trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phương pháp hỏi đáp không tập trung vào việc kiểm tra kiến thức mà hướng tới việc gợi mở cho học sinh suy nghĩ, liên hệ với thực tiễn cuộc sống và tự rút ra bài học cho bản thân. Các nội dung hỏi đáp có thể xoay quanh những vấn đề gần gũi với học sinh như: tình huống ứng xử trong cộng đồng, lựa chọn nghề nghiệp, kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hoặc trải nghiệm trong các hoạt động xã hội.

Cách tiến hành:

Bước 1: Chuẩn bị hệ thống câu hỏi gợi mở. Giáo viên cần chuẩn bị trước các câu hỏi phù hợp với mục tiêu hoạt động, đảm bảo gần gũi với trải nghiệm của học sinh. Các câu hỏi nên mang tính chất gợi mở, giúp học sinh suy nghĩ đa chiều, có thể liên hệ với tình huống cụ thể trong hoạt động trải nghiệm hoặc vấn đề thực tế tại địa phương.

Bước 2: Tiến hành hỏi đáp, đàm thoại. Trong quá trình tổ chức hoạt động, giáo viên sử dụng các câu hỏi đã chuẩn bị để gợi mở vấn đề, khuyến khích học sinh trả lời, chia sẻ suy nghĩ cá nhân. Giáo viên đóng vai trò điều phối, hướng dẫn, giúp học sinh phát triển ý kiến, tranh luận cởi mở nhưng tôn trọng lẫn nhau, khuyến khích học sinh liên hệ với các trải nghiệm thực tế hoặc những tình huống các em từng gặp.

Bước 3: Tổng kết, rút ra bài học. Sau phần hỏi đáp, giáo viên cùng học sinh thảo luận chung, tổng kết các ý kiến nổi bật và giúp học sinh rút ra những bài học thiết thực về kỹ năng giao tiếp, ứng xử, hợp tác hoặc định hướng nghề nghiệp. Học sinh sẽ ghi nhận lại những bài học phù hợp với bản thân để áp dụng vào cuộc sống sau này.

2.1.4. Phương pháp kể chuyện

Phương pháp kể chuyện trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một phương pháp giáo dục giàu cảm xúc, thông qua việc sử dụng các câu chuyện gần gũi, dễ hiểu để truyền tải các thông điệp ý nghĩa về giá trị sống, kỹ năng ứng xử, tinh thần vượt khó hoặc các bài học định hướng nghề nghiệp. Các câu chuyện có thể là chuyện thật đời thường, chuyện kể dân gian, chuyện về các tấm gương trong cộng đồng hoặc các nhân vật tiêu biểu tại địa phương.

Thông qua việc kể chuyện, học sinh không chỉ được nghe và cảm nhận các câu chuyện có ý nghĩa, mà còn có cơ hội rèn luyện kỹ năng lắng nghe, cảm thụ, tự liên hệ với bản thân, từ đó hình thành thái độ sống tích cực, yêu thương, trách nhiệm với cộng đồng và có thêm động lực để phấn đấu trong học tập, rèn luyện, hướng tới nghề nghiệp tương lai.

Quy trình tổ chức:

Bước 1: Tổ chức cho học sinh tìm hiểu câu chuyện. Giáo viên hoặc người phụ trách hoạt động lựa chọn những câu chuyện phù hợp với chủ đề trải nghiệm, gần gũi với thực tế địa phương hoặc các giá trị sống thiết thực. Có thể sử dụng tranh ảnh, bản đồ, tư liệu lịch sử hoặc các phương tiện truyền thông khác để minh họa

cho câu chuyện thêm sinh động. Học sinh được khuyến khích tìm hiểu trước câu chuyện qua các nguồn tài liệu, sách báo hoặc người dân địa phương.

Bước 2: Học sinh kể lại câu chuyện theo cách hiểu của mình. Học sinh tham gia kể lại câu chuyện bằng lời kể tự nhiên, theo cách hiểu và cảm nhận của bản thân. Có thể kể chuyện cá nhân, kể chuyện theo nhóm hoặc cùng tái hiện lại câu chuyện bằng hình thức đóng vai, sân khấu hóa. Mục tiêu là để học sinh thể hiện cảm xúc chân thực, rèn luyện kỹ năng kể chuyện, diễn đạt và đồng thời giúp các em nhập tâm, thấu hiểu sâu sắc thông điệp của câu chuyện.

Bước 3: Thảo luận, rút ra bài học và liên hệ thực tiễn. Sau khi kể chuyện, học sinh cùng thảo luận, trao đổi để rút ra bài học ý nghĩa từ câu chuyện, liên hệ với những tình huống thực tế trong cuộc sống, cộng đồng hoặc trong các hoạt động nghề nghiệp. Giáo viên đóng vai trò định hướng, gợi mở để học sinh tự đúc kết được các giá trị sống cần thiết như sự kiên trì, nhân ái, trách nhiệm, trung thực hoặc tinh thần vượt khó.

2.1.5. Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề

Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là phương pháp tạo cơ hội cho học sinh chủ động tiếp cận các tình huống thực tế, phát hiện các vấn đề nảy sinh trong môi trường sống, học tập, lao động hoặc hoạt động nghề nghiệp. Thông qua đó, học sinh được rèn luyện kỹ năng quan sát, tư duy phản biện, phân tích vấn đề và chủ động đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế.

Điểm đặc biệt của phương pháp này là học sinh được trực tiếp tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề theo hướng sáng tạo, linh hoạt, giúp các em rèn luyện khả năng tự giải quyết khó khăn trong cuộc sống cũng như nâng cao năng lực thích ứng với môi trường sống. Phương pháp này rất phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi vì có thể gắn với các vấn đề thực tiễn như: bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai, phát triển kinh tế hộ gia đình, bảo tồn văn hóa truyền thống hoặc tìm hiểu nghề nghiệp tại địa phương.

Quy trình tổ chức:

Bước 1: Xây dựng tình huống có vấn đề. Giáo viên hoặc người tổ chức hoạt động xây dựng các tình huống có vấn đề gắn với thực tế địa phương, gần gũi với cuộc sống và phù hợp với nhận thức, khả năng của học sinh. Tình huống cần mang tính chất thực tế, có thể là vấn đề về môi trường, lao động sản xuất, văn hóa cộng đồng, an toàn giao thông hoặc những tình huống về lựa chọn nghề nghiệp.

Bước 2: Nghiên cứu, phân tích vấn đề và lựa chọn nội dung phù hợp. Học sinh được hướng dẫn phân tích tình huống, xác định rõ vấn đề cần giải quyết, tìm hiểu nguyên nhân và hệ quả của vấn đề. Sau đó, các em sẽ lựa chọn nội dung trọng tâm cần giải quyết, đảm bảo phù hợp với khả năng của bản thân và điều kiện thực tế.

Bước 3: Đề xuất phương án giải quyết. Trên cơ sở phân tích vấn đề, học sinh được khuyến khích suy nghĩ, thảo luận để đề xuất các phương án giải quyết

sáng tạo, linh hoạt, khả thi. Các giải pháp cần phù hợp với thực tiễn, có thể áp dụng ngay trong môi trường sống hoặc học tập của các em.

Bước 4 – 7: Phân tích, thử nghiệm giải pháp, rút ra kết luận và đánh giá. Học sinh tiến hành thử nghiệm hoặc áp dụng giải pháp trong phạm vi cho phép (nếu có thể), đồng thời tiếp tục phân tích tính khả thi và hiệu quả của giải pháp. Sau đó, các em thảo luận, rút ra kết luận chung và tự đánh giá về kết quả, mức độ phù hợp của phương án đã lựa chọn. Cuối cùng, học sinh chia sẻ bài học kinh nghiệm, những giá trị rút ra từ quá trình giải quyết vấn đề.

2.1.6. Phương pháp thảo luận nhóm

Phương pháp thảo luận nhóm trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là phương pháp tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm để cùng nhau trao đổi, chia sẻ ý kiến, kinh nghiệm và đưa ra giải pháp cho các vấn đề chung. Phương pháp này tạo điều kiện để học sinh rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, đồng thời phát triển khả năng làm việc nhóm – một năng lực quan trọng trong cuộc sống và nghề nghiệp tương lai.

Điểm nổi bật của phương pháp thảo luận nhóm trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là học sinh được chủ động chia sẻ những suy nghĩ, cảm nhận, trải nghiệm cá nhân, từ đó học hỏi lẫn nhau và cùng nhau giải quyết những vấn đề gắn với thực tế đời sống hoặc cộng đồng. Hoạt động này còn giúp các em nâng cao ý thức trách nhiệm với tập thể, hình thành thói quen lắng nghe, tôn trọng ý kiến người khác, đồng thời biết cách thuyết phục, bảo vệ ý kiến cá nhân một cách phù hợp.

Quy trình tổ chức:

Bước 1: Chuẩn bị nội dung thảo luận và phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các nhóm. Giáo viên hoặc người phụ trách hoạt động xác định rõ nội dung, mục tiêu của hoạt động thảo luận, đảm bảo phù hợp với năng lực và thực tiễn của học sinh. Sau đó, tiến hành chia nhóm học sinh (mỗi nhóm khoảng 5-7 em) và giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng nhóm. Nhiệm vụ thảo luận nên gắn với các vấn đề về kỹ năng sống, giá trị sống, định hướng nghề nghiệp hoặc các tình huống gắn với thực tế địa phương.

Bước 2: Tổ chức học sinh thảo luận nhóm và trình bày kết quả. Các nhóm học sinh tiến hành thảo luận theo nhiệm vụ đã được giao. Trong quá trình thảo luận, các em được khuyến khích bày tỏ ý kiến cá nhân, lắng nghe nhau, tranh luận và thống nhất cách giải quyết chung. Sau khi kết thúc thảo luận, đại diện mỗi nhóm sẽ trình bày kết quả bằng các hình thức linh hoạt như: thuyết trình miệng, viết trên giấy A0, trình chiếu slide hoặc biểu diễn ngắn (nếu phù hợp).

Bước 3: Tổng kết, đánh giá và rút ra bài học. Sau khi các nhóm trình bày xong, giáo viên cùng học sinh thảo luận chung để nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận. Giáo viên đóng vai trò người định hướng, giúp học sinh rút ra bài học chung, nhấn mạnh các kỹ năng cần thiết như hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề và liên hệ với các hoạt động thực tế hoặc nghề nghiệp cụ thể.

Các phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn cần được vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, điều kiện sống và học tập của học sinh địa phương. Các phương pháp như điều tra, khảo sát; quan sát; hỏi đáp (đàm thoại); kể chuyện; phát hiện và giải quyết vấn đề; thảo luận nhóm đều hướng đến mục tiêu chung là phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh, giúp các em được trải nghiệm thực tiễn, rèn luyện kỹ năng sống và có định hướng nghề nghiệp phù hợp.

Điểm chung nổi bật của các phương pháp này là: Luôn lấy học sinh làm trung tâm, phát huy vai trò chủ động, tích cực, tự giác của các em trong hoạt động trải nghiệm. Tận dụng tối đa điều kiện thực tế địa phương như môi trường tự nhiên, hoạt động nghề nghiệp, văn hóa cộng đồng, các vấn đề xã hội tại địa phương để tổ chức hoạt động phù hợp, thiết thực. Giúp học sinh rèn luyện các kỹ năng quan trọng như giao tiếp, hợp tác, quan sát, phân tích, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, từ đó phát triển năng lực tự chủ, tự học và năng lực thích ứng với cuộc sống. Chú trọng hình thành giá trị sống, thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội.

Các phương pháp đều có thể tổ chức linh hoạt, kết hợp trong và ngoài nhà trường, tại các không gian mở, cộng đồng hoặc tại các cơ sở sản xuất, làng nghề, phù hợp với đặc thù vùng nông thôn, miền núi. Việc vận dụng các phương pháp này không chỉ giúp học sinh hiểu rõ hơn về chính quê hương, môi trường sống và nghề nghiệp tại địa phương, mà còn góp phần thiết thực vào quá trình phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực của các em, thúc đẩy tinh thần gắn bó với cộng đồng, hướng tới xây dựng ý thức trách nhiệm trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương.

2.2. Định hướng về hình thức tổ chức HĐTNHN tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn

2.2.1. Hình thức khám phá

Hình thức khám phá là một trong những phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có hiệu quả cao tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Hoạt động này giúp học sinh mở rộng vốn hiểu biết về môi trường tự nhiên, xã hội, kinh tế và văn hóa địa phương thông qua trải nghiệm thực tế. Mục tiêu chính là khơi dậy tính tò mò, sự chủ động, tinh thần ham học hỏi và năng lực quan sát, từ đó hình thành tư duy khám phá, phát hiện vấn đề và kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

Thông qua hoạt động khám phá, học sinh có cơ hội tiếp cận kiến thức về tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp gắn liền với đời sống hàng ngày; kết nối lý thuyết trong sách vở với thực tiễn, đồng thời rèn luyện kỹ năng tư duy tổng hợp, phân tích và liên hệ thực tế. Các em sẽ tăng khả năng vận dụng kiến thức vào cuộc sống, học tập và định hướng nghề nghiệp, đồng thời phát triển năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác và làm việc nhóm.

Việc tổ chức hoạt động khám phá cần bám sát thực tiễn của địa phương, tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có, đảm bảo an toàn và phù hợp với năng lực, nhận

thức của học sinh. Giáo viên nên lựa chọn các địa điểm gần gũi, giàu giá trị học tập và phù hợp với điều kiện di chuyển, như làng nghề truyền thống, khu sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp, di tích lịch sử, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương.

Trước khi tổ chức, giáo viên cần giới thiệu rõ mục tiêu, ý nghĩa và nội dung hoạt động; đồng thời phân nhóm học sinh, giao nhiệm vụ cụ thể như quan sát và ghi chép, phỏng vấn người dân hoặc cán bộ địa phương, thu thập hình ảnh, tư liệu hoặc sản phẩm mẫu. Học sinh cũng cần được hướng dẫn kỹ năng giao tiếp, đặt câu hỏi, ghi chép và xử lý thông tin, đồng thời tuân thủ quy định về an toàn, bảo vệ môi trường khi tham gia hoạt động.

Trong quá trình khám phá, học sinh trực tiếp tham gia các hoạt động tham quan, tìm hiểu, trao đổi tại địa điểm được lựa chọn. Các em sẽ chủ động quan sát, ghi chép, đặt câu hỏi, thu thập hình ảnh hoặc hiện vật minh họa. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ, đồng thời đảm bảo học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ và đạt được mục tiêu đề ra.

Sau hoạt động, học sinh sẽ trình bày kết quả bằng nhiều hình thức linh hoạt như viết bài thu hoạch, nhật ký hành trình, thuyết trình nhóm kèm hình ảnh, sơ đồ hoặc mô hình, triển lãm sản phẩm, tranh vẽ, bản đồ hoặc video clip, thậm chí sân khấu hóa trải nghiệm qua kịch, hát, kể chuyện. Những hoạt động này giúp học sinh tổng hợp, phân tích, so sánh, liên hệ thực tiễn và rút ra bài học, góp phần nâng cao năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác và tự chủ.

Trong quá trình tổ chức tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn, giáo viên cần chú ý lựa chọn địa điểm phù hợp với điều kiện giao thông, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho học sinh. Nội dung hoạt động cần gắn với các vấn đề thiết thực trong đời sống địa phương để học sinh dễ tiếp cận. Ngôn ngữ hướng dẫn phải dễ hiểu, gần gũi với học sinh, đồng thời tăng cường hoạt động nhóm và phân công nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo tất cả học sinh đều tham gia. Việc sử dụng các phương tiện đơn giản như tranh vẽ, mô hình thủ công, kể chuyện dân gian hoặc phim tư liệu địa phương cũng là cách làm phù hợp, dễ thực hiện.

Hình thức khám phá cũng gắn chặt với hoạt động hướng nghiệp thông qua việc tham quan các cơ sở sản xuất, hợp tác xã, cơ sở đào tạo nghề tại địa phương để học sinh tìm hiểu điều kiện làm việc, quy trình sản xuất và cơ hội nghề nghiệp. Các em còn có thể giao lưu, lắng nghe chia sẻ từ những người lao động thành công tại địa phương để nhận diện rõ hơn các lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Từ đó, học sinh có thể đánh giá năng lực bản thân, so sánh giữa nghề truyền thống và nghề hiện đại để xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai.

Hình thức khám phá là một trong những hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp nhất tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Hoạt động này giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống, mở rộng hiểu biết thực tiễn, hình thành tư duy nghề nghiệp và gắn kết chặt chẽ với cộng đồng địa phương. Đồng thời, đây cũng là phương pháp hữu hiệu để khơi gợi niềm tự hào

quê hương, góp phần phát triển nhân cách và năng lực công dân tích cực cho học sinh.

2.2.2. Hình thức thể nghiệm – tương tác

Hình thức thể nghiệm – tương tác là một trong những phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, góp phần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử xã hội, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề cho học sinh tại các khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Với đặc thù môi trường sống còn hạn chế về giao lưu xã hội và trải nghiệm nghề nghiệp, học sinh ở những khu vực này thường rụt rè, thiếu tự tin khi bày tỏ ý kiến hoặc tham gia hoạt động tập thể. Hình thức thể nghiệm – tương tác chính là “cầu nối” giúp học sinh cởi mở, mạnh dạn hơn, từ đó hình thành kỹ năng xã hội cần thiết cho học tập, lao động và cuộc sống.

Hoạt động thể nghiệm – tương tác tập trung vào việc tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động mang tính trải nghiệm, nhập vai và tương tác xã hội. Các hình thức phổ biến bao gồm sân khấu hóa, trò chơi mô phỏng, hội thi kiến thức – kỹ năng, diễn đàn – tọa đàm theo chủ đề. Nội dung hoạt động luôn gắn liền với các vấn đề gần gũi trong đời sống thường ngày như: xung đột bạn bè, bảo vệ môi trường, lựa chọn nghề nghiệp, giữ gìn truyền thống văn hóa, xây dựng ý thức cộng đồng.

Thông qua sân khấu hóa các tình huống thực tế, học sinh sẽ nhập vai để xử lý các tình huống, từ đó rèn luyện kỹ năng ứng xử, thuyết trình và giải quyết vấn đề trong môi trường an toàn, thân thiện. Hoạt động diễn đàn hoặc tọa đàm giúp học sinh tập trung thảo luận các chủ đề như tự hào quê hương, giá trị nghề truyền thống, định hướng nghề nghiệp..., qua đó phát triển tư duy phản biện, khả năng giao tiếp và kỹ năng thuyết phục. Các hội thi kiến thức, kỹ năng hoặc trò chơi mô phỏng với cách tổ chức sinh động, gần gũi sẽ giúp học sinh củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng sống đồng thời tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn kết giữa các bạn trong lớp, trong trường.

Trong quá trình tổ chức, cần đảm bảo không khí vui vẻ, khích lệ, thân thiện, để mọi học sinh đều có thể tham gia, đặc biệt những em ít có cơ hội giao tiếp. Giáo viên cần linh hoạt lựa chọn hoạt động phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế và năng lực của học sinh. Nội dung hoạt động nên gần gũi, dễ hiểu, dễ áp dụng, đồng thời cần ưu tiên các hoạt động sử dụng phương tiện đơn giản, tận dụng các điều kiện sẵn có tại địa phương để đảm bảo tính khả thi.

Điểm nổi bật của hình thức thể nghiệm – tương tác là tạo môi trường để học sinh trải nghiệm thực tiễn các tình huống xã hội cũng như nghề nghiệp, từ đó tự khám phá sở thích, thể mạnh cá nhân và định hướng nghề nghiệp phù hợp. Thông qua các hoạt động nhập vai, hội thi hay thảo luận về nghề nghiệp, học sinh sẽ có điều kiện nhận diện các nghề phổ biến tại địa phương, hiểu rõ hơn về đặc thù công việc, điều kiện làm việc và cơ hội phát triển. Đồng thời, trong quá trình tham gia, học sinh cũng được rèn luyện các kỹ năng mềm như giao tiếp, phản biện, làm việc nhóm, thuyết phục và ra quyết định – những yếu tố quan trọng cho quá trình học tập, khởi nghiệp hoặc lập nghiệp trong tương lai.

Hình thức thể nghiệm – tương tác không chỉ mang lại niềm vui, hứng thú cho học sinh mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc. Đây là công cụ hữu hiệu giúp học sinh khu vực nông thôn, miền núi phát triển toàn diện về kỹ năng xã hội, năng lực học tập, định hướng nghề nghiệp, đồng thời bồi đắp ý thức trách nhiệm cộng đồng và tinh thần gắn kết quê hương. Đây cũng là nền tảng quan trọng giúp học sinh trưởng thành, tự tin, sẵn sàng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống hiện đại.

2.2.3. Hình thức công hiến

Hình thức công hiến là một trong những hình thức tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có ý nghĩa quan trọng, giúp học sinh rèn luyện tinh thần trách nhiệm, ý thức sẻ chia và khát vọng công hiến cho cộng đồng. Thông qua hoạt động này, học sinh sẽ được bồi dưỡng tinh thần yêu thương, đoàn kết, lao động tự giác, đồng thời phát triển kỹ năng hợp tác, giao tiếp xã hội, năng lực tổ chức và điều phối nhóm. Đây cũng là hình thức góp phần hình thành các giá trị sống tích cực, giúp học sinh biết quan tâm, hỗ trợ nhau và nuôi dưỡng khát vọng đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

Việc tổ chức hoạt động công hiến cần linh hoạt, bám sát điều kiện thực tế tại địa phương, có thể thực hiện dưới hình thức cá nhân hoặc nhóm, trong khuôn viên trường học hoặc tại nơi cư trú. Một số hoạt động thường được triển khai hiệu quả tại các khu vực nông thôn, miền núi gồm: dọn dẹp vệ sinh trường lớp, đường làng, bản làng, trồng và chăm sóc cây xanh, tham gia các phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, tổ chức quyên góp sách vở, quần áo, thăm hỏi và hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn, trẻ em mồ côi. Ngoài ra, các hoạt động góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng cộng đồng như tu sửa sân chơi, làm đường giao thông nông thôn hoặc hỗ trợ các hoạt động sản xuất nhỏ lẻ cũng rất phù hợp.

Đặc biệt, các hoạt động gắn với nội dung lao động tập thể trong trường như chăm sóc vườn rau, khuôn viên nội trú, phụ giúp bếp ăn, dọn dẹp khu sinh hoạt chung cần được tổ chức thường xuyên, không chỉ giúp rèn luyện thói quen lao động mà còn tăng cường tinh thần gắn kết tập thể. Trong các hoạt động này, học sinh sẽ được phân công nhiệm vụ rõ ràng, thay phiên đảm nhận các vai trò cụ thể như tổ trưởng, điều phối nhóm hoặc người hỗ trợ. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ và động viên tinh thần tích cực của học sinh, đảm bảo mọi em đều được tham gia, phát huy khả năng cá nhân.

Để hoạt động công hiến đạt hiệu quả cao tại khu vực nông thôn, miền núi, cần chú trọng lựa chọn các nội dung gần gũi, gắn với đời sống văn hóa, tập quán và điều kiện thực tế của học sinh. Nên ưu tiên các hoạt động gắn với nét văn hóa truyền thống như làm hàng rào tre, chế biến món ăn địa phương, thực hiện các công việc thủ công quen thuộc. Đồng thời, cần phát huy tính chủ động, tinh thần tương trợ giữa học sinh với nhau thông qua các hoạt động tập thể nhằm nâng cao sự gắn kết, hiểu biết và đoàn kết trong cộng đồng. Các hoạt động nên tổ chức dưới hình thức “chung tay vì cộng đồng”, tạo môi trường thân thiện, khích lệ tinh thần trách nhiệm, đồng thời khuyến khích sử dụng ngôn ngữ địa phương, tạo sự gần gũi, dễ hiểu và giúp học sinh tự tin hơn khi tham gia.

Hình thức công hiến không chỉ có giá trị giáo dục về tinh thần trách nhiệm xã hội mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối với hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động này, học sinh có cơ hội nhận diện và phát triển năng lực tổ chức, điều phối, chăm sóc cộng đồng – những năng lực quan trọng, là nền tảng cho nhiều nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, y tế cộng đồng, cán bộ xã hội hoặc các nghề liên quan đến phục vụ cộng đồng. Đồng thời, các hoạt động công hiến giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn về giá trị và ý nghĩa của những nghề gắn với cộng đồng, từ đó có nhận thức rõ ràng hơn về hướng đi nghề nghiệp phù hợp với năng lực, hoàn cảnh và giá trị sống cá nhân.

Quan trọng hơn, những trải nghiệm thực tế trong hoạt động công hiến sẽ góp phần nuôi dưỡng động lực học tập, tinh thần cống hiến và ý thức gắn bó với cộng đồng, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho quá trình lập thân, lập nghiệp của học sinh trong tương lai. Hình thức công hiến không chỉ dừng lại ở việc giáo dục ý thức tập thể, mà còn là cơ hội để mỗi học sinh phát triển toàn diện nhân cách, trau dồi kỹ năng sống và xây dựng khát vọng đóng góp cho sự phát triển bền vững của quê hương, đất nước.

2.2.4. Hình thức nghiên cứu

Hình thức nghiên cứu là một trong những phương thức quan trọng trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giúp học sinh khu vực nông thôn, miền núi kết nối tri thức học đường với tri thức dân gian, tri thức bản địa, từ đó phát triển toàn diện về tư duy và kỹ năng sống. Hoạt động này tạo cơ hội để học sinh rèn luyện tư duy logic, năng lực phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua quá trình tự quan sát, đặt câu hỏi, thu thập và xử lý thông tin. Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, học sinh sẽ học cách phân tích, đánh giá và trình bày ý tưởng dựa trên dữ liệu cụ thể, từ đó nâng cao khả năng suy luận, phản biện và đưa ra giải pháp phù hợp.

Bên cạnh việc phát triển tư duy phân tích, hình thức nghiên cứu còn góp phần rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại cho học sinh. Những hoạt động khảo sát thực tế, tìm hiểu tri thức bản địa như nghề truyền thống, bài thuốc dân gian, tập quán canh tác địa phương sẽ giúp học sinh nâng cao khả năng tìm hiểu, kiên nhẫn và kỹ năng trình bày thông qua nhiều hình thức như báo cáo viết, hình ảnh, sơ đồ tư duy, bản vẽ, mô hình hoặc thuyết trình. Đây là cách hiệu quả để học sinh hình thành phong cách học tập chủ động, tự giác, có chiều sâu, đồng thời khơi dậy niềm đam mê khám phá và tinh thần học tập suốt đời.

Hoạt động nghiên cứu trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cần được tổ chức dựa trên các đề tài gần gũi, gắn với đời sống thực tế, đảm bảo phù hợp với điều kiện địa phương và năng lực học sinh. Các đề tài nên tập trung vào những vấn đề thiết thực, có giá trị ứng dụng cao, đồng thời khuyến khích khai thác, bảo tồn và phát huy tri thức dân gian, tri thức bản địa. Một số đề tài nghiên cứu phù hợp với học sinh khu vực nông thôn, miền núi có thể kể đến như: khảo sát nhu cầu học tiếng Việt của học sinh nội trú, tìm hiểu và phân loại các cây thuốc nam tại địa phương, thu thập và lưu giữ truyện cổ dân gian bằng tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông, khảo sát tình trạng rác thải nhựa tại trường học và đề xuất giải pháp

giảm thiểu, hoặc phỏng vấn người làm nghề truyền thống để xây dựng hồ sơ nghề nghiệp.

Những hoạt động này không chỉ giúp học sinh phát triển kỹ năng nghiên cứu mà còn giúp các em thấu hiểu sâu sắc hơn giá trị của văn hóa dân tộc, từ đó bồi dưỡng ý thức bảo tồn văn hóa và tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng. Đồng thời, quá trình nghiên cứu sẽ giúp học sinh rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức, giao tiếp, lập kế hoạch và đánh giá hiệu quả hoạt động, đây là những năng lực cần thiết để thích ứng với yêu cầu học tập, lao động trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

Thông qua các hoạt động nghiên cứu, học sinh không chỉ nâng cao năng lực tư duy phản biện, giải quyết vấn đề mà còn phát triển tinh thần trách nhiệm xã hội, biết tôn trọng và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Đồng thời, đây cũng là nền tảng quan trọng giúp học sinh hình thành động lực học tập lâu dài, rèn luyện sự sáng tạo và chủ động trong việc tiếp cận tri thức mới, từ đó góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và quê hương.

2.2.5. Hình thức tổ chức HĐTNHN đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, khó khăn

Các hình thức tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp như khám phá, thể nghiệm – tương tác, công hiến và nghiên cứu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Đây là những phương thức thiết thực, hiệu quả giúp học sinh gắn kết kiến thức với thực tiễn, phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất, đồng thời bồi dưỡng kỹ năng sống, giá trị sống và ý thức cộng đồng.

Điểm chung nổi bật của các hình thức này là đều lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân. Các hoạt động được thiết kế gắn chặt với điều kiện thực tế địa phương, tận dụng tối đa môi trường sống, nét văn hóa truyền thống, nguồn lực bản địa cũng như các vấn đề xã hội tại cộng đồng. Qua đó, học sinh không chỉ hiểu sâu hơn về văn hóa, lịch sử, kinh tế địa phương mà còn phát triển khả năng quan sát, giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.

Hình thức khám phá giúp học sinh mở rộng kiến thức thực tiễn, rèn luyện kỹ năng quan sát, tư duy phân tích và kết nối tri thức sách vở với đời sống. Hình thức thể nghiệm – tương tác mang lại môi trường giao tiếp cởi mở, giúp học sinh rèn kỹ năng xã hội, thể hiện bản thân và phát triển tinh thần đoàn kết, chia sẻ. Hình thức công hiến nuôi dưỡng ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, tình yêu lao động và khát vọng đóng góp cho quê hương. Hình thức nghiên cứu giúp học sinh phát triển tư duy logic, khả năng phản biện, kiên trì, sáng tạo và ý thức bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Những hình thức này không chỉ giúp học sinh tăng cường trải nghiệm thực tế mà còn có vai trò quan trọng trong giáo dục hướng nghiệp. Thông qua đó, học sinh có cơ hội khám phá bản thân, nhận diện nghề nghiệp phù hợp với năng lực,

điều kiện và nhu cầu địa phương, đồng thời hình thành động lực học tập, rèn luyện để phát triển nghề nghiệp bền vững trong tương lai.

Đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn, các hình thức tổ chức này còn góp phần giải tỏa tâm lý e ngại, rụt rè, tạo môi trường học tập thân thiện, nhân văn, khích lệ sự tự tin, tự chủ. Đây cũng là giải pháp hiệu quả giúp học sinh gắn bó với cộng đồng, góp phần vào sự phát triển bền vững của địa phương, đồng thời trang bị cho các em những kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Như vậy, việc lựa chọn và triển khai linh hoạt các hình thức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp không chỉ phù hợp với đặc thù vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn mà còn có vai trò then chốt trong việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện, bền vững và thực chất.

2.3. Định hướng về kiểm tra đánh giá

Để đảm bảo hiệu quả trong việc đánh giá kết quả Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh, giáo viên tại các trường ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng khó khăn cần thực hiện việc xây dựng công cụ đánh giá theo quy trình phù hợp với đặc điểm, năng lực và điều kiện học tập thực tế của học sinh. Trên thực tế, tùy vào tình hình cụ thể của từng nhà trường, điều kiện tổ chức hoạt động cũng như trình độ, khả năng tiếp thu của học sinh, việc xây dựng công cụ đánh giá cần được thực hiện một cách linh hoạt, nhưng vẫn cần đảm bảo các bước cơ bản theo quy trình khoa học, rõ ràng. Điều quan trọng là các công cụ đánh giá phải thiết thực, dễ sử dụng, phù hợp với ngôn ngữ, cách hiểu và khả năng của học sinh nông thôn, miền núi, từ đó giúp việc đánh giá khách quan, chính xác và phát huy được hiệu quả giáo dục trong thực tiễn.

2.3.1. Xác định mục tiêu và yêu cầu cần đạt trong đánh giá

Đây là bước quan trọng, có vai trò định hướng toàn bộ quá trình xây dựng công cụ đánh giá kết quả Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Giáo viên cần xác định rõ ràng mục tiêu đánh giá nhằm đảm bảo phù hợp với đặc điểm của học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Mục tiêu đánh giá trước hết cần hướng tới việc thúc đẩy quá trình học tập, hỗ trợ học sinh nhận diện năng lực bản thân, phát huy thế mạnh cá nhân, đồng thời khuyến khích các em tích cực tham gia vào các hoạt động giáo dục, rèn luyện trong môi trường đa dạng văn hóa, nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Giáo viên cần xác định rõ hình thức đánh giá sẽ áp dụng, có thể là đánh giá thường xuyên (theo dõi, điều chỉnh trong quá trình học sinh tham gia hoạt động) hoặc đánh giá định kỳ (tổng kết sau một giai đoạn hoạt động). Việc lựa chọn hình thức đánh giá cần phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo tính linh hoạt, dễ áp dụng.

Khi xây dựng công cụ đánh giá, giáo viên nên ưu tiên các yêu cầu phù hợp với điều kiện và nhu cầu học sinh vùng nông thôn, miền núi, nhất là các năng lực thiết thực như giao tiếp, hợp tác, thích ứng, tự chủ. Đây là những năng lực quan trọng, giúp học sinh tự tin hơn khi sinh sống, học tập và tham gia các hoạt động tại trường cũng như trong cộng đồng.

Đặc biệt, giáo viên cần bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt đã quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đồng thời, cần xem xét kỹ lưỡng khả năng tiếp cận ngôn ngữ, mức độ giao tiếp, khả năng nhận thức và điều kiện học tập của học sinh vùng nông thôn, miền núi. Việc xác định mục tiêu và yêu cầu cần đạt rõ ràng ngay từ đầu sẽ giúp giáo viên dễ dàng xây dựng công cụ đánh giá phù hợp, đảm bảo bám sát chương trình, đồng thời thân thiện, gần gũi, dễ hiểu đối với học sinh, từ đó phát huy tốt hiệu quả đánh

Ví dụ:

- **Loại hình đánh giá:** Đánh giá định kỳ (cuối học kỳ I).

- **Đối tượng:** Học sinh lớp 9 tại các trường trung học cơ sở vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn.

- **Mục tiêu đánh giá:**

+ Xác định mức độ đạt được của học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đặc biệt là khả năng thích nghi, ứng phó với áp lực học tập và biết cách tạo động lực cho bản thân trong học tập và cuộc sống hàng ngày.

+ Khích lệ tinh thần học tập, góp phần rèn luyện ý chí vượt khó, tăng khả năng tự chủ, giúp học sinh tiếp tục phát huy năng lực thích ứng và tự tạo động lực trong học tập cũng như đời sống thực tiễn.

- **Yêu cầu cần đạt theo chương trình HĐTN, HN cần đánh giá:**

- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống trong cuộc sống.

- Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống.

- Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động.

- **Yêu cầu cần đạt về quá trình tham gia hoạt động:**

+ Học sinh tích cực tham gia các hoạt động do giáo viên tổ chức, đặc biệt là những hoạt động rèn luyện kỹ năng ứng phó với áp lực học tập và hình thành thói quen tự tạo động lực cho bản thân.

+ Học sinh biết phối hợp, hợp tác với bạn bè trong nhóm, sẵn sàng chia sẻ trải nghiệm của bản thân về những tình huống gây căng thẳng, đồng thời biết lắng nghe, học hỏi những cách ứng phó tích cực từ các bạn khác.

+ Tự tin hơn trong giao tiếp, biết trình bày cảm xúc, suy nghĩ của mình một cách phù hợp khi gặp áp lực; đồng thời hình thành tinh thần chủ động, tích cực tìm kiếm giải pháp giúp bản thân thích nghi với môi trường học tập và cuộc sống.

2.3.2. Xác định nội dung đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Từ mục tiêu, yêu cầu cần đạt đã xác định, giáo viên cần xác định cụ thể những nội dung đánh giá sẽ tập trung vào thực hiện. Việc xác định nội dung cần cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng học sinh dân tộc thiểu số trong môi trường nội trú, ví dụ:

Mặt đánh giá	Yêu cầu cần đạt (YCCĐ)	Nội dung đánh giá
Năng lực trong chương trình HĐTN, HN	- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống trong cuộc sống.	- Khả năng nhận diện tình huống thay đổi (ví dụ: áp lực học tập, thay đổi phương pháp học, xung đột với bạn bè...).
	- Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống.	- Cách ứng phó với áp lực, căng thẳng, khả năng điều chỉnh cảm xúc, hành vi khi gặp tình huống khó khăn.
	- Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động.	- Mức độ xác định mục tiêu cá nhân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện cụ thể; khả năng duy trì động lực thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra.
Quá trình tham gia hoạt động của học sinh	- Học sinh tích cực tham gia các hoạt động giáo viên tổ chức.	- Mức độ chủ động, tích cực khi tham gia hoạt động tại lớp hoặc ngoài lớp (thảo luận nhóm, chia sẻ ý kiến, thực hành trải nghiệm...).
	- Học sinh hợp tác, phối hợp với các bạn khi tham gia hoạt động.	- Khả năng phối hợp, hỗ trợ bạn bè trong nhóm (ví dụ: chia sẻ thông tin, hỗ trợ ghi chép, đóng góp ý kiến nhóm, cùng xây dựng sản phẩm cá nhân hoặc nhóm).

2.3.3. Lựa chọn phương pháp và công cụ đánh giá

Sau khi xác định rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung đánh giá của chủ đề, giáo viên cần lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm của học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Trên cơ sở đó, giáo viên xây dựng các công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đồng thời chú trọng đến các yếu tố đặc thù như ngôn ngữ, văn hóa, mức độ tiếp cận tri thức và môi trường sống của học sinh.

Việc đánh giá kết quả Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cần được thực hiện xuyên suốt quá trình học sinh tham gia hoạt động, kết hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Giáo viên cần linh hoạt trong lựa chọn phương pháp và thiết kế công cụ đánh giá, sao cho phù hợp với từng nội dung, mục tiêu cụ thể của mỗi chủ đề, đảm bảo học sinh dễ hiểu, dễ thực hiện, không gây áp lực cho các em.

Một số phương pháp đánh giá phù hợp có thể áp dụng trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại các trường vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn bao gồm:

(1) Phương pháp trắc nghiệm

Phương pháp trắc nghiệm là một cách đơn giản và dễ áp dụng nhằm đánh giá mức độ nhận thức của học sinh về nội dung của chủ đề Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Phương pháp này giúp giáo viên kiểm tra mức độ hiểu biết ban đầu của học sinh về bản thân, về cộng đồng địa phương, các nghề nghiệp quen thuộc cũng như những vấn đề gần gũi trong môi trường sống xung quanh.

Đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn, trong đó nhiều em còn hạn chế về ngôn ngữ và khả năng diễn đạt bằng tiếng Việt, giáo viên cần ưu tiên thiết kế các dạng câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu, quen thuộc với cuộc sống hàng ngày. Các câu hỏi nên được minh họa bằng tranh ảnh, sơ đồ, hoặc những tình huống cụ thể để học sinh dễ hình dung và trả lời chính xác. Ví dụ, có thể sử dụng các câu hỏi lựa chọn hình ảnh, bảng KWLH (biết – muốn biết – đã học được – sẽ làm gì tiếp theo) hoặc các bảng hỏi đơn giản, gần gũi với văn hóa, sinh hoạt của học sinh nông thôn, miền núi.

Mục đích chính của việc sử dụng phương pháp trắc nghiệm trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp không phải để phân loại, xếp hạng hay so sánh giữa các học sinh mà để giúp giáo viên nắm bắt rõ hơn mức độ nhận thức, sự hiểu biết và nhu cầu học tập của các em. Từ đó, giáo viên có thể điều chỉnh nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động sao cho phù hợp, thiết thực và hiệu quả hơn.

Giáo viên có thể áp dụng phương pháp này vào những thời điểm như: đầu chương trình để khảo sát nhu cầu và khả năng nhận thức; giữa chương trình để đánh giá mức độ thay đổi, tiến bộ; và cuối chương trình để ghi nhận sự trưởng thành trong nhận thức của học sinh sau quá trình trải nghiệm. Nội dung các câu hỏi nên tập trung vào những chủ đề thiết thực, gần gũi với đời sống học sinh như: kỹ năng ứng phó với áp lực học tập, tự chăm sóc bản thân, nghề truyền thống, các giá trị văn hóa cộng đồng, những câu chuyện về tinh thần trách nhiệm và sự sẻ chia trong cộng đồng địa phương.

(2) Phương pháp quan sát

Trong đánh giá kết quả Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phương pháp quan sát đóng vai trò rất quan trọng, nhất là đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Các em thường thể hiện rõ năng lực, thái độ và kỹ năng qua những hoạt động thực tế hằng ngày, do đó việc quan sát hành vi, thái độ, cách ứng

xử và sự tham gia vào hoạt động sẽ giúp giáo viên nắm bắt được những biểu hiện thực chất, khách quan về sự tiến bộ của học sinh.

Phương pháp quan sát trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có thể thực hiện dưới hai hình thức cơ bản: quan sát quá trình và quan sát sản phẩm.

Quan sát quá trình là việc giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh hoặc các lực lượng hỗ trợ theo dõi trực tiếp quá trình học sinh tham gia các hoạt động. Nội dung quan sát nên tập trung vào những biểu hiện như thái độ làm việc nhóm, sự chủ động, tinh thần hợp tác, mức độ tích cực, khả năng thích ứng với những tình huống trong hoạt động. Đặc biệt, cần chú ý quan sát những học sinh còn rụt rè, ngại giao tiếp hoặc gặp khó khăn về tiếng Việt để có sự hỗ trợ phù hợp, khích lệ các em mạnh dạn hơn khi tham gia.

Quan sát sản phẩm là việc đánh giá những sản phẩm học sinh thực hiện sau hoạt động, có thể là tranh vẽ, mô hình, bài thuyết trình, album ảnh, video clip, tiết mục văn nghệ, tiểu phẩm hoặc các sản phẩm sáng tạo khác. Các sản phẩm này thường gắn với cuộc sống, văn hóa, phong tục hoặc nghề truyền thống tại địa phương. Sau khi hoàn thành, học sinh sẽ trình bày sản phẩm, còn giáo viên, bạn bè hoặc cộng đồng sẽ cùng nhận xét, góp ý để giúp học sinh hiểu rõ điểm mạnh, điểm cần cải thiện.

Để việc quan sát đạt hiệu quả cao, giáo viên cần chuẩn bị kỹ lưỡng: xác định rõ mục tiêu, nội dung cần quan sát và thống nhất phương pháp ghi chép, tránh bỏ sót những chi tiết quan trọng. Nên ưu tiên những nội dung gần gũi, thiết thực với đời sống hàng ngày của học sinh như kỹ năng giao tiếp, khả năng hợp tác hoặc thái độ với cộng đồng. Giáo viên có thể sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm, sổ ghi chép hoặc ghi âm, chụp ảnh, quay video để lưu lại quá trình hoạt động, giúp việc đánh giá sau này chính xác và thuận tiện hơn.

Ngoài ra, cần phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên, cán bộ nhà trường, cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục trong cộng đồng để đánh giá nhiều chiều, khách quan hơn. Đặc biệt, nên kết hợp phương pháp quan sát với các phương pháp khác như phỏng vấn, thảo luận nhóm, trò chơi... để tạo điều kiện cho học sinh được thể hiện đa dạng, phù hợp với đặc điểm vùng nông thôn, miền núi.

(3) Phương pháp khảo sát, điều tra

Phương pháp khảo sát, điều tra là một trong những cách đánh giá phổ biến, đặc biệt phù hợp để thu thập thông tin phản hồi từ học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn về mức độ nhận thức, thái độ, sự hứng thú và động cơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Công cụ chính của phương pháp này là bảng hỏi, phiếu điều tra hoặc bảng khảo sát, trong đó các câu hỏi được thiết kế đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, gần gũi với đời sống của học sinh. Các câu hỏi nên tập trung vào việc tìm hiểu:

- Mức độ quan tâm của học sinh đối với các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
- Mức độ hiểu biết về các nội dung hoạt động.

- Thái độ, cảm xúc khi tham gia hoạt động.
- Mong muốn, sở thích cá nhân hoặc định hướng lựa chọn các nhóm hoạt động phù hợp với năng lực, điều kiện sống và nền tảng văn hóa.

Khi áp dụng phương pháp này, giáo viên cần chú ý sử dụng ngôn ngữ thật dễ hiểu, gần gũi với học sinh vùng nông thôn, miền núi. Nếu cần, giáo viên có thể kèm thêm tranh ảnh minh họa hoặc hướng dẫn bằng tiếng mẹ đẻ, để đảm bảo mọi học sinh đều có thể trả lời chính xác và đầy đủ.

Phương pháp này rất phù hợp để khảo sát nhanh nhu cầu, mức độ hiểu biết hoặc cảm nhận của học sinh trước, trong hoặc sau khi tham gia hoạt động, từ đó giúp giáo viên điều chỉnh cách tổ chức sao cho hiệu quả và sát với thực tiễn hơn.

(4) Phương pháp đánh giá phân tích sản phẩm của học sinh

Phương pháp đánh giá thông qua sản phẩm học sinh là một trong những phương pháp quan trọng, đặc biệt phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Sản phẩm chính là minh chứng rõ ràng nhất phản ánh năng lực, sự sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của học sinh trong quá trình tham gia hoạt động, cả ở mức độ cá nhân và nhóm.

Trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, sản phẩm của học sinh có thể rất đa dạng như: tranh vẽ, video, poster, album ảnh, đồ thủ công, sản phẩm sáng tạo, mô hình, bài trình bày, tiểu phẩm hoặc các dự án nhỏ. Các sản phẩm này thường gắn với nét văn hóa truyền thống, đặc trưng vùng miền hoặc những vấn đề quen thuộc, gần gũi với cuộc sống tại địa phương. Đây chính là những minh chứng cụ thể thể hiện năng lực, khả năng sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và sự chủ động của học sinh sau khi tham gia hoạt động.

Phương pháp này giúp gắn kết hoạt động trải nghiệm với thực tiễn đời sống, đồng thời khơi gợi hứng thú học tập, nhất là với những học sinh có hạn chế về ngôn ngữ và kỹ năng học tập. Qua quá trình tạo ra sản phẩm, học sinh không chỉ củng cố kiến thức đã học mà còn phát triển năng lực tự học, kỹ năng hợp tác, giải quyết vấn đề và khả năng sáng tạo.

Đặc biệt, sản phẩm còn là công cụ giúp học sinh tự đánh giá bản thân, nhận ra điểm mạnh, điểm yếu và rèn luyện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Mục tiêu quan trọng nhất của phương pháp này là đánh giá những gì học sinh thực sự làm được, khuyến khích mỗi em thể hiện kết quả học tập theo cách riêng của mình, từ đó phát huy được sự đa dạng văn hóa, bản sắc cá nhân và điều kiện thực tế của học sinh.

Để đảm bảo sự khách quan, công bằng và chính xác khi đánh giá sản phẩm, giáo viên cần đưa ra tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể và phù hợp với trình độ, điều kiện của học sinh. Một số tiêu chí đánh giá cơ bản gồm:

- **Nội dung:** Bám sát chủ đề, thể hiện đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với mục tiêu hoạt động.
- **Hình thức:** Trình bày đẹp, khoa học, sáng tạo và dễ hiểu.

- **Phần trình bày, thuyết trình:** Kỹ năng diễn đạt, sự tự tin, khả năng thuyết phục người nghe.
- **Tính ứng dụng:** Sản phẩm có khả năng áp dụng vào thực tiễn đời sống hoặc hoạt động cộng đồng.

Khi áp dụng với học sinh vùng nông thôn, miền núi, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến sự phù hợp với văn hóa địa phương, điều kiện sống và khả năng sử dụng tiếng Việt của các em. Bên cạnh đó, nên linh hoạt kết hợp bảng kiểm, thang đánh giá cùng với nhận xét, góp ý cá nhân để vừa khuyến khích sự tự tin, sáng tạo của học sinh, vừa giúp các em cải thiện, điều chỉnh trong quá trình thực hiện sản phẩm.

(5) Phương pháp đánh giá hồ sơ tham gia hoạt động trải nghiệm của học sinh

Phương pháp đánh giá thông qua hồ sơ hoạt động là cách đánh giá dựa trên việc học sinh tự theo dõi, ghi nhận và lưu giữ các minh chứng về quá trình và kết quả tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đây là phương pháp rất phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn, vì giúp các em rèn luyện khả năng tự đánh giá, tự nhận thức bản thân và phát triển sự chủ động trong học tập một cách tự nhiên, lâu dài.

Khi áp dụng phương pháp này, học sinh được khuyến khích tự ghi chép, thu thập, lưu giữ các sản phẩm hoạt động, cảm nhận cá nhân, cùng với ý kiến nhận xét từ thầy cô và bạn bè trong suốt quá trình tham gia hoạt động. Hồ sơ không chỉ giúp các em nhìn thấy sự tiến bộ của chính mình qua từng giai đoạn, mà còn giúp giáo viên nắm rõ đặc điểm, năng lực và khó khăn của từng em để có những hỗ trợ phù hợp, kịp thời.

Một số loại hồ sơ hoạt động phổ biến trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bao gồm:

- **Hồ sơ tiến bộ:** Ghi lại các sản phẩm, bài tập, hoạt động nhóm mà học sinh thực hiện qua các giai đoạn. Đối với học sinh vùng khó khăn, hồ sơ này có thể gồm tranh vẽ, sản phẩm thủ công, bài cảm nhận ngắn, nhật ký trải nghiệm hoặc các sản phẩm gắn với đời sống văn hóa địa phương.
- **Hồ sơ quá trình:** Theo dõi chi tiết từng bước tham gia hoạt động của học sinh, ghi nhận cả điểm mạnh và điểm còn hạn chế, đồng thời lưu ý kế hoạch điều chỉnh, cải thiện cho các lần sau. Đây là công cụ giúp học sinh tự rèn luyện, tự định hướng cho hành động tương lai.
- **Hồ sơ mục tiêu:** Học sinh tự xác định mục tiêu khi tham gia hoạt động, tự đánh giá khả năng hiện tại và lập kế hoạch cụ thể để đạt mục tiêu. Hồ sơ này giúp học sinh chủ động hơn trong việc rèn luyện, đặc biệt phù hợp với học sinh vùng nông thôn cần phát huy khả năng tự học.
- **Hồ sơ thành tích:** Lưu lại những thành tích nổi bật của học sinh trong hoạt động như sản phẩm sáng tạo, giải thưởng, phần trình bày ấn tượng... giúp học sinh nhận ra điểm mạnh và khích lệ các em tiếp tục phát huy.

Hồ sơ hoạt động đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích học sinh vùng khó khăn tự khám phá bản thân, nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm và thói quen học tập tích cực. Đây còn là “cầu nối” giữa học sinh – giáo viên – phụ huynh, giúp tất cả cùng hiểu rõ quá trình phát triển của học sinh một cách đầy đủ, khách quan. Ngoài ra, qua việc theo dõi hồ sơ, giáo viên dễ dàng phát hiện sớm những khó khăn của học sinh để có biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp với điều kiện địa phương.

Tuy nhiên, phương pháp này đòi hỏi học sinh và giáo viên cần có sự kiên trì, dành nhiều thời gian để theo dõi, thu thập, ghi chép và đánh giá. Do đó, hồ sơ cần được xây dựng đơn giản, khoa học, rõ ràng về tiêu chí, dễ hiểu để đảm bảo tính công bằng và khách quan. Giáo viên nên chủ động hướng dẫn học sinh cách làm hồ sơ, thống nhất các tiêu chí ngay từ đầu để các em hiểu rõ mục đích và yên tâm thực hiện. Ngoài ra, giáo viên cũng nên thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, nhận xét trực tiếp để học sinh có cơ hội tự nhìn nhận và cải thiện dần.

Để giảm bớt áp lực cho học sinh vùng khó khăn, nhất là các em còn hạn chế về tiếng Việt hoặc kỹ năng ghi chép, giáo viên có thể kết hợp linh hoạt phương pháp này với các phương pháp đánh giá khác như quan sát, đánh giá sản phẩm, thảo luận nhóm hoặc phỏng vấn, nhằm tăng hiệu quả và tính khả thi trong quá trình thực hiện.

6. Lựa chọn và sử dụng công cụ đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Mỗi phương pháp đánh giá đều có các công cụ riêng để hỗ trợ giáo viên thu thập thông tin và đánh giá kết quả hoạt động của học sinh. Để đảm bảo việc đánh giá khách quan, đầy đủ, chính xác và phù hợp với đối tượng học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn, giáo viên cần cân nhắc kỹ lưỡng khi lựa chọn công cụ đánh giá sao cho phù hợp với phương pháp sử dụng, nội dung hoạt động và khả năng tiếp nhận của học sinh.

Đối với học sinh vùng khó khăn, các công cụ đánh giá nên ưu tiên yếu tố dễ hiểu, dễ sử dụng, phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa địa phương, đồng thời tạo điều kiện để học sinh có thể thể hiện năng lực theo nhiều cách đa dạng, không bị áp lực.

Dưới đây là bảng minh họa một số công cụ đánh giá thường dùng, phù hợp với từng phương pháp đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp::

Phương pháp	Phiếu đánh giá theo tiêu chí	Hồ sơ hoạt động	Sản phẩm hoạt động	Bảng ghi chép	Câu hỏi	Bảng kiểm	Thang đánh giá
1. Trắc nghiệm	✓			✓	✓		
2. Quan sát các biểu hiện, hành	✓	✓	✓	✓		✓	

vi và thái độ của học sinh trong hoạt động							
3. Khảo sát, điều tra	✓				✓		
4. Đánh giá, phân tích sản phẩm của học sinh	✓		✓			✓	✓
5. Phương pháp đánh giá hồ sơ tham gia hoạt động trải nghiệm	✓	✓	✓	✓		✓	✓

Việc lựa chọn phương pháp và công cụ đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cần được thực hiện dựa trên những tiêu chí rõ ràng, nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan, đồng thời phù hợp với đặc điểm học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn.

Trước hết, phương pháp và công cụ đánh giá cần giúp giáo viên đo lường chính xác các mục tiêu, yêu cầu cần đạt đã đề ra trong kế hoạch giáo dục của từng chủ đề. Các công cụ này phải bám sát yêu cầu trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đồng thời giúp giáo viên đánh giá đúng năng lực thực tế của học sinh qua từng nội dung cụ thể. Mục tiêu quan trọng nhất là đảm bảo việc đánh giá thực chất, giúp học sinh phát triển đúng năng lực và phẩm chất cần thiết.

Tiếp theo, các phương pháp và công cụ đánh giá phải có khả năng phản ánh đúng các năng lực cốt lõi cần phát triển ở học sinh, đặc biệt là những năng lực thiết thực như: năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp, hợp tác; năng lực thích nghi với môi trường sống; và các năng lực liên quan đến văn hóa, xã hội gắn với đời sống địa phương. Các công cụ đánh giá phải gắn chặt với nội dung thực tiễn, những vấn đề quen thuộc trong môi trường sinh hoạt và lao động hằng ngày của học sinh, đồng thời giúp các em phát huy khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế.

Ngoài ra, việc lựa chọn công cụ đánh giá cần đảm bảo sự phù hợp với hình thức đánh giá đã xác định trước đó. Giáo viên cần sử dụng những công cụ phù hợp như: phiếu quan sát, bảng kiểm, thang đánh giá, hồ sơ hoạt động... sao cho đồng bộ với phương pháp đánh giá đang áp dụng, đảm bảo tính nhất quán và phục vụ đúng mục đích: theo dõi tiến trình hoặc đánh giá kết quả sau hoạt động.

Cuối cùng, một tiêu chí rất quan trọng là sự phù hợp với đặc điểm học sinh vùng nông thôn, miền núi. Các công cụ đánh giá cần được thiết kế đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, sử dụng ngôn ngữ gần gũi, thân thiện, có thể kết hợp với hình ảnh, sơ đồ hoặc ví dụ minh họa để học sinh dễ tiếp cận. Giáo viên nên linh hoạt kết hợp các

hình thức đánh giá nhóm, đánh giá qua sản phẩm thực tiễn, để tạo điều kiện cho học sinh phát huy năng lực cá nhân, thể hiện sự sáng tạo và tinh thần cộng đồng.

Đảm bảo đầy đủ các tiêu chí trên sẽ giúp việc đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trở nên thiết thực, hiệu quả và có ý nghĩa đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phù hợp với điều kiện địa phương.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống trong cuộc sống. - Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống. - Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động.	Đánh giá các nội dung sau: • Nhận diện khả năng thích nghi của bản thân qua các tình huống giả định hoặc tình huống thực tế (học tập, gia đình, cộng đồng...). • Biết ứng phó với căng thẳng trong học tập và sinh hoạt hàng ngày bằng các cách phù hợp, như hít thở sâu, chia sẻ với người thân, thầy cô, bạn bè... • Xây dựng được kế hoạch tạo động lực cá nhân, biết xác định mục tiêu, đề ra giải pháp và cam kết thực hiện.	Đánh giá thông qua sản phẩm hoạt động của học sinh: - Sản phẩm: Nhật ký cá nhân, bản kế hoạch hành động, tranh vẽ, sơ đồ tư duy, bài viết cảm nhận, đoạn video ghi lại quá trình thực hiện hoạt động. - Quá trình: Quan sát thái độ, sự hợp tác, mức độ chủ động, tinh thần vượt khó và ý thức trách nhiệm khi tham gia hoạt động. - Kết hợp phỏng vấn, hỏi đáp hoặc thảo luận để làm rõ kết quả.	- Phiếu đánh giá theo tiêu chí cụ thể, có thể kèm tranh minh họa, dễ hiểu. - Các tiêu chí đánh giá gợi ý: • Khả năng nhận diện và mô tả các tình huống gây áp lực hoặc thay đổi. • Mức độ phù hợp và hiệu quả trong giải pháp ứng phó căng thẳng. • Tính khả thi và mức độ rõ ràng, chi tiết của bản kế hoạch tạo động lực. • Thái độ tự tin, tinh

Bảng 5. Ví dụ về nội dung, phương pháp và công cụ đánh giá

2.3.4. Thiết kế và xây dựng công cụ đánh giá và tiêu chí đánh giá

Sau khi xác định được các công cụ đánh giá phù hợp, giáo viên cần tiến hành thiết kế các công cụ đánh giá một cách cụ thể và khoa học.

(1) Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)

Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric) là một công cụ rất hiệu quả trong việc đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN), đặc biệt phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi – nơi các em còn gặp nhiều khó khăn về

điều kiện học tập, khả năng giao tiếp và vốn sống thực tiễn. Rubric giúp giáo viên đánh giá cụ thể, khách quan bằng cách mô tả chi tiết các tiêu chí và mức độ đạt được của học sinh thông qua quá trình tham gia hoạt động hoặc sản phẩm hoàn thành.

Cấu trúc của Rubric gồm hai phần chính. Thứ nhất là tiêu chí đánh giá, gồm các yêu cầu cụ thể, bám sát mục tiêu hoạt động hoặc sản phẩm mà học sinh cần thực hiện. Thứ hai là mức độ đánh giá, mô tả chi tiết các mức độ thực hiện từ thấp đến cao, thường từ 3 đến 5 mức. Rubric khác với bảng kiểm thông thường vì giúp giáo viên phân biệt rõ ràng mức độ đạt được giữa các học sinh, đặc biệt với các em còn hạn chế về ngôn ngữ, kỹ năng trình bày.

Rubric không chỉ giúp đánh giá sản phẩm cuối cùng, mà còn đánh giá cả quá trình học sinh tham gia hoạt động. Thông qua Rubric, giáo viên dễ dàng theo dõi sự tiến bộ của học sinh, đánh giá chính xác năng lực, phẩm chất, hành vi và thái độ trong suốt quá trình thực hiện. Đồng thời, Rubric còn giúp học sinh tự nhận diện khả năng, điều chỉnh hành vi và rèn luyện kỹ năng cần thiết một cách bền vững.

Để xây dựng Rubric phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi, giáo viên cần thực hiện theo một quy trình rõ ràng. Trước hết, giáo viên xác định mục tiêu, yêu cầu cần đạt phù hợp với chương trình HĐTNHN. Tiếp theo, lựa chọn các tiêu chí thiết thực, gắn với kỹ năng sống như khả năng thích nghi, giao tiếp, ứng phó với áp lực, tạo động lực cá nhân.

Khi xác định tiêu chí, giáo viên cần chú ý ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, tránh dùng các từ ngữ quá trừu tượng hoặc mang tính lý thuyết cao. Các tiêu chí cần thể hiện hành vi, sản phẩm cụ thể, dễ quan sát để học sinh và giáo viên cùng dễ dàng nhận biết. Số lượng tiêu chí cũng cần vừa phải, từ 3 đến 5 tiêu chí để không gây quá tải cho cả học sinh và giáo viên.

Cấu trúc chung của Rubric:

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3	...
Tiêu chí 1	...	...	...	...
Tiêu chí 2	...	...	...	...
Tiêu chí 3	...	...	...	...

Sau khi xác định tiêu chí, giáo viên tiến hành xây dựng mức độ đánh giá. Thông thường, Rubric nên có từ 3 đến 5 mức, mô tả rõ ràng sự khác biệt giữa các mức độ đạt được. Ngôn ngữ mô tả cần gần gũi, dễ hiểu, có thể kèm hình ảnh minh họa hoặc ví dụ thực tế để học sinh dễ liên hệ. Các mức độ cần phản ánh trung thực, rõ nét về chất lượng hoặc mức độ hoàn thành nhiệm vụ của học sinh.

Đặc biệt, khi thiết kế Rubric cho học sinh vùng nông thôn, miền núi, giáo viên cần chú trọng các yếu tố phù hợp với đặc điểm thực tế. Các tiêu chí nên ưu tiên các kỹ năng thực tiễn như tự lập, hợp tác nhóm, giải quyết vấn đề, thích nghi

với điều kiện sống. Ngoài ra, giáo viên cần khuyến khích học sinh tham gia góp ý khi xây dựng Rubric để các em hiểu rõ yêu cầu, từ đó chủ động hơn khi tham gia hoạt động.

Trong quá trình áp dụng, giáo viên nên kết hợp linh hoạt Rubric với các phương pháp đánh giá khác như quan sát, phỏng vấn, sản phẩm, để đảm bảo đánh giá toàn diện và khách quan. Việc sử dụng Rubric đúng cách không chỉ giúp giáo viên dễ dàng theo dõi, đánh giá học sinh mà còn tạo cơ hội cho học sinh vùng nông thôn, miền núi phát huy năng lực, tự tin rèn luyện bản thân và tiến bộ bền vững.

(2) Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là tập hợp các tài liệu, sản phẩm được học sinh vùng nông thôn, miền núi lựa chọn một cách có chủ đích trong quá trình tham gia hoạt động. Hồ sơ được sắp xếp theo trình tự thời gian nhất định, thể hiện rõ sự nỗ lực và kết quả rèn luyện, học tập của học sinh trong suốt năm học.

Các sản phẩm trong hồ sơ có thể bao gồm:

- Các bài tập, báo cáo, bài thu hoạch, bài thuyết trình, ghi chép, tranh vẽ, sơ đồ tư duy cá nhân gắn với nội dung trải nghiệm hoặc hướng nghiệp tại địa phương.
- Các sản phẩm nhóm như mô hình, dự án nghiên cứu về nghề truyền thống, kế hoạch hoạt động vì cộng đồng, các tập san hoặc bản tin của trường.
- Hình ảnh, video, ghi âm hoặc các sản phẩm thủ công (ví dụ: sản phẩm từ nghề mây tre, nông nghiệp, chế biến món ăn truyền thống) phản ánh các hoạt động trải nghiệm gắn với đời sống nông thôn, miền núi.

Lưu ý: Hồ sơ không đơn thuần là việc tập hợp tất cả sản phẩm, mà cần chọn lọc những sản phẩm tiêu biểu, có giá trị giáo dục cao, phù hợp với mục tiêu rèn luyện năng lực và phẩm chất của học sinh.

Mục đích sử dụng hồ sơ chủ yếu tập trung vào hai nội dung quan trọng. Thứ nhất, hồ sơ giúp ghi nhận và tôn vinh những thành tích, sản phẩm sáng tạo của học sinh vùng nông thôn, miền núi. Đây là nơi lưu giữ những sản phẩm tiêu biểu, phản ánh sự sáng tạo, nỗ lực vượt khó và tinh thần ham học hỏi của học sinh, qua đó có thể dùng để khen thưởng hoặc trưng bày trong các sự kiện như ngày hội văn hóa địa phương, hội thi kỹ năng sống, từ đó tạo động lực tích cực cho học sinh.

Thứ hai, hồ sơ giúp giáo viên, học sinh và cha mẹ theo dõi được sự tiến bộ của học sinh qua từng giai đoạn. Đây là công cụ hữu ích để phát hiện sớm những khó khăn trong học tập, kỹ năng sống hoặc giao tiếp, từ đó đưa ra biện pháp hỗ trợ kịp thời. Quan trọng nhất, hồ sơ mang tính cá nhân sâu sắc, không nhằm mục đích so sánh giữa các em, mà tập trung ghi nhận sự nỗ lực, quá trình phấn đấu riêng của mỗi học sinh, giúp các em tự nhìn lại hành trình trải nghiệm, phát huy điểm mạnh và rèn luyện bền vững hơn.

Việc sử dụng hồ sơ trong suốt năm học cần linh hoạt, phù hợp với đặc điểm học sinh vùng nông thôn, miền núi. Với hồ sơ theo dõi tiến bộ, giáo viên nên khuyến khích học sinh cập nhật sau mỗi hoạt động hoặc mỗi chủ đề trải nghiệm, để phản ánh đầy đủ hành trình rèn luyện và sự tiến bộ của các em. Việc thường xuyên cập nhật giúp giáo viên dễ theo sát quá trình phát triển kỹ năng, thái độ, năng lực của học sinh, đồng thời giúp các em tự nhận thức về những thay đổi tích cực của bản thân.

Vào cuối kỳ hoặc cuối năm học, giáo viên sẽ tổng hợp, đánh giá toàn diện hồ sơ để làm căn cứ nhận xét kết quả rèn luyện. Ngoài ra, hồ sơ còn có thể được sử dụng trong các buổi họp phụ huynh, ngày hội trường, hoặc các dịp trưng bày nhằm giới thiệu thành quả, nỗ lực của học sinh với cộng đồng địa phương, góp phần lan tỏa giá trị tích cực từ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Thiết kế và quản lý hồ sơ cần được thực hiện chặt chẽ nhưng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của học sinh vùng nông thôn, miền núi. Các sản phẩm nên được lấy từ chính các hoạt động học tập, sinh hoạt thường ngày, đảm bảo phản ánh đúng quá trình rèn luyện thực tiễn.

Về số lượng, với hồ sơ theo dõi tiến bộ, chỉ nên chọn khoảng 10–15 sản phẩm trong suốt năm học để đảm bảo vừa đủ, dễ quản lý. Đối với hồ sơ thành tích, chỉ cần khoảng 3–5 sản phẩm tiêu biểu, nhằm tôn vinh sự sáng tạo, nỗ lực rõ rệt của học sinh.

Hồ sơ cần được sắp xếp khoa học, có mục lục rõ ràng để dễ tra cứu. Các sản phẩm nên phân loại theo dạng như bài viết, bản in, hình ảnh, video... và sắp xếp theo thứ tự thời gian để dễ theo dõi. Mỗi sản phẩm cần ghi rõ ngày thực hiện, ngày nộp và ngày đánh giá để đảm bảo tính minh bạch, đầy đủ.

Ngoài ra, giáo viên nên tổ chức các buổi hướng dẫn để học sinh tự quản lý, tự hoàn thiện hồ sơ cá nhân, qua đó rèn luyện năng lực tự học, tự quản – những kỹ năng rất cần thiết cho học sinh vùng nông thôn, miền núi.

Việc duy trì và đánh giá hồ sơ có thể tốn nhiều thời gian, do vậy cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên, học sinh và phụ huynh. Đồng thời, việc thực hiện cần linh hoạt, phù hợp với điều kiện học tập và sinh hoạt của học sinh vùng nông thôn, miền núi, tránh gây áp lực không cần thiết, khuyến khích học sinh tham gia với tâm thế chủ động, thoải mái, tích cực.

(3) Sản phẩm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Sản phẩm HĐTNHN là kết quả cụ thể phản ánh quá trình học sinh vùng nông thôn, miền núi tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đồng thời là minh chứng cho sự vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cá nhân vào thực tiễn cuộc sống. Những sản phẩm này không chỉ thể hiện năng lực học tập, mà còn phản ánh sự tiến bộ về kỹ năng sống, khả năng giao tiếp, tinh thần hợp tác, sự sáng tạo và nét văn hóa địa phương của học sinh.

Trong quá trình đánh giá, sản phẩm vừa là công cụ, vừa là đối tượng để giáo viên đo lường mức độ đạt được về năng lực và phẩm chất của học sinh, thông qua quá trình thiết kế và hoàn thiện sản phẩm.

Các sản phẩm trong HĐTNHN rất đa dạng, gắn với nhiều hoạt động thực tiễn tại trường học và cộng đồng vùng nông thôn, miền núi, tiêu biểu như: tranh vẽ, bài thuyết trình, video, poster, mô hình, nhật ký trải nghiệm, dự án cộng đồng, sản phẩm thủ công truyền thống hoặc các bài cảm nhận về sinh hoạt, học tập tại trường. Học sinh có thể trình bày sản phẩm dưới nhiều hình thức phù hợp với khả năng ngôn ngữ, trình độ và vốn văn hóa tại địa phương. Một số dạng sản phẩm tiêu biểu gồm:

Dự án hoạt động: Các kế hoạch, dự án cụ thể do học sinh tự xây dựng và thực hiện, gắn với hoạt động cộng đồng, bảo vệ môi trường, sinh hoạt tập thể hoặc kỹ năng sống.

Sản phẩm nghiên cứu khoa học: Các đề tài nghiên cứu về môi trường, nghề truyền thống, cây trồng, vật nuôi, hoặc các vấn đề gần gũi trong đời sống nông thôn, miền núi, nhằm rèn luyện kỹ năng tư duy, phản biện và giải quyết vấn đề.

Sản phẩm thực hành, thí nghiệm, chế tác: Các sản phẩm thủ công, nông nghiệp, sáng tạo từ vật liệu địa phương hoặc thí nghiệm khoa học đơn giản, giúp học sinh ứng dụng kiến thức vào thực tế.

Việc sử dụng sản phẩm trong HĐTNHN giúp giáo viên đánh giá toàn diện sự phát triển của học sinh vùng nông thôn, miền núi, nhất là năng lực hành động, khả năng giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng giao tiếp, tự phục vụ, tinh thần trách nhiệm và khả năng làm việc nhóm. Đồng thời, sản phẩm còn góp phần khơi dậy sự chủ động, tự tin và sáng tạo cho học sinh trong học tập và cuộc sống hàng ngày. Các sản phẩm này sẽ được đánh giá sau khi học sinh hoàn thành hoạt động trải nghiệm hoặc hướng nghiệp tại trường, ký túc xá hoặc cộng đồng địa phương. Giáo viên có thể sử dụng thang đo, phiếu đánh giá hoặc rubric để đánh giá chính xác mức độ đạt được của sản phẩm, đảm bảo công bằng và khách quan.

(4) Bảng ghi chép

Bảng ghi chép là một trong những công cụ đánh giá quan trọng, giúp giáo viên ghi lại những quan sát thực tế về hành vi, thái độ và mức độ tham gia của học sinh trong quá trình thực hiện Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN). Công cụ này đặc biệt hữu ích trong bối cảnh các trường vùng nông thôn, miền núi, nơi học sinh còn nhiều hạn chế về điều kiện học tập, giao tiếp và trải nghiệm xã hội.

Thông qua bảng ghi chép, giáo viên có thể thu thập thông tin chi tiết về mức độ tập trung, khả năng giải quyết nhiệm vụ, tinh thần hợp tác nhóm, những khó khăn gặp phải cũng như thái độ, cảm xúc và hành vi ứng xử của học sinh trong từng tình huống cụ thể. Các ghi chép nên được thực hiện ngay sau khi sự việc xảy ra để đảm bảo tính khách quan và chính xác. Mỗi học sinh cần có một phần ghi chép riêng trong sổ theo dõi của giáo viên, đồng thời giáo viên cần tách biệt rõ giữa phần mô tả sự kiện khách quan với phần nhận xét, đánh giá chủ quan.

Trong môi trường vùng nông thôn, miền núi, giáo viên nên ưu tiên quan sát những hành vi liên quan đến kỹ năng sống, năng lực tự phục vụ, tinh thần hợp tác, khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt và sự chủ động trong tham gia hoạt động. Các sự kiện đặc biệt, những hành vi nổi bật – dù tích cực hay tiêu cực – đều cần được ghi chép đầy đủ, kèm theo các nhận xét về định hướng, hỗ trợ phù hợp nhằm giúp học sinh tiến bộ.

Tuy nhiên, do điều kiện thực tế, giáo viên khó có thể theo dõi toàn bộ học sinh trong tất cả các hoạt động. Vì vậy, việc lựa chọn nội dung quan sát cần được thực hiện một cách có mục tiêu rõ ràng, tập trung vào những hành vi hoặc biểu hiện quan trọng, những yếu tố mà các phương pháp đánh giá khác khó tiếp cận, hoặc ở những học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt.

Để đảm bảo hiệu quả trong quá trình sử dụng bảng ghi chép, giáo viên cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

- Xác định rõ ràng trước các hành vi, sự kiện trọng tâm cần quan sát, bám sát các mục tiêu rèn luyện kỹ năng và phẩm chất cụ thể.
- Ghi chép đầy đủ thông tin về bối cảnh, thời gian, không gian và các chi tiết liên quan đến sự kiện được quan sát.
- Phân biệt rõ ràng giữa phần ghi chép khách quan (mô tả sự kiện) với phần nhận xét, đánh giá cá nhân.
- Ghi nhận cả các hành vi tích cực lẫn tiêu cực một cách công bằng, toàn diện.
- Chỉ đưa ra nhận xét, đánh giá sau khi đã có đầy đủ các thông tin cần thiết, đảm bảo độ chính xác và khách quan.

Ngoài ra, tùy vào điều kiện cụ thể, giáo viên có thể linh hoạt kết hợp bảng ghi chép với các công cụ khác như phiếu quan sát, hồ sơ cá nhân hoặc nhật ký học sinh, nhằm theo dõi tiến trình rèn luyện lâu dài và hỗ trợ học sinh một cách hiệu quả nhất.

(5) Câu hỏi

Câu hỏi là một trong những công cụ phổ biến và hiệu quả trong kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của học sinh, đặc biệt phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi – nơi các em có nhiều khác biệt về điều kiện học tập, khả năng giao tiếp và ngôn ngữ. Công cụ này có thể được áp dụng dưới nhiều hình thức linh hoạt như: kiểm tra miệng, kiểm tra viết dưới dạng tự luận, trắc nghiệm khách quan, bảng hỏi ngắn, thẻ kiểm tra hay bảng KWLH..., tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung và thời điểm đánh giá.

Trong đó, câu hỏi vấn đáp (hỏi và đáp trực tiếp giữa giáo viên và học sinh) là hình thức rất phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi. Phương pháp này giúp giáo viên thu thập nhanh chóng, trực tiếp thông tin về kết quả hoạt động, đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp, khả năng trình bày và diễn đạt bằng tiếng Việt cho học sinh. Giáo viên có thể sử dụng linh hoạt câu hỏi vấn đáp trong suốt quá trình hoạt động hoặc trong các buổi kiểm tra định kỳ, giúp học sinh luyện tập khả năng nói tự nhiên, tự tin.

Bảng hỏi ngắn (gồm các câu hỏi mở hoặc đóng) hoặc bài trắc nghiệm đơn giản cũng là công cụ hữu ích, thường được sử dụng trước khi bắt đầu một chủ đề mới để kiểm tra kiến thức nền tảng, hiểu biết ban đầu và nhu cầu học tập của học sinh vùng nông thôn, miền núi. Các công cụ này giúp giáo viên dễ dàng nắm bắt trình độ nhận thức thực tế, từ đó điều chỉnh nội dung hoạt động phù hợp với đặc thù, khả năng tiếp nhận và vốn sống của học sinh.

Thẻ kiểm tra là các câu hỏi ngắn, súc tích, thường được giáo viên sử dụng ngay trước, trong hoặc sau mỗi hoạt động, nhằm đánh giá nhanh mức độ tiếp thu, khả năng nhớ và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh. Đây là hình thức kiểm tra nhẹ nhàng, phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi, giúp các em không bị áp lực mà vẫn tích cực tham gia hoạt động.

Bảng KWLH cũng là một công cụ đánh giá rất hữu ích, đặc biệt hiệu quả khi áp dụng với học sinh vùng nông thôn, miền núi. Công cụ này giúp khởi động hoạt động, khuyến khích học sinh tư duy tích cực và chủ động hơn trong quá trình học tập. Thông qua bảng KWLH, học sinh sẽ xác định:

K (Know): Điều các em đã biết về chủ đề.

W (Want): Điều các em muốn tìm hiểu thêm.

L (Learned): Những điều các em đã học được sau hoạt động.

H (How): Những điều các em cần tiếp tục tìm hiểu thêm trong tương lai.

Cách làm này giúp học sinh vùng nông thôn, miền núi dễ dàng nắm bắt hoạt động, tăng khả năng chủ động và phát huy tính tự học, tự khám phá trong quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

BẢNG HỎI “KWLH”

Họ và tên học sinh:.....Lớp:

Chủ đề: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống (lớp 9)

Câu hỏi:

1. Những hình ảnh, tình huống nào gợi cho em suy nghĩ về áp lực trong học tập, cuộc sống? Em đã hiểu gì về khả năng thích nghi và cách ứng phó với áp lực của bản thân?

(Học sinh điền vào cột K)

2. Em mong muốn tìm hiểu thêm những nội dung gì về cách tạo động lực và giảm căng thẳng trong học tập, cuộc sống?

(Học sinh điền vào cột W)

3. Sau khi tham gia chủ đề này, em đã hiểu và biết thêm điều gì mới liên quan đến cách tạo động lực và ứng phó với áp lực?

(Học sinh điền vào cột L)

4.. Em có thể vận dụng những điều đã học vào cuộc sống như thế nào? Kế hoạch tiếp theo của em là gì để ứng phó với áp lực và tạo động lực cho bản thân?

(Học sinh điền vào cột H)

K	W	L	H
.....			
.....			
.....			

Bảng 6. Ví dụ bảng hỏi KWLH

Thông qua việc sử dụng đa dạng các dạng câu hỏi, giáo viên có thể gợi mở tư duy, củng cố kiến thức, tổng kết bài học và kiểm tra đồng thời cả kiến thức, kỹ năng lẫn thái độ của học sinh trong suốt quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Các công cụ này cũng góp phần giúp học sinh vùng nông thôn, miền núi rèn luyện khả năng giao tiếp, phát triển kỹ năng học tập tích cực và tự tin hơn trong môi trường học tập và sinh hoạt tại địa phương.

(6) Bảng kiểm

Bảng kiểm là một công cụ đánh giá đơn giản nhưng hiệu quả, được sử dụng phổ biến trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm ghi lại sự xuất hiện hoặc không xuất hiện của các hành vi, kỹ năng hoặc đặc điểm mong đợi ở học sinh. Công cụ này giúp giáo viên xác định một cách rõ ràng học sinh có thực hiện hoặc thể hiện được hành vi, kỹ năng, đặc điểm cụ thể nào đó hay không. Tuy nhiên, điểm hạn chế của bảng kiểm là không phản ánh mức độ thành thạo hay chất lượng hoàn thành của các tiêu chí được đánh giá.

Trong thực tế, bảng kiểm thường được giáo viên sử dụng để quan sát và đánh giá quá trình tham gia hoạt động hoặc sản phẩm cuối cùng của học sinh. Với danh sách tiêu chí được xác định sẵn, giáo viên dễ dàng kiểm tra xem học sinh có đạt được từng tiêu chí hay không. Bảng kiểm đặc biệt hữu ích khi giáo viên cần theo dõi sự tiến bộ, nhận diện các điểm mạnh, điểm cần khắc phục của học sinh, đồng thời có thể hỗ trợ tính toán tỷ lệ hoàn thành hoặc lượng hóa kết quả đánh giá một cách đơn giản.

Công cụ này thường được áp dụng trong các hoạt động yêu cầu thao tác cụ thể như: làm việc nhóm, thuyết trình, đóng vai, thực hành, cũng như trong việc đánh giá sản phẩm học tập do học sinh tạo ra. Bảng kiểm giúp giáo viên tập trung quan sát các hành vi, kỹ năng quan trọng, tránh bỏ sót những chi tiết cần thiết trong quá trình đánh giá.

Để xây dựng bảng kiểm hiệu quả, giáo viên cần thực hiện một số bước cơ bản. Trước tiên, giáo viên phải phân tích kỹ yêu cầu cần đạt của chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, từ đó xác định rõ các phẩm chất, năng lực học sinh cần đạt được. Tiếp theo, giáo viên sẽ chia nhỏ các nhiệm vụ hoặc sản phẩm thành các yếu tố cụ thể hơn, xác định rõ ràng các hành vi, đặc điểm cần quan sát. Cuối

cùng, giáo viên sắp xếp các tiêu chí theo trình tự logic, dễ quan sát, phù hợp với quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.

Bảng kiểm, mặc dù có cấu trúc đơn giản, nhưng lại rất phù hợp để đánh giá quá trình rèn luyện năng lực, phẩm chất, kỹ năng của học sinh vùng nông thôn, miền núi, nơi các em cần sự hỗ trợ trực quan, dễ hiểu trong quá trình học tập và tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Công cụ này giúp giáo viên nắm bắt nhanh tiến trình học tập và tạo điều kiện để học sinh tự điều chỉnh, rèn luyện một cách thuận lợi.

(7) Thang đánh giá

Thang đánh giá là một công cụ quan trọng giúp đo lường mức độ mà học sinh đạt được đối với từng tiêu chí, hành vi hoặc phẩm chất cụ thể trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Công cụ này cho phép giáo viên ghi nhận mức độ thể hiện của học sinh trên nhiều phương diện khác nhau một cách hệ thống và cụ thể, đặc biệt phù hợp với học sinh vùng nông thôn, miền núi, nơi các em cần sự hỗ trợ rõ ràng, trực quan.

Hiện nay, thang đánh giá có ba hình thức cơ bản, gồm thang dạng số, thang dạng đồ thị và thang dạng mô tả.

Thứ nhất, thang đánh giá dạng số là hình thức đơn giản, dễ sử dụng. Mỗi con số trên thang đánh giá sẽ tương ứng với một mức độ thể hiện cụ thể của học sinh. Khi đánh giá, giáo viên chỉ cần đánh dấu hoặc khoanh vào số thể hiện mức độ phù hợp. Mỗi con số có thể đi kèm với lời mô tả ngắn gọn để giúp người sử dụng dễ nhận biết mức độ đánh giá. Ví dụ, với kỹ năng làm việc nhóm, giáo viên có thể đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5, trong đó 1 là “không tham gia” và 5 là “tích cực tham gia”.

Thứ hai, thang đánh giá dạng đồ thị thể hiện mức độ thể hiện của học sinh trên một trục thẳng. Các mức độ được đánh dấu tại những vị trí cụ thể trên trục này. Giáo viên sẽ đánh dấu vào vị trí phù hợp với mức độ thể hiện của học sinh. Ví dụ, khi đánh giá mức độ tự tin khi trình bày ý tưởng, giáo viên có thể sử dụng thang đồ thị với các mức từ “rất ít” đến “rất cao”.

Thứ ba, thang đánh giá dạng mô tả là hình thức phổ biến nhất, có tính chi tiết và cụ thể cao. Mỗi tiêu chí sẽ được mô tả cụ thể ở từng mức độ, từ thấp đến cao, giúp giáo viên dễ dàng quan sát, lựa chọn mức độ phù hợp. Hình thức này đảm bảo tính khách quan, rõ ràng trong đánh giá, đặc biệt hiệu quả với học sinh vùng khó khăn.

Để thiết kế thang đánh giá hiệu quả, giáo viên cần thực hiện các bước cơ bản sau:

1. Xác định tiêu chí quan trọng cần đánh giá: Giáo viên xác định các hành vi, phẩm chất hoặc năng lực trọng tâm mà học sinh cần đạt được trong hoạt động hoặc sản phẩm cụ thể.

2. Lựa chọn hình thức thang đánh giá phù hợp: Giáo viên chọn giữa thang số, thang đồ thị hoặc thang mô tả, căn cứ vào mục tiêu đánh giá, khả năng quan sát và đặc điểm của học sinh vùng nông thôn, miền núi.
3. Quyết định số mức độ đánh giá cho mỗi tiêu chí: Thường từ 3 đến 5 mức độ để đảm bảo sự rõ ràng, dễ hiểu, không gây khó khăn trong quá trình đánh giá.
4. Mô tả chi tiết các mức độ đạt được cho từng tiêu chí: Mô tả cần cụ thể, dễ quan sát và phản ánh đúng sự khác biệt giữa các mức độ, phù hợp với khả năng tiếp cận và thực tiễn sống của học sinh nông thôn, miền núi.

Thang đánh giá giúp giáo viên không chỉ đánh giá kết quả cuối cùng mà còn theo dõi cả quá trình rèn luyện của học sinh, đồng thời hỗ trợ các em nhận biết được điểm mạnh và điểm cần khắc phục. Qua đó, học sinh có thể điều chỉnh hành vi, nâng cao năng lực và phát triển bền vững trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Đây là công cụ đặc biệt phù hợp với bối cảnh vùng khó khăn, góp phần giúp học sinh phát huy khả năng, rèn luyện kỹ năng thiết thực một cách chủ động, tự tin.

2.3.5. Hướng dẫn tổ chức đánh giá

a. Tổ chức hướng dẫn giáo viên thực hiện và phân công thiết kế công cụ đánh giá

Ở cấp trung học cơ sở, đặc biệt tại các trường vùng nông thôn, miền núi, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTNHN) có vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh hình thành những thói quen tích cực trong học tập và sinh hoạt, phát triển kỹ năng giao tiếp ứng xử văn hóa, đồng thời rèn luyện trách nhiệm cá nhân với bản thân, gia đình và cộng đồng.

Thông qua các chủ đề trải nghiệm phong phú, học sinh dần hình thành giá trị sống theo chuẩn mực xã hội, biết tổ chức công việc khoa học, rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, tự tin thích nghi với hoàn cảnh, có nhận thức ban đầu về nghề nghiệp phù hợp với địa phương, đồng thời từng bước xây dựng kế hoạch học tập và định hướng nghề nghiệp phù hợp khi kết thúc bậc học cơ bản.

Đặc biệt, với học sinh vùng nông thôn, miền núi, hoạt động này giúp các em gắn kết kiến thức, kỹ năng từ nhiều môn học với trải nghiệm thực tiễn, thông qua các hoạt động cộng đồng, hướng nghiệp và phục vụ xã hội. Tuy nhiên, HĐTNHN không tách biệt như một môn học riêng mà là hoạt động bổ trợ, gắn chặt với các mục tiêu chung của chương trình giáo dục phổ thông. Vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá HĐTNHN cần được tổ chức phù hợp, linh hoạt, đảm bảo phản ánh đúng bản chất hoạt động, đề cao sự trải nghiệm và phát triển toàn diện của học sinh.

Đánh giá HĐTNHN ở học sinh nông thôn, miền núi tập trung vào việc quan sát thái độ, hành vi, mức độ sáng tạo trước, trong và sau hoạt động, thay vì chỉ kiểm tra kiến thức. Giáo viên chú trọng nhận diện khả năng vận dụng kiến thức liên môn và kinh nghiệm sống để giải quyết vấn đề thực tiễn của học sinh.

Tự đánh giá là một hình thức quan trọng, giúp học sinh nhìn nhận sự tiến bộ của bản thân, rèn luyện tinh thần tự học, tự chủ và điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực cộng đồng.

Việc đánh giá không sử dụng điểm số cứng nhắc, mà chủ yếu bằng nhận xét, phản hồi, bảng kiểm, phiếu quan sát hay hồ sơ hoạt động, tập trung vào sự tiến bộ, hợp tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Trong một số trường hợp, điểm số có thể được sử dụng để hỗ trợ đánh giá quá trình.

Đặc biệt, tại các trường vùng nông thôn, miền núi, hoạt động đánh giá cần chú ý đến tâm lý, văn hóa, điều kiện sống và khả năng tiếp cận hoạt động của học sinh, bảo đảm công bằng, khích lệ và phát triển bền vững.

Để tổ chức đánh giá hiệu quả, nhà trường cần huy động nhiều lực lượng trong và ngoài trường. Trong trường, có giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giáo viên phụ trách Đội, Đoàn, cán bộ ký túc xá và tư vấn học đường—những người gần gũi với học sinh vùng khó khăn. Ngoài trường, có sự phối hợp của cha mẹ học sinh, cán bộ thôn bản, các đoàn thể địa phương, nghệ nhân, người lao động tại các cơ sở sản xuất địa phương.

Mỗi lực lượng có vai trò cụ thể. Tổ chuyên môn sẽ xây dựng kế hoạch đánh giá chi tiết theo từng khối lớp, xác định rõ thời gian, nội dung, phương pháp, công cụ và phân công giáo viên phù hợp.

Thời điểm đánh giá được xác định ngay từ đầu năm học, thường vào giữa kỳ, cuối kỳ, và cuối năm, kết hợp với lịch học nội trú và các hoạt động cộng đồng.

Nội dung đánh giá dựa vào chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa, có điều chỉnh phù hợp với văn hóa và năng lực của học sinh nông thôn, miền núi. Với cấp THCS, tổ chuyên môn có thể phân bổ tỉ lệ nội dung như sau:

- Hoạt động hướng vào bản thân: 40% (tập trung vào tự tin, kỹ năng tự phục vụ, tự lập trong nội trú).
- Hoạt động hướng đến xã hội: 25% (rèn luyện giao tiếp cộng đồng, hợp tác).
- Hoạt động hướng đến tự nhiên: 15%.
- Hoạt động hướng nghiệp: 20% (ưu tiên nghề gắn với địa phương).

Nội dung đánh giá ở từng thời điểm sẽ linh hoạt theo mạch hoạt động chính trong kỳ.

Giáo viên thực hiện chủ đề chịu trách nhiệm đánh giá thường xuyên, lưu hồ sơ đầy đủ, sau đó bàn giao cho giáo viên phụ trách đánh giá định kỳ. Việc đánh giá định kỳ do tổ chuyên môn phân công, ưu tiên giáo viên có kinh nghiệm hoặc hiểu rõ học sinh vùng khó khăn. Công cụ đánh giá cần dễ hiểu, rõ ràng, có thể lượng hóa, phản ánh đúng yêu cầu cần đạt, phù hợp với điều kiện học tập và đời sống của học sinh nông thôn, miền núi.

Tất cả kết quả đánh giá đều được lưu trữ đầy đủ theo từng lớp, làm căn cứ để nhận xét, hỗ trợ học sinh trong quá trình rèn luyện lâu dài.

b. Trao đổi và thảo luận trong thực hiện đánh giá định kì kết quả trải nghiệm của học sinh:

Sau khi được tổ chuyên môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phân công nhiệm vụ, giáo viên phụ trách biên soạn nội dung và công cụ đánh giá cần chủ động tổ chức trao đổi, thảo luận với các giáo viên cùng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại khối lớp, đặc biệt chú trọng tới đặc thù học sinh vùng nông thôn, miền núi, nơi điều kiện học tập còn hạn chế.

Việc thảo luận, góp ý cần tập trung vào các vấn đề trọng tâm như: Nội dung đánh giá đã phù hợp với hoàn cảnh sống, khả năng tiếp cận và năng lực thực tế của học sinh vùng khó khăn chưa? Các yêu cầu cần đạt trong chủ đề trải nghiệm đã đầy đủ, cụ thể và sát với thực tiễn chưa? Công cụ đánh giá có đảm bảo tính khả thi, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện với học sinh ở khu vực này không? Các tiêu chí đánh giá sản phẩm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ đã thực sự phù hợp với trình độ, tâm lý, vốn sống của học sinh chưa?

Dựa trên các ý kiến góp ý của giáo viên, giáo viên phụ trách sẽ điều chỉnh, hoàn thiện nội dung và công cụ đánh giá sao cho thiết thực và phù hợp. Sau khi hoàn chỉnh, bộ công cụ đánh giá sẽ được chuyển giao để giáo viên tiến hành đánh giá đúng thời điểm đã được thống nhất.

Đặc biệt, trong quá trình triển khai đánh giá, nếu có sự chênh lệch giữa kết quả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, giáo viên phụ trách đánh giá định kỳ cần phối hợp chặt chẽ với các giáo viên thực hiện đánh giá thường xuyên để rà soát, đối chiếu, đảm bảo kết quả đánh giá khách quan, công bằng và chính xác. Việc phối hợp này rất cần thiết, giúp đánh giá đúng năng lực, sự tiến bộ thực sự của học sinh vùng nông thôn, miền núi.

Về tổ chức thực hiện, sau khi bộ công cụ đánh giá được thông qua, giáo viên thực hiện các bước sau:

Bước 1: Nghiên cứu kỹ bộ công cụ và nội dung đánh giá được giao, nắm rõ các tiêu chí, phương pháp đánh giá phù hợp với đối tượng học sinh mình phụ trách. Đồng thời, giáo viên cần lường trước một số tình huống có thể phát sinh do hạn chế về điều kiện học tập và khả năng tiếp cận của học sinh vùng khó khăn, để chuẩn bị các phương án xử lý phù hợp.

Bước 2: Triển khai đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Với các công cụ như phiếu hỏi, bảng hỏi, trắc nghiệm, giáo viên cần tổ chức đánh giá đúng thời gian, bảo đảm học sinh hiểu rõ yêu cầu, thực hiện được nhiệm vụ một cách độc lập, không gây áp lực. Đối với các sản phẩm hoạt động, giáo viên thu thập đầy đủ minh chứng, áp dụng đúng tiêu chí đánh giá đã thống nhất trong tổ chuyên môn, nhận xét cụ thể và hoàn thiện phiếu đánh giá, ghi kết quả vào hồ sơ học sinh.

Toàn bộ quy trình đánh giá cần đảm bảo sự linh hoạt, bám sát thực tiễn, phù hợp với đặc điểm vùng nông thôn, miền núi. Đồng thời, quá trình đánh giá cần khuyến khích học sinh phát huy tinh thần tự tin, tự chủ, trách nhiệm, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục và phát triển toàn diện cho các em.

3. Hướng dẫn yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

3.1. Mạch nội dung của HĐTNHHN

Nội dung HĐTNHHN xoay quanh mối quan hệ giữa HS với bản thân, với môi trường xã hội, môi trường tự nhiên và thế giới nghề nghiệp. Từ các mối quan hệ này có 4 nhóm hoạt động tương ứng: Hoạt động hướng vào bản thân; Hoạt động hướng đến xã hội và Hoạt động hướng nghiệp.

Hoạt động hướng vào bản thân.

Trong nội dung hoạt động hướng vào bản thân có hai mảng chính: khám phá bản thân từ hình ảnh bên ngoài đến khả năng rèn luyện bản thân của mình và hoạt động

Hoạt động hướng đến xã hội

HĐ hướng đến xã hội gồm các hoạt động chăm sóc gia đình, xây dựng nhà trường và xây dựng cộng đồng. Với mỗi một nhóm cộng đồng xã hội, HS cần phát triển các kỹ năng quan hệ và hướng vào những đóng góp cụ thể thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động của gia đình, nhà trường và cộng đồng

Hoạt động hướng đến tự nhiên

HĐ hướng tới tự nhiên bao gồm các hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Nội dung của nhóm hoạt động này tập trung vào việc khám phá cảnh quan và thực tế môi trường từ đó khơi dậy ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên và có trách nhiệm với môi trường sống của HS học sinh

Hoạt động hướng nghiệp

Hoạt động hướng nghiệp ở THCS chia làm hai giai đoạn. Ở lớp 6 và lớp 7, hoạt động hướng nghiệp vẫn chỉ tập trung vào tìm hiểu về nghề nghiệp. Đến lớp 8 và lớp 9, bên cạnh hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp, hoạt động hướng nghiệp bắt đầu tập trung hơn vào hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp cũng hoạt động lựa chọn nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp.

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp được tổ chức dưới nhiều loại hình khác nhau, quy mô và hình thức khác nhau. Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp luôn cần có sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Có nhiều hình thức trải nghiệm dành cho học sinh có thể được thiết kế và tổ chức như:

- *Hình thức có tính khám phá*: các hình thức có tính khám phá là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm với thế giới tự nhiên, trải nghiệm thực tế cuộc sống và công việc, giúp học sinh khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh... và mang lại những cảm xúc tích cực, tình yêu quê hương đất nước... Nhóm hình thức tổ chức

này bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa, du lịch qua màn ảnh nhỏ, bài tập quan sát phát hiện, xử lý tình huống...

- *Hình thức có tính thể nghiệm, tương tác*: Các hình thức có tính thể nghiệm, tương tác là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh giao lưu và thể nghiệm ý tưởng như hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân, diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, giao lưu, hội thi, trò chơi, triển lãm, tạo sản phẩm...

- *Hình thức có tính cống hiến*: Các hình thức có tính cống hiến là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội...

- *Hình thức có tính nghiên cứu*: Các hình thức có tính nghiên cứu là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, hội thảo khoa học, báo cáo trình diễn, sáng tạo công nghệ và nghệ thuật.

3.2. Cụ thể hóa yêu cầu cần đạt phù hợp với đối tượng học sinh khu vực khó khăn cấp THCS

Lớp 6.

Chủ đề/chương	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Cụ thể yêu cầu cần đạt đối với HS khu vực nông thôn, miền núi phù hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới	Ghi chú
Khám phá bản thân	Tìm hiểu về sự thay đổi và đặc điểm cá nhân	- Nhận ra sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được những đức tính tốt của bản thân.	Học sinh nhận biết sự trưởng thành, tự tin chia sẻ các thói quen tốt như chăm chỉ, siêng năng, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, người thân trong cộng đồng.	
	Phát hiện sở thích và khả năng	- Phát hiện được sở thích, khả năng và các giá trị cá nhân khác; tự tin thể hiện sở thích, khả năng của mình.	Học sinh tự nhận ra năng khiếu cá nhân như làm nông, trồng cây, chăn nuôi, đan lát...; mạnh dạn chia sẻ sở thích gắn với nghề nghiệp địa phương, góp	

			phân phát triển kinh tế gia đình và cộng đồng.	
Hoạt động rèn luyện bản thân	Rèn luyện thói quen sinh hoạt, học tập	- Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.	Học sinh biết giữ gìn ngăn nắp, sạch sẽ góc học tập và nơi ở, biết tận dụng đồ tái chế hoặc vật liệu địa phương để trang trí góc học tập, góp phần xây dựng môi trường học tập xanh, sạch, đẹp tại địa phương.	
	Chăm sóc và điều chỉnh bản thân	- Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.	Học sinh biết tự chăm sóc bản thân trong môi trường nội trú hoặc nông thôn, điều chỉnh hành vi để hòa nhập với môi trường học tập, cộng đồng dân cư địa phương.	
	Phòng tránh thiên tai	- Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể.	Học sinh nhận biết các dấu hiệu thiên tai thường gặp ở địa phương như lũ lụt, sạt lở đất, bão; biết cách phòng tránh và bảo vệ an toàn bản thân trong môi trường vùng núi, nông thôn.	
	Quản lý tài chính cá nhân	- Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.	Học sinh biết cân nhắc chi tiêu tiết kiệm, ưu tiên các khoản chi thiết yếu như học tập, sinh hoạt hằng ngày, hỗ trợ gia đình khi cần, phù hợp với hoàn cảnh nông thôn.	

Hoạt động chăm sóc gia đình	Giao tiếp, ứng xử trong gia đình	- Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể.	Học sinh biết thăm hỏi, động viên ông bà, cha mẹ và người thân trong gia đình, nhất là khi gia đình gặp khó khăn trong sản xuất nông nghiệp hoặc thiên tai.	
	Thực hiện công việc gia đình	- Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình.	Học sinh chủ động làm các công việc phù hợp như phụ giúp nấu cơm, chăm sóc em nhỏ, chăn nuôi, dọn dẹp nhà cửa, góp phần san sẻ việc nhà với người lớn.	
	Giải quyết vấn đề trong gia đình	- Biết tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.	Học sinh biết lắng nghe, chia sẻ ý kiến khi gia đình gặp các vấn đề như khó khăn tài chính, xung đột giữa các thành viên, đồng thời chủ động đề xuất cách giúp đỡ phù hợp với hoàn cảnh địa phương.	
Hoạt động xây dựng nhà trường	Xây dựng mối quan hệ trong trường học	- Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò.	Học sinh biết chào hỏi lễ phép, chủ động giao lưu, giúp đỡ bạn bè, thầy cô; giữ tình bạn đoàn kết, thân thiện; lan tỏa tinh thần tương thân tương ái trong trường học và cộng đồng.	
	Giải quyết vấn đề trong quan hệ bạn bè	- Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè.	Học sinh biết nói lời xin lỗi, hòa giải khi có mâu thuẫn; cùng nhau trao đổi, chia sẻ để giải quyết xung đột; hỗ trợ bạn bè trong học tập và sinh hoạt.	

	Tự hào về truyền thống nhà trường	- Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường.	Học sinh biết tự hào về truyền thống tốt đẹp, tích cực giới thiệu trường với cộng đồng; tham gia các hoạt động trồng cây, làm đẹp trường lớp, góp phần xây dựng môi trường học tập xanh – sạch – đẹp, phù hợp với mục tiêu nông thôn mới.	
	Tham gia hoạt động tập thể	- Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.	Học sinh tham gia đầy đủ các hoạt động Đội, hoạt động tập thể, hội thi, các phong trào thi đua học tập, rèn luyện; tích cực trong các hoạt động gắn với đời sống cộng đồng, bảo tồn văn hóa dân tộc, xây dựng quê hương.	
Hoạt động xây dựng cộng đồng	Xây dựng mối quan hệ với cộng đồng	- Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn.	Học sinh biết chào hỏi, giao lưu với hàng xóm, bà con dân bản; sẵn sàng giúp đỡ các gia đình khó khăn như phụ giúp dọn dẹp, thăm hỏi, tặng quà; cùng cộng đồng tham gia các phong trào đoàn kết, tương trợ.	
	Ứng xử văn hóa nơi công cộng	- Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng.	Học sinh biết giữ trật tự, không gây ồn ào, xếp hàng, giữ gìn vệ sinh chung; cư xử lịch sự, nhường nhịn, đoàn kết trong các hoạt động cộng đồng như chợ phiên, lễ hội, hội làng...	

	Tham gia hoạt động thiện nguyện	- Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú.	Học sinh biết lập kế hoạch cụ thể cho các hoạt động như dọn vệ sinh làng bản, giúp đỡ các hộ nghèo, tặng đồ dùng cũ; biết kêu gọi bạn bè cùng chung tay giúp đỡ cộng đồng theo khả năng.	
	Giới thiệu truyền thống địa phương	- Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương.	Học sinh hiểu và giới thiệu được các phong tục tập quán, nghề truyền thống, lễ hội tiêu biểu của quê hương; biết tự hào và lan tỏa nét đẹp văn hóa địa phương với bạn bè và cộng đồng.	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	Khám phá cảnh quan thiên nhiên	- Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên.	Học sinh biết quan sát, nhận diện, khám phá các cảnh quan thiên nhiên quen thuộc như núi, rừng, sông suối, thác nước, ruộng nương... Thể hiện sự yêu thích qua các hoạt động tham quan, vẽ tranh, chụp ảnh, kể chuyện...	
	Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.	Học sinh biết tham gia các hoạt động thiết thực như trồng cây gây rừng, nhặt rác bảo vệ cảnh quan, giữ vệ sinh nguồn nước; không phá hoại cây cối, không săn bắt chim thú, tuyên truyền bảo vệ môi trường.	

Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	Nhận biết tác động của biến đổi khí hậu	- Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người.	Học sinh biết liên hệ tình trạng thời tiết cực đoan như nắng nóng kéo dài, lũ lụt, hạn hán... với các ảnh hưởng đến sức khỏe (ốm đau, dịch bệnh, thiếu nước sạch, thiếu lương thực...).	
	Tuyên truyền giảm thiểu biến đổi khí hậu	- Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu.	Học sinh biết tuyên truyền trong gia đình và cộng đồng các việc làm cụ thể như tiết kiệm điện, nước, trồng cây xanh, giảm rác thải nhựa, hạn chế đốt rừng, nương rẫy...	
	Bảo vệ động vật quý hiếm	- Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.	Học sinh hiểu được ý nghĩa bảo vệ động vật hoang dã, không sử dụng hoặc mua bán sản phẩm từ động vật quý hiếm (như sừng, lông, da thú, mật gấu...) và biết tuyên truyền, vận động người thân cùng thực hiện.	
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	Khám phá nghề truyền thống	- Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam.	Học sinh biết tìm hiểu các nghề truyền thống phổ biến tại địa phương như nghề dệt thổ cẩm, mây tre đan, làm gốm, nghề nông, nghề rèn, nghề làm giấy dó, nghề làm nhạc cụ dân tộc...	
	Hoạt động đặc trưng, yêu cầu nghề nghiệp	- Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các	Học sinh nhận diện được các hoạt động chính, dụng cụ lao động, trang thiết bị và yêu cầu kỹ năng cơ bản trong nghề, như: khéo léo, kiên trì, tỉ mỉ, sức khỏe	

		nghề truyền thống.	tốt... đặc biệt trong các nghề nông nghiệp, thủ công, nghề truyền thống tại địa phương.	
	Phù hợp nghề nghiệp	- Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống.	Học sinh tự nhận xét khả năng bản thân (sở thích, sức khoẻ, tính cách...) với nghề truyền thống, có thể tự đánh giá mình phù hợp với nghề nào và cần rèn thêm kỹ năng nào để phù hợp hơn.	
	An toàn lao động	- Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống.	Học sinh hiểu được những nguyên tắc an toàn cơ bản khi sử dụng các dụng cụ lao động thủ công, như dao kéo, máy móc thủ công, bếp lửa... để tránh tai nạn.	

LỚP 7

Chủ đề/chương	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Cụ thể yêu cầu cần đạt đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn phù hợp với thực tế địa phương	Ghi chú
Hoạt động khám phá bản thân	Tự nhận diện bản thân	- Nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống.	Học sinh nhận biết các điểm mạnh như chăm chỉ, siêng năng, kiên trì, thật thà, chịu khó... và các điểm hạn chế như chậm giao tiếp, ngại nói trước đám đông, kỹ năng tổ chức còn yếu... trong học tập, sinh hoạt, lao	

			động tại trường và trong gia đình.	
	Kiểm soát cảm xúc	- Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.	Học sinh tự đánh giá khả năng kiểm soát cảm xúc trong các tình huống gần gũi như mâu thuẫn với bạn bè, thất bại trong học tập, bị phê bình, va chạm khi sinh hoạt chung... Đồng thời biết nhận diện cảm xúc vui, buồn, giận dữ, lo lắng để tìm cách kiểm soát phù hợp.	
Hoạt động rèn luyện bản thân	Xây dựng thói quen tốt	- Thể hiện được thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ ở gia đình cũng như ở trường.	Học sinh có thói quen gấp chăn màn, giữ gìn đồ dùng cá nhân gọn gàng, dọn dẹp phòng học, khu nội trú, biết giữ gìn vệ sinh nhà ở, lớp học và khu vực xung quanh trường, làng bản.	
	Vượt qua khó khăn	- Biết cách vượt qua khó khăn trong một số tình huống cụ thể.	Học sinh có khả năng tìm cách giải quyết khi gặp khó khăn như thiếu thôn về điều kiện học tập, hỗ trợ việc nhà, giúp bố mẹ lao động, giải quyết mâu thuẫn với bạn bè hoặc thích nghi với môi trường học tập xa nhà.	
	Kiên trì, chăm chỉ	- Rèn luyện được tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc.	Học sinh kiên trì, chăm chỉ trong các công việc như làm việc nhóm, học tập trên lớp, lao động giúp đỡ gia đình (chăn nuôi, làm ruộng, nướng rẫy), tự giác tham gia các hoạt động trường lớp hoặc cộng đồng.	

	Bảo vệ bản thân	- Xác định được một số tình huống nguy hiểm và biết cách tự bảo vệ trong các tình huống đó.	Học sinh biết cách phòng tránh các tình huống nguy hiểm gần gũi như thiên tai (lũ lụt, sạt lở, bão gió), tai nạn giao thông khi đi học, cháy nổ hoặc tai nạn lao động trong gia đình.	
	Quản lý chi tiêu	- Biết kiểm soát các khoản chi và biết tiết kiệm tiền.	Học sinh biết ưu tiên những khoản chi cần thiết như tiền học, sách vở, dụng cụ học tập, biết tiết kiệm tiền tiêu vặt, góp quỹ lớp hoặc hỗ trợ gia đình, tránh tiêu xài lãng phí trong bối cảnh điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn.	
Hoạt động chăm sóc gia đình	Chăm sóc người thân	- Bước đầu có kỹ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm.	Học sinh biết các việc đơn giản như nấu cháo, sắc thuốc Nam, đun nước, lấy thuốc, quét dọn nhà cửa giúp người thân, hỗ trợ người thân khi ốm hoặc mệt mỏi, đặc biệt quen thuộc với các bài thuốc dân gian địa phương.	
	Lắng nghe, chia sẻ	- Thể hiện được sự lắng nghe tích cực khi tiếp nhận những ý kiến đóng góp và sự chia sẻ từ các thành viên trong gia đình.	Học sinh biết ngồi lại lắng nghe cha mẹ, ông bà, anh chị góp ý; biết bày tỏ thái độ tôn trọng, lễ phép, tiếp thu ý kiến người lớn; biết nói lời cảm ơn hoặc xin lỗi phù hợp với văn hoá vùng miền.	
	Kế hoạch lao động	- Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch	Học sinh lập kế hoạch những việc phù hợp với thực tế gia đình như dọn	

		lao động tại gia đình.	đẹp nhà cửa, nấu cơm, chăm sóc vật nuôi, làm nông (gieo hạt, chăm sóc rẫy nương), hái củi hoặc trồng rau; có thể viết hoặc trình bày đơn giản với thầy cô, bạn bè.	
	Kế hoạch chi tiêu	- Lập được kế hoạch chi tiêu cho một số sự kiện trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.	Học sinh biết lên kế hoạch chi tiêu cơ bản cho các dịp lễ, Tết, sinh nhật, đám cưới, hoặc đóng góp khi gia đình có việc chung; ưu tiên các khoản thiết yếu như đồ ăn, vật dụng cần thiết, đồ dùng học tập, với sự hỗ trợ của cha mẹ hoặc người thân.	
Hoạt động xây dựng nhà trường	Xây dựng mối quan hệ với thầy cô, bạn bè	- Phát triển được mối quan hệ hoà đồng với bạn bè, thầy cô và hài lòng về các mối quan hệ này.	Học sinh biết cư xử thân thiện, chào hỏi lễ phép, không gây xích mích; biết giúp đỡ bạn bè trong học tập và sinh hoạt, biết tôn trọng thầy cô, vui vẻ hoà đồng trong sinh hoạt nội trú hoặc tập thể.	
	Hợp tác thực hiện nhiệm vụ chung	- Hợp tác được với thầy cô, bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết được những vấn đề nảy sinh.	Học sinh biết cùng nhau thực hiện các nhiệm vụ lao động vệ sinh trường lớp, chăm sóc cây xanh, nấu ăn, dọn dẹp ký túc xá, tham gia các hoạt động cộng đồng, biết hoà giải khi xảy ra xung đột trong sinh hoạt tập thể.	
	Giới thiệu, tự hào về nhà trường	- Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường.	Học sinh biết giới thiệu về trường như truyền thống, các hoạt động tiêu biểu, thầy cô gương mẫu, môi trường học tập thân thiện; có thể kể về	

			các nét đẹp trong trường bằng lời nói, tranh vẽ hoặc video.	
	Tham gia hoạt động của Đội và nhà trường	- Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.	Học sinh tích cực tham gia các buổi sinh hoạt Đội, hội trại, các cuộc thi tìm hiểu văn hoá dân tộc, phong trào thi đua học tập, các hoạt động thiện nguyện hoặc chương trình truyền thống của nhà trường.	
Hoạt động xây dựng cộng đồng	Giao tiếp, ứng xử văn hóa	- Thể hiện được hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá khi tham gia các hoạt động trong cộng đồng.	Học sinh biết chào hỏi, lắng nghe, cư xử đúng mực với hàng xóm, người lớn tuổi, biết lễ phép, ứng xử hoà nhã khi tham gia lễ hội, phiên chợ, các hoạt động văn hóa cộng đồng địa phương.	
	Tôn trọng sự khác biệt, chống kỳ thị	- Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, không đồng tình với những hành vi kì thị về giới tính, dân tộc, địa vị xã hội.	Học sinh thể hiện sự tôn trọng với bạn bè khác dân tộc, không chê bai ngoại hình, hoàn cảnh gia đình; biết chia sẻ, hoà nhập trong các hoạt động tập thể, không kỳ thị người dân tộc khác hoặc người nghèo, người yếu thế.	
	Tham gia hoạt động thiện nguyện	- Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo và vận động người thân, bạn bè tham gia.	Học sinh biết tham gia các hoạt động như giúp đỡ người già neo đơn, quyên góp sách vở, áo ấm cho bạn khó khăn, tham gia trồng cây gây rừng, làm vệ sinh đường làng; biết kêu gọi bạn bè cùng tham gia với tinh thần tích cực.	

	Giới thiệu truyền thống địa phương	- Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình.	Học sinh biết kể chuyện, giới thiệu về phong tục tập quán, làng nghề truyền thống, lễ hội, các nhân vật lịch sử, hoặc di tích văn hóa của quê hương qua lời nói, tranh vẽ, video clip hoặc bài viết ngắn.	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	Khám phá, thể hiện cảm xúc và hiểu biết cảnh quan thiên nhiên	- Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh quan thiên nhiên.	Học sinh biết vẽ tranh, làm mô hình, chụp ảnh, viết bài cảm nhận hoặc kể chuyện về cảnh quan thiên nhiên tại địa phương như rừng đầu nguồn, suối, hồ, núi, ruộng bậc thang; thể hiện tình yêu thiên nhiên, tự hào quê hương qua các sản phẩm giản dị, gần gũi.	
	Hành động bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh	- Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan.	Học sinh biết nhặt rác, tuyên truyền giữ gìn cảnh quan sạch đẹp, không hái hoa, bẻ cành, không khắc vẽ lên di tích; biết hướng dẫn bạn bè cùng thực hiện, đồng thời có ý thức bảo vệ các địa điểm du lịch, di tích văn hóa tại địa phương.	
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	Tìm hiểu ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính	- Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất.	Học sinh nhận biết được hiệu ứng nhà kính gây ra hiện tượng nắng nóng kéo dài, hạn hán, băng tan; liên hệ với những thay đổi về thời tiết tại địa phương như mùa khô kéo dài, lũ lụt bất thường để hiểu tác động đến sản xuất nông nghiệp, đời sống.	

	Thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường và giảm hiệu ứng nhà kính	- Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau.	Học sinh biết tổ chức hoặc tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như nhặt rác, trồng cây xanh, hạn chế đốt rác, tái chế phế liệu; biết viết khẩu hiệu, vẽ tranh, làm video đơn giản, kể chuyện hoặc phát động phong trào trong lớp, trong trường về bảo vệ môi trường địa phương.	
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	Xác định nghề nghiệp địa phương	- Xác định được một số nghề hiện có ở địa phương.	Học sinh xác định được các nghề quen thuộc, gần gũi tại địa phương như trồng trọt, chăn nuôi, nghề mộc, dệt thổ cẩm, chế biến lâm sản, làm mây tre đan, chài lưới, buôn bán nhỏ, v.v.	
	Nêu công việc, công cụ lao động	- Nêu được công việc đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề ở địa phương.	Học sinh nêu được những công việc điển hình, các dụng cụ cơ bản gắn với nghề như cày, cuốc, máy xay xát, khung dệt, dao rựa, búa, rìu, nôm, vó, v.v.	
	Nêu phẩm chất, năng lực nghề nghiệp	- Nêu được những phẩm chất và năng lực cần có của người làm các nghề ở địa phương.	Học sinh nhận biết các phẩm chất như siêng năng, chăm chỉ, cần thận, khéo léo, chịu khó, có kỹ năng giao tiếp, khả năng chịu được thời tiết khắc nghiệt, v.v.	
	Đôi chiếu với bản thân	- Chỉ ra được một số phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với một số yêu	Học sinh tự đối chiếu khả năng bản thân, xác định điểm mạnh, điểm hạn chế như sức khỏe, sự khéo léo, khả năng giao tiếp, tinh thần kiên trì; nhận diện bản thân	

		cầu của một số ngành nghề ở địa phương.	có thể hoặc chưa thể làm nghề nào tại địa phương.	
	Nhận diện nguy hiểm, an toàn nghề nghiệp	- Nhận diện được những nguy hiểm có thể xảy ra và cách giữ an toàn khi làm những nghề ở địa phương.	Học sinh nhận biết được các nguy hiểm phổ biến trong nghề như tai nạn lao động, dụng cụ sắc nhọn, nắng nóng, hóa chất; biết một số biện pháp an toàn cơ bản như sử dụng đồ bảo hộ, thao tác đúng quy trình, nhờ người lớn hỗ trợ khi cần thiết.	

LỚP 8

Chủ đề/chương	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Cụ thể yêu cầu cần đạt đối với học sinh vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn	Ghi chú
Hoạt động khám phá bản thân	Nhận diện nét đặc trưng trong tính cách	- Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân.	Học sinh nhận ra các nét tính cách nổi bật của bản thân như siêng năng, nhẫn nại, thật thà, thẳng thắn, thân thiện, tiết kiệm, hoặc các tính cách ảnh hưởng bởi môi trường sống, văn hóa, hoàn cảnh gia đình.	
	Nhận diện và điều chỉnh cảm xúc	- Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều	Học sinh hiểu và nhận biết cảm xúc như lo lắng, vui mừng, buồn bã, tự ti... khi	

		chỉnh theo hướng tích cực.	gặp khó khăn, thay đổi môi trường học tập, rồi điều chỉnh cảm xúc bằng các biện pháp đơn giản như trò chuyện, vận động, suy nghĩ tích cực.	
	Nhận diện khả năng tranh biện, thương thuyết	- Nhận diện được khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân để bảo vệ quan điểm trong một số tình huống.	Học sinh tự đánh giá khả năng nói lên ý kiến cá nhân, phản biện khi thảo luận nhóm hoặc trong các tình huống hàng ngày như tranh luận về việc chia nhóm lao động, bảo vệ quan điểm trong các tình huống quen thuộc tại trường hoặc cộng đồng.	
Hoạt động rèn luyện bản thân	Xác định trách nhiệm cá nhân	- Xác định được trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh.	Học sinh nhận thức được trách nhiệm tự chăm sóc bản thân, giữ gìn sức khỏe, hoàn thành nhiệm vụ học tập, giúp đỡ gia đình và có ý thức đóng góp cho cộng đồng xung quanh như hỗ trợ lao động, giúp đỡ bạn bè, xóm làng.	

	Thực hiện cam kết, trách nhiệm	- Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra.	Học sinh thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ đã cam kết như trực nhật, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự lớp học, tham gia hoạt động tập thể tại trường hoặc trong thôn/bản, hoàn thành các nhiệm vụ lao động tại nhà hoặc địa phương.	
	Kỹ năng từ chối	- Nhận biết được những tình huống cần từ chối và thực hiện được kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể.	Học sinh biết cách từ chối khi bị rủ rê làm việc xấu, vi phạm nội quy trường, tham gia các hoạt động không phù hợp trong cộng đồng, hoặc các hành vi ảnh hưởng xấu đến bản thân như nói dối, gian lận, đua đòi.	
	Quyết định chi tiêu	- Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị, quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp.	Học sinh biết cân nhắc trong chi tiêu cá nhân, ưu tiên nhu cầu thiết yếu, hạn chế bị tác động bởi quảng cáo, cám dỗ tiêu dùng; biết tiết kiệm cho các mục tiêu quan trọng như học	

			tập, sinh hoạt gia đình.	
	Tự chủ trong các mối quan hệ	- Thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và quan hệ trên mạng xã hội.	Học sinh biết giữ vững quan điểm, hành vi đúng mực trong quan hệ với bạn bè, thầy cô, hàng xóm, cộng đồng, không a dua theo số đông; biết cư xử văn hóa trên mạng xã hội, tránh xa các thông tin tiêu cực, tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.	
Hoạt động chăm sóc gia đình	Thể hiện hành động, lời nói tích cực với gia đình	- Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng.	Học sinh biết quan tâm, thăm hỏi, chúc mừng, chia sẻ với người thân bằng các hành động thiết thực như giúp đỡ việc nhà, chăm sóc người ốm, hỗ trợ công việc sản xuất, lao động thường ngày như trồng trọt, chăn nuôi, làm đồng áng hoặc nghề thủ công tại địa phương.	
	Tôn trọng ý kiến trong gia đình, biết thuyết	- Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện	Học sinh biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến ông bà, cha mẹ, anh chị em; biết trình bày quan điểm	

	phục hợp lý	được khả năng thuyết phục.	rõ ràng, thuyết phục bằng lý lẽ phù hợp trong các vấn đề liên quan đến chi tiêu gia đình, học tập, lao động hoặc sinh hoạt chung, đảm bảo sự hòa thuận trong gia đình.	
	Sắp xếp, hoàn thành công việc trong gia đình	- Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình.	Học sinh có thói quen sắp xếp hợp lý thời gian học tập và lao động gia đình; chủ động thực hiện công việc như nấu ăn, dọn dẹp, chăm sóc vật nuôi, tham gia sản xuất nông nghiệp hoặc nghề truyền thống, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.	
	Thể hiện thói quen tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình	- Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình.	Học sinh có thói quen tiết kiệm điện, nước, lương thực, chi tiêu cá nhân; biết sử dụng lại đồ dùng còn tốt, tự tay sửa chữa hoặc tái chế đồ cũ trong gia đình, hạn chế lãng phí, phù hợp với hoàn cảnh sống còn nhiều khó khăn.	

	Lập kế hoạch kinh doanh nhỏ phù hợp với lứa tuổi	- Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi.	Học sinh có thể tự đề xuất kế hoạch kinh doanh đơn giản phù hợp với lứa tuổi và điều kiện vùng nông thôn, như bán hàng nhỏ, sản phẩm tự làm (đan lát, thêu thùa, trồng rau, làm vườn, chăn nuôi nhỏ) hoặc góp phần vào hoạt động kinh tế gia đình, đảm bảo an toàn, phù hợp khả năng và có định hướng tích cực.	
Hoạt động xây dựng nhà trường	Xây dựng và giữ gìn tình bạn	- Xây dựng được tình bạn và biết cách gìn giữ tình bạn.	Học sinh biết chủ động kết bạn, giúp đỡ bạn bè trong học tập và sinh hoạt, duy trì mối quan hệ hòa đồng, tôn trọng bạn bè từ các dân tộc khác nhau; biết giữ gìn, trân trọng tình bạn thông qua các hành động cụ thể như chia sẻ, hỗ trợ khi khó khăn, học tập cùng nhau, tránh xa các hành vi gây gổ, chia rẽ.	
	Phòng, tránh bắt	- Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học	Học sinh biết nhận diện những hành vi bắt nạt	

	nạt học đường	đường và có kỹ năng phòng, tránh bắt nạt học đường.	thường gặp trong trường học, đặc biệt trong môi trường nội trú; biết cách phản ứng phù hợp, tìm kiếm sự trợ giúp từ thầy cô, người lớn và cộng đồng; rèn kỹ năng từ chối, biết bảo vệ bản thân và bạn bè khỏi nguy cơ bắt nạt học đường, góp phần tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện.	
	Góp phần xây dựng truyền thống nhà trường	- Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường.	Học sinh tích cực tham gia các hoạt động như chăm sóc cảnh quan trường lớp, giữ gìn tài sản chung, giúp đỡ bạn mới nhập học, tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, góp phần bảo vệ, phát huy truyền thống tốt đẹp của nhà trường, gắn với nét đẹp văn hóa địa phương.	
	Tham gia hoạt động Đoàn, Đội và nhà trường	- Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,	Học sinh chủ động tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động Đoàn, Đội và hoạt động tập	

		Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh và nhà trường.	thể tại trường như các buổi sinh hoạt chi đoàn, chi đội, hoạt động vì cộng đồng, hoạt động rèn luyện kỹ năng sống, tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường... phù hợp với tình hình địa phương, góp phần rèn luyện kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm.	
Hoạt động xây dựng cộng đồng	Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn	- Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề.	Học sinh biết chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ từ thầy cô, cha mẹ, cán bộ địa phương, già làng, trưởng bản hoặc bạn bè khi gặp các vấn đề trong học tập, sinh hoạt hoặc quan hệ xã hội; biết cách trình bày khó khăn, xin lời khuyên, đồng thời biết cảm ơn, tôn trọng người giúp đỡ; rèn kỹ năng giao tiếp, xây dựng tinh thần cộng đồng gắn kết, tương trợ.	

	Lập kế hoạch và tham gia hoạt động thiện nguyện	- Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện.	Học sinh chủ động đề xuất và thực hiện các kế hoạch hoạt động thiện nguyện đơn giản, gắn với đời sống địa phương như: giúp đỡ các gia đình khó khăn, thu gom rác thải, hỗ trợ trẻ nhỏ hoặc người già neo đơn, tham gia gây quỹ học tập; biết cách lập kế hoạch cụ thể với các bước rõ ràng, phù hợp với năng lực cá nhân và điều kiện địa phương; khuyến khích vận động bạn bè, người thân cùng tham gia.	
	Tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng	- Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương.	Học sinh tích cực tham gia các hoạt động tìm hiểu, bảo tồn và quảng bá truyền thống văn hóa địa phương như: các lễ hội dân tộc, trò chơi dân gian, ngày hội văn hóa bản làng; tham gia các phong trào phát triển cộng đồng như trồng cây xanh, vệ sinh môi trường, xây dựng nông	

			thôn mới; thể hiện tinh thần tự hào, gắn bó với quê hương, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng.	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	Thiết kế sản phẩm giới thiệu cảnh quan thiên nhiên	- Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương.	Học sinh thiết kế sản phẩm đơn giản như tranh vẽ, ảnh chụp, video clip ngắn, mô hình hoặc bài giới thiệu về danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên tại địa phương (núi rừng, thác nước, hang động, suối, ruộng bậc thang...). Sản phẩm có thể kết hợp với các yếu tố văn hóa dân tộc, phong tục tập quán để tăng tính hấp dẫn, phù hợp với khả năng, điều kiện học tập và sinh hoạt của học sinh địa phương.	
	Tổ chức sự kiện giới thiệu cảnh quan và cách bảo tồn	- Tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn.	Học sinh có thể cùng bạn bè, thầy cô tổ chức các hoạt động đơn giản như buổi thuyết trình, trưng bày sản phẩm, sân khấu hóa, làm phim ngắn, kể	

			chuyện dân gian... nhằm giới thiệu về đẹp và ý nghĩa của danh lam thắng cảnh địa phương; đồng thời đề xuất các biện pháp bảo tồn như giữ vệ sinh, không xả rác, trồng cây xanh, tuyên truyền bảo vệ môi trường cho cộng đồng địa phương.	
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	Sưu tầm tài liệu và viết báo cáo về thiên tai tại địa phương	- Sưu tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm.	Học sinh sưu tầm các thông tin qua người dân, già làng, trưởng bản, cán bộ địa phương hoặc qua sách báo, tranh ảnh, clip về những thiên tai xảy ra tại địa phương như lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, bão, ngập úng... Sau đó, học sinh viết báo cáo ngắn gọn, dễ hiểu, nêu rõ thiệt hại và hậu quả thiên tai gây ra đối với đời sống dân cư, sản xuất nông nghiệp, nhà cửa, đường sá... với sự hỗ trợ của giáo viên khi cần thiết.	

	Xây dựng, thực hiện kế hoạch truyền thông về phòng chống thiên tai và giảm nhẹ rủi ro	- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.	Học sinh phối hợp cùng giáo viên, cán bộ địa phương, cha mẹ hoặc đoàn thể tại xã/bản để xây dựng các hoạt động tuyên truyền phù hợp như: vẽ tranh cổ động, làm bảng tin, tổ chức buổi trò chuyện, diễn tiểu phẩm, trình bày mô hình về cách ứng phó với thiên tai. Nội dung truyền thông chú trọng vào các biện pháp cụ thể, thiết thực, dễ áp dụng với cộng đồng dân cư tại địa phương để giảm thiểu thiệt hại.	
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	Lập danh mục nghề phổ biến trong xã hội hiện đại	- Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.	Học sinh tự tìm hiểu, tham khảo từ thầy cô, cha mẹ, người thân hoặc qua các buổi giao lưu hướng nghiệp, hội chợ nghề nghiệp để lập danh sách một số nghề phổ biến hiện nay, đặc biệt ưu tiên các nghề có thể áp dụng tại địa phương hoặc phù hợp với điều kiện vùng nông	

			thôn, miền núi như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch cộng đồng, dịch vụ sửa chữa, nghề mộc, may mặc, nghề giáo dục, y tế cộng đồng...	
	Nêu việc làm, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của nghề phổ biến	- Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.	Học sinh liệt kê công việc chính và các thiết bị, công cụ cần thiết cho từng nghề đã tìm hiểu, ưu tiên những nghề dễ quan sát hoặc có tại địa phương. Ví dụ: nghề nông nghiệp sử dụng máy làm đất, máy gặt; nghề mộc dùng cưa, bào, đục; nghề may cần máy may, bàn là... Giáo viên cần hỗ trợ giải thích rõ ràng bằng hình ảnh hoặc sản phẩm thật để học sinh dễ hiểu.	
	Nêu thách thức, phẩm chất, năng lực cần có trong nghề hiện đại	- Nêu được những thách thức, phẩm chất và năng lực cần có của người làm nghề trong xã hội hiện đại.	Học sinh nêu những khó khăn, thách thức thường gặp trong các nghề đã tìm hiểu, đồng thời xác định các phẩm chất, năng lực cần có như: siêng năng, kiên	

			trì, sức khỏe tốt, tinh thần học hỏi, khả năng giao tiếp, làm việc nhóm... Đặc biệt, giáo viên nên gắn nội dung này với điều kiện thực tế của địa phương để học sinh thấy rõ sự cần thiết và phù hợp với các nghề gắn với cộng đồng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn.	
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	Xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp	- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường.	Học sinh biết lập kế hoạch và thực hiện khảo sát các bạn trong trường về sở thích nghề nghiệp, ưu tiên khảo sát các nghề gắn với điều kiện địa phương (nông nghiệp, du lịch cộng đồng, thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống...). Giáo viên hướng dẫn các em sử dụng bảng hỏi đơn giản, dễ hiểu, có thể sử dụng hình ảnh minh họa để học sinh dễ tiếp cận, phù hợp với trình độ học sinh vùng khó khăn.	

	Rèn luyện sức khỏe, sự bền bỉ, kiên trì, chăm chỉ và tôn trọng lao động	- Rèn luyện được sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp.	Học sinh tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất, lao động sản xuất phù hợp với thực tế địa phương như: làm vườn, trồng cây, vệ sinh môi trường, hỗ trợ gia đình, cùng tham gia hoạt động cộng đồng... nhằm hình thành tinh thần bền bỉ, chăm chỉ, rèn sức khỏe và tôn trọng lao động. Nội dung được gắn với hoạt động nội trú, sinh hoạt cộng đồng để các em có cơ hội rèn luyện hằng ngày, thường xuyên.	
	Tự đánh giá việc rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp	- Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại.	Học sinh tự nhìn nhận, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân thông qua các hoạt động lao động, học tập, trải nghiệm nghề nghiệp tại trường hoặc địa phương. Các em được hướng dẫn cách ghi nhật ký rèn luyện hoặc thảo luận nhóm để tự đánh giá,	

			tập trung vào các kỹ năng cần thiết với nghề nghiệp tại địa phương như: sự kiên nhẫn, cần cù, hợp tác, khả năng giải quyết vấn đề...	
Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	Định hướng nhóm môn học trung học phổ thông gắn với hướng nghiệp	- Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp.	Học sinh biết lựa chọn nhóm môn học phù hợp với khả năng, sở thích và điều kiện gia đình, đặc biệt chú trọng các nghề nghiệp gắn với nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ du lịch địa phương, nghề truyền thống hoặc các nghề phổ thông thiết thực với điều kiện vùng nông thôn, miền núi. Giáo viên có thể tổ chức thảo luận, mô tả rõ mối liên hệ giữa nhóm môn học với nghề nghiệp cụ thể, giúp học sinh dễ hình dung.	
	Xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với định hướng	- Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.	Học sinh được hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập chi tiết theo tháng hoặc theo học kỳ, phù	

	nghề nghiệp		hợp với hướng nghề nghiệp mà bản thân quan tâm. Kế hoạch cần thể hiện rõ các môn học trọng tâm, các hoạt động rèn luyện kỹ năng hoặc các dự định trải nghiệm nghề nghiệp cụ thể, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương. Giáo viên khuyến khích học sinh viết kế hoạch theo mẫu đơn giản, dễ hiểu, có thể trình bày bằng sơ đồ hoặc bảng biểu để học sinh dễ thực hiện.	
LỚP 9				
Hoạt động khám phá bản thân	Nhận diện hành vi giao tiếp, ứng xử	- Nhận diện được điểm tích cực và điểm chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân.	Học sinh nhận ra được những hành vi giao tiếp, ứng xử phù hợp và chưa phù hợp trong các tình huống quen thuộc tại gia đình, nhà trường và cộng đồng địa phương. Các hoạt động có thể lồng ghép những tình huống gần gũi, gần với đời	

			sống thực tiễn như giao tiếp với người lớn tuổi, thầy cô, bạn bè, cán bộ thôn bản nhằm giúp các em dễ dàng liên hệ bản thân.	
	Khám phá khả năng thích nghi trong cuộc sống	- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.	Học sinh được tham gia vào các hoạt động trải nghiệm thực tiễn như chăm sóc cây trồng, làm việc nhóm, tổ chức hoạt động cộng đồng để nhận ra khả năng thích nghi của bản thân. Các tình huống cản gài gũi với đời sống vùng nông thôn, miền núi, như thích nghi với môi trường nội trú, thay đổi trường học, chuyển nhà, hay ứng xử trước khó khăn trong gia đình, địa phương. Giáo viên nên hướng dẫn nhẹ nhàng, dễ hiểu, giúp học sinh tự tin hơn khi giao tiếp và thích nghi với môi trường mới.	
	Thực hiện trách	- Thực hiện có trách nhiệm các	Học sinh thể hiện sự trách nhiệm trong các	

Hoạt động rèn luyện bản thân	nhiệm cá nhân	nhiệm vụ được giao.	nhiệm vụ hằng ngày, đặc biệt các nhiệm vụ quen thuộc như giúp đỡ gia đình, lao động tại trường, hỗ trợ hoạt động cộng đồng. Giáo viên khuyến khích học sinh tự giác hoàn thành công việc gắn với bối cảnh sinh hoạt tại địa phương, chú trọng tinh thần tự lập, tự phục vụ khi sống xa nhà hoặc học nội trú.	
	Ứng phó với căng thẳng và áp lực	- Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống.	Học sinh biết chia sẻ áp lực học tập, áp lực từ hoàn cảnh gia đình thông qua các hoạt động thảo luận, sinh hoạt tập thể hoặc chia sẻ nhóm. Các hoạt động nên lồng ghép kỹ năng giải tỏa căng thẳng bằng các phương pháp đơn giản, dễ thực hiện như viết nhật ký, tập thể dục, trò chuyện với bạn bè, thầy cô hoặc người thân trong cộng đồng.	

	Tạo động lực cá nhân	- Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động.	Học sinh biết đặt mục tiêu phù hợp với hoàn cảnh cá nhân, có thói quen tự động viên, khích lệ bản thân bằng những hành động gần gũi như ghi nhật ký, vẽ tranh, tham gia các hoạt động phong trào hoặc giúp đỡ bạn bè, người thân. Hoạt động nên gắn với các giá trị sống tích cực trong gia đình và cộng đồng địa phương.	
	Quản lý ngân sách cá nhân	- Xây dựng được ngân sách cá nhân hợp lý trong đó tính đến các khoản thu, chi, tiết kiệm, cho, tặng.	Học sinh biết lập kế hoạch quản lý tiền tiêu vặt, quà tặng hoặc thu nhập từ lao động đơn giản tại địa phương. Các bài tập nên gắn với tình huống thực tế như: đi chợ, tiết kiệm tiền học, đóng góp các hoạt động cộng đồng, giúp học sinh hiểu được giá trị đồng tiền và ý nghĩa của chi tiêu hợp lý, tiết kiệm và chia sẻ với người khác trong	

			hoàn cảnh khó khăn.	
Hoạt động chăm sóc gia đình	Xây dựng không khí gia đình	- Tạo được bầu không khí vui vẻ, yêu thương trong gia đình, cùng các thành viên xây dựng gia đình hạnh phúc.	Học sinh biết quan tâm, động viên, sẻ chia với người thân thông qua lời nói, hành động phù hợp với truyền thống, văn hóa địa phương. Khuyến khích các em tham gia các hoạt động gắn kết như nấu ăn, dọn dẹp, cùng cha mẹ làm nông nghiệp, tham gia lễ hội gia đình, góp phần vun đắp tình cảm và sự yêu thương trong gia đình.	
	Giải quyết bất đồng trong gia đình	- Biết giải quyết bất đồng trong quan hệ giữa bản thân với các thành viên trong gia đình hoặc giữa các thành viên.	Học sinh biết lắng nghe, chia sẻ, lựa chọn cách ứng xử ôn hòa khi xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Giáo viên nên tổ chức các tình huống giả định gắn với thực tế vùng nông thôn, miền núi như bất đồng trong phân chia công việc, chi tiêu gia đình, để các em rèn luyện kỹ năng hòa giải, cảm thông.	

	Tổ chức công việc trong gia đình	- Tổ chức, sắp xếp được các công việc trong gia đình một cách khoa học.	Học sinh rèn luyện thói quen lên kế hoạch công việc trong gia đình như: dọn dẹp nhà cửa, phụ giúp nấu ăn, chăm sóc người già, trông em... Giáo viên nên hướng dẫn học sinh cách lập kế hoạch tuần/ tháng, đảm bảo công bằng trong phân công nhiệm vụ giữa các thành viên gia đình.	
	Đề xuất biện pháp phát triển kinh tế gia đình	- Đề xuất được một số biện pháp phát triển kinh tế gia đình.	Học sinh đưa ra các ý tưởng đơn giản, gắn với điều kiện thực tế như: trồng rau, chăn nuôi, làm đồ thủ công, bán hàng nhỏ tại địa phương, giúp bố mẹ sản xuất nông nghiệp, tham gia chợ phiên... Hoạt động hướng tới việc khuyến khích học sinh quan tâm tới việc lao động sản xuất và phát triển kinh tế gia đình bền vững, phù hợp vùng nông thôn, miền núi.	

Hoạt động xây dựng nhà trường	Xây dựng mối quan hệ tích cực, phòng chống bạo lực học đường, lao động công ích và gìn giữ truyền thống nhà trường	– Tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với bạn bè, thầy cô.– Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường; tham gia thực hiện và đánh giá được hiệu quả của hoạt động này.– Xác định được mục tiêu và xây dựng được kế hoạch cho các buổi lao động công ích ở trường.– Làm được các sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường.– Tham gia các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	– Có thái độ hoà nhã, đoàn kết, biết giúp đỡ bạn bè có hoàn cảnh khó khăn, hiểu và tôn trọng sự khác biệt về ngôn ngữ, tập quán giữa các dân tộc trong trường.– Lên ý tưởng các hoạt động phòng chống bắt nạt phù hợp với hoàn cảnh vùng nông thôn, miền núi; có thể là các buổi tuyên truyền, kể chuyện hoặc tiểu phẩm dễ hiểu, gần gũi.– Chủ động tham gia lao động công ích như trồng cây, làm sạch khuôn viên trường, sửa sang lại khu nội trú, thực hiện những việc đơn giản, khả thi.– Thực hiện các sản phẩm như tranh vẽ, bài thuyết trình, mô hình gắn với truyền thống nhà trường hoặc văn hóa dân tộc địa phương.– Tham gia tích cực các hoạt động Đoàn,	Có thể lồng ghép với hoạt động ngoại khoá, sinh hoạt Đoàn - Đội hoặc các ngày lễ truyền thống địa phương.
--------------------------------------	---	--	--	--

			Đội gắn với đời sống học sinh miền núi như văn nghệ, thể thao, ngày hội văn hoá dân tộc.	
Hoạt động xây dựng cộng đồng	Xây dựng quan hệ cộng đồng, truyền thông về các vấn đề học đường, giao tiếp mạng xã hội và tham gia hoạt động cộng đồng	– Biết cách xây dựng mạng lưới quan hệ cộng đồng.– Thực hiện được đề tài khảo sát về thực trạng giao tiếp của học sinh trên mạng xã hội.– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về những vấn đề học đường.– Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương.	– Chủ động giao lưu, kết nối với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi để học hỏi và tham gia hoạt động cộng đồng.– Thực hiện khảo sát đơn giản, phù hợp với điều kiện vùng miền về việc sử dụng mạng xã hội trong trường học, có thể thực hiện qua phỏng vấn trực tiếp, bảng hỏi giấy.– Lập kế hoạch truyền thông phù hợp, ưu tiên các hình thức truyền thống như loa phát thanh xã, pano, vẽ tranh cổ động hoặc kể chuyện trực tiếp để truyền tải vấn đề học đường dễ hiểu.– Tham gia đầy đủ các hoạt động cộng đồng	Nên ưu tiên các hình thức truyền thông, khảo sát, hoạt động gần gũi, đơn giản, phù hợp điều kiện thực tế của học sinh miền núi, vùng khó khăn.

			như vệ sinh môi trường, hoạt động thiện nguyện, lễ hội truyền thống, các hoạt động văn nghệ dân gian nhằm gắn kết với cộng đồng địa phương.	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	Thiết kế sản phẩm thể hiện vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, xây dựng kế hoạch quảng bá di tích, danh lam thắng cảnh	– Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước.– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của đất nước.	– Thiết kế sản phẩm đơn giản như tranh vẽ, sưu tầm hình ảnh, video ngắn, bài thuyết trình về cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh tại địa phương (đồi núi, suối thác, rừng phòng hộ, ruộng bậc thang, chợ phiên vùng cao...).– Ưu tiên các hình thức sản phẩm gắn với thực tế địa phương như tranh vẽ tay, mô hình, thuyết trình bằng lời hoặc kể chuyện dân gian về các địa danh nổi bật.– Kế hoạch quảng bá có thể thực hiện qua các hình thức truyền thống như triển lãm tranh ảnh tại trường, tổ	Nên ưu tiên hoạt động trải nghiệm gần gũi, dễ thực hiện, gắn với thực tiễn địa phương, chú trọng di sản thiên nhiên, văn hóa bản địa.

			chức hội thi tìm hiểu về cảnh quan thiên nhiên, kể chuyện dân gian hoặc giao lưu với cộng đồng địa phương để giới thiệu các danh thắng.	
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	Khảo sát, tuyên truyền phòng chống ô nhiễm môi trường	– Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) tại địa bàn sinh sống.– - Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.	– Khảo sát tình hình ô nhiễm môi trường tại địa phương qua các hoạt động đơn giản như: quan sát thực tế, phỏng vấn người dân, chụp ảnh, ghi chép lại các khu vực có dấu hiệu ô nhiễm (bãi rác tự phát, nguồn nước ô nhiễm, khí thải từ bếp đun, đốt rừng, đốt rơm rạ...). – Tham gia các buổi tuyên truyền thông qua hoạt động tại trường hoặc các cuộc họp thôn, xã; có thể thực hiện bằng hình thức kể chuyện, kịch ngắn, tranh cổ động, khẩu hiệu, pano áp phích đơn giản nhằm kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường, giữ	Ưu tiên các hoạt động thực tiễn, dễ làm, gần gũi với đời sống, dễ triển khai trong điều kiện học sinh vùng khó khăn.

			gìn vệ sinh nơi ở, trồng cây xanh, không xả rác bừa bãi.	
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	Tìm hiểu nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp cá nhân	– Kể tên được những nghề mà mình quan tâm.– Nêu được hoạt động đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động của những nghề mà mình quan tâm.– Nêu được những phẩm chất và năng lực cần có của người làm những nghề mà mình quan tâm.– Nhận diện được những nguy hiểm có thể có và cách giữ an toàn khi làm những nghề mà mình quan tâm.	– Kể tên được các nghề phổ biến tại địa phương như: làm nông, chăn nuôi, thợ mộc, đan lát, làm nón, nghề rèn, thợ xây, thợ may, nghề dệt vải, lái xe, buôn bán nhỏ...– Mô tả đơn giản hoạt động, công cụ, dụng cụ lao động (ví dụ: cày, cuốc, máy bơm nước trong nông nghiệp; kim chỉ, máy khâu trong nghề may...).– Nhận diện rõ các phẩm chất như: siêng năng, kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực, sức khỏe tốt và tinh thần trách nhiệm trong công việc.– Nêu được những nguy hiểm khi làm nghề như: tai nạn lao động, tiếp xúc hóa chất, nguy cơ cháy nổ và biết một số biện pháp phòng tránh cơ bản.	Ưu tiên nghề gắn với điều kiện địa phương, đơn giản, dễ thực hiện, gần gũi với đời sống.

Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	Rèn luyện phẩm chất, năng lực gắn với định hướng nghề nghiệp	– Đánh giá và rèn luyện phẩm chất và năng lực liên quan đến nghề mình quan tâm.– Thực hiện được kế hoạch phát triển bản thân để đạt được yêu cầu của định hướng nghề nghiệp.– Tự đánh giá được hiệu quả của việc rèn luyện phẩm chất và năng lực cần có của người lao động.	– Xác định và rèn luyện những phẩm chất như: chăm chỉ, kiên trì, trung thực, trách nhiệm, cẩn thận, gắn với nghề phổ biến tại địa phương như: nông nghiệp, chăn nuôi, nghề mộc, nghề thủ công.– Lập kế hoạch rèn luyện đơn giản, dễ thực hiện như: học nghề từ người lớn, tham gia các hoạt động lao động ở trường hoặc trong gia đình, tập luyện sức khỏe, học các kỹ năng giao tiếp cơ bản.– Tự đánh giá quá trình rèn luyện bằng các hình thức phù hợp như: viết nhật ký, báo cáo miệng, tham gia các buổi chia sẻ tại lớp.	Chú trọng thực hành, gắn với nghề gần gũi, quen thuộc với địa phương; ưu tiên kế hoạch đơn giản, khả thi, dễ áp dụng.
Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	Tìm hiểu thông tin giáo dục nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch học tập,	– Tìm hiểu được hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề của trung ương và địa phương.– Tham vấn được ý kiến của người	– Tìm hiểu các trường nghề, trung cấp, trung học phổ thông phù hợp với điều kiện gia đình, năng lực học tập, vị trí địa lý; chú ý các trường gần	Ưu tiên hướng học tập thực tế, dễ tiếp cận với học sinh vùng khó khăn; hỗ trợ định hướng nghề

	nghề nghiệp	thân, thầy cô về con đường tiếp theo sau trung học cơ sở.– Ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc sau trung học cơ sở.	nơi cư trú hoặc có chính sách hỗ trợ học sinh vùng khó khăn.– Chủ động hỏi ý kiến phụ huynh, thầy cô, cán bộ địa phương hoặc các anh chị đi trước để hiểu thêm về nghề nghiệp, việc học, kinh phí, cơ hội việc làm.– Ra quyết định chọn hướng học tiếp hoặc đi học nghề phù hợp với năng lực, hoàn cảnh và điều kiện kinh tế gia đình; cân nhắc kỹ chi phí học tập và sinh hoạt.	gắn với điều kiện địa phương.
--	--------------------	---	---	--------------------------------------

PHẦN II. KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ MINH HỌA

CHỦ ĐỀ: TỰ TẠO ĐỘNG LỰC VÀ ỨNG PHÓ VỚI ÁP LỰC TRONG CUỘC SỐNG

I. Mục tiêu

1. Yêu cầu cần đạt:

- Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống trong cuộc sống.
- Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống.
- Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động

2. Năng lực phẩm chất

2.1.1. Năng lực đặc thù

- Nhận ra được khả năng thích nghi của bản thân khi đối mặt với những thay đổi trong cuộc sống.
- Xác định được những yếu tố, tình huống có thể gây áp lực đối với bản thân và cách ứng phó phù hợp.
- Tự tin thực hiện các phương pháp tạo động lực cá nhân trong học tập và cuộc sống.

2.1.2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự điều chỉnh hành vi, cảm xúc trong các tình huống áp lực.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ, tìm kiếm sự hỗ trợ từ người thân, bạn bè, thầy cô khi cần thiết.

2.3. Về phẩm chất:

- Có ý thức rèn luyện bản thân, hình thành tinh thần tự giác, tích cực trong học tập và rèn luyện.
- Thể hiện sự trách nhiệm, kiên trì vượt qua khó khăn, áp lực trong cuộc sống.
- Có thái độ tôn trọng bản thân và những người xung quanh trong quá trình ứng phó với áp lực và tạo động lực cá nhân.

II. Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu theo hoạt động đơn giản, dễ điền, dễ hiểu, in khổ giấy A4.
- Các tranh ảnh minh họa, clip ngắn về các tình huống áp lực quen thuộc tại địa phương (nếu có thể).

- Các mẫu sẵn như: bảng động lực cá nhân, kế hoạch cá nhân, nhật ký trải nghiệm đơn giản.
- Các công cụ đánh giá như bảng kiểm, phiếu nhận xét được thiết kế dễ hiểu, trực quan.
- Các câu chuyện thực tế, ví dụ dễ hiểu từ cộng đồng, làng bản, người lao động địa phương để học sinh dễ liên hệ.
- Tài liệu có thể được in hoặc chiếu từ thiết bị sẵn có của trường.

2. Chuẩn bị của HS

- Khuyến khích học sinh chuẩn bị tâm lý cởi mở, sẵn sàng chia sẻ về bản thân trong giới hạn an toàn.
- Thực hiện nội quy lớp học về hợp tác, lắng nghe trong quá trình thảo luận.
- Ghi chép lại những điều bản thân cảm thấy áp lực trong học tập, gia đình, sinh hoạt hằng ngày (bằng cách viết hoặc vẽ tranh đơn giản).
- Thu thập những hình ảnh hoặc câu chuyện từ gia đình, địa phương về các cách vượt khó, vươn lên trong học tập hoặc lao động (nếu có).
- Vở ghi chép, bút viết, giấy trắng, giấy màu (nếu có điều kiện).
- Sưu tầm tranh ảnh cũ, báo cũ để minh họa bài thuyết trình hoặc bảng kế hoạch.

III. Tổ chức các hoạt động

A. Hoạt động tìm hiểu nội dung, phương pháp, hình thức trải nghiệm (1 tiết)

Hoạt động 1: Giới thiệu chủ đề, phương pháp và yêu cầu sản phẩm (Thời lượng: 1 tiết)

a. Mục tiêu hoạt động:

Giúp học sinh nắm được mục tiêu chung của chủ đề:

- Khám phá khả năng thích nghi trước thay đổi.
- Ứng phó với căng thẳng, áp lực học tập, cuộc sống.
- Biết tạo động lực cho bản thân.

Hiểu rõ phương pháp, hình thức triển khai hoạt động trải nghiệm (thảo luận nhóm, diễn vai, chia sẻ cảm xúc, lập kế hoạch...).

Xác định sản phẩm cần hoàn thành: nhật ký cảm xúc, phiếu phân tích tình huống, kế hoạch tạo động lực, thuyết trình...

b. Nội dung hoạt động:

Giáo viên giới thiệu:

- Tên chủ đề và các yêu cầu cần đạt.
- Các phương pháp thực hiện (trải nghiệm – phản hồi – hợp tác nhóm – ghi chép cảm xúc – phản ánh cá nhân).
- Hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện học tập tại nông thôn, miền núi.

Đưa ra một số tình huống thực tiễn gần gũi học sinh như:

- “Em phải dậy sớm nấu cơm rồi mới đi học”

- “Em bị bạn chê vì mặc đồ cũ”
- “Em không có điện thoại để học trực tuyến như các bạn”

c. Dự kiến sản phẩm:

Phiếu ghi nhận nội dung trọng tâm của chủ đề (do HS hoàn thành sau thảo luận nhóm)

Ghi chú ngắn các hình thức thực hiện hoạt động (vẽ sơ đồ, ghi tóm tắt, mô hình tư duy).

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên khởi động bằng câu hỏi gần gũi:

- “Em đã bao giờ cảm thấy căng thẳng vì học tập chưa?”
- “Lúc mệt mỏi, em thường làm gì để thấy khá hơn?”

Giới thiệu chủ đề và yêu cầu cần đạt, kết nối với đời sống thực tế của học sinh nông thôn, miền núi.

Hướng dẫn HS ghi phiếu nội dung trọng tâm chủ đề.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh chia nhóm (3–4 em), cùng đọc nội dung chủ đề.

Ghi lại ý chính về mục tiêu, phương pháp, yêu cầu sản phẩm.

Thảo luận các từ khóa: “áp lực học tập”, “tạo động lực”, “thay đổi tình huống”.

Bước 3. Báo cáo kết quả

Đại diện từng nhóm trình bày bằng sơ đồ tư duy / bảng tổng hợp các nội dung.

Một số em chia sẻ cảm nghĩ khi nghe về chủ đề (“Em từng bị áp lực khi...”, “Em nghĩ sẽ học được cách vượt qua khi...”)

Bước 4. Đánh giá kết quả

Giáo viên hỏi – đáp ngắn để kiểm tra mức độ hiểu bài.

Phát phiếu khảo sát nhanh (3 câu hỏi trắc nghiệm + 1 câu mở) để thu nhận phản hồi.

Gợi ý mở rộng: Giáo viên đưa hình ảnh tình huống minh họa hoặc kể một câu chuyện thực tế, để tăng tính gắn kết với cuộc sống vùng khó khăn (VD: học sinh phải giúp cha mẹ làm nương rẫy trước giờ học).

B. Khám phá - Nhận diện vấn đề (3 tiết)

Hoạt động 2: Phân tích tình huống thực tế về áp lực và động lực

a. Mục tiêu hoạt động:

Giúp học sinh:

Nhận diện các tình huống gây áp lực trong học tập và cuộc sống.

Nhận thức được mức độ thích nghi của bản thân trước thay đổi (chuyển cấp, học xa nhà, thiếu thiết bị học tập, học trực tuyến...).

Hiểu khái niệm và tầm quan trọng của động lực nội sinh, từ đó biết cách tạo động lực học tập cho chính mình.

b. Nội dung hoạt động:

Giáo viên cung cấp một số tình huống thực tế, gần gũi với học sinh vùng nông thôn, miền núi, ví dụ:

- Áp lực vì cha mẹ kỳ vọng cao.
- Lo lắng khi không có thiết bị học tập tốt (thiếu điện thoại, máy tính).
- Mất bình tĩnh khi nói trước đám đông.
- Cảm giác chán nản khi kết quả học tập không tiến bộ dù đã cố gắng.

Học sinh sẽ:

- Phân tích nguyên nhân – biểu hiện – hậu quả của các tình huống.
- Nhận diện được nguồn áp lực đến từ bản thân – gia đình – nhà trường – môi trường xã hội.

Liên hệ với bản thân: tình huống tương tự đã trải qua, phản ứng, kết quả ra sao.

c. Dự kiến sản phẩm:

Phiếu phân tích tình huống (in sẵn theo mẫu).

PHIẾU PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG

Họ và tên nhóm/ cá nhân:.....

Tên tình huống:.....

1. Mô tả ngắn gọn tình huống

(Em hoặc nhóm em đang phân tích tình huống gì? Tình huống đó xảy ra ở đâu, khi nào?)

.....

2. Ai là người trong tình huống?

☐ Bản thân em

☐ Bạn học

☐ Người thân

☐ Khác (ghi rõ):.....

3. Nguyên nhân gây ra áp lực trong tình huống này là gì?

•

•

4. Biểu hiện của người trong tình huống khi bị áp lực?

☐ Căng thẳng, khó chịu

☐ Mất tập trung học tập

☐ Tránh né, im lặng

☐ Nổi nóng, giận dữ

☐ Khác:.....

5. Hành động/Phản ứng đã xảy ra trong tình huống

.....

.....

6. Kết quả của tình huống đó là gì?

☐ Tình hình được cải thiện

☐ Không thay đổi gì

☐ Gây ra hậu quả xấu hơn

☐ Khác:.....

7. Nếu là em trong tình huống đó, em sẽ làm gì?

.....

.....

8. Em học được điều gì từ tình huống này?

.....

.....

Bản ghi chú cảm xúc cá nhân khi đối diện tình huống áp lực.

BẢN GHI CHÚ CẢM XÚC CÁ NHÂN

Chủ đề: Tự tạo động lực và ứng phó với áp lực trong cuộc sống

Họ và tên học sinh:

Lớp: Ngày ghi chú:/...../20....

1. Tình huống cụ thể gây áp lực cho em:

(Ví dụ: áp lực thi học kỳ, bị bạn bè hiểu lầm, cha mẹ kỳ vọng cao, sống xa nhà khi học nội trú...)

.....
.....

2. Cảm xúc của em khi đối diện tình huống đó:

(Chọn hoặc ghi thêm cảm xúc phù hợp)

- ☐ Lo lắng
- ☐ Buồn bã
- ☐ Tức giận
- ☐ Cô đơn
- ☐ Bối rối
- ☐ Mất bình tĩnh
- ☐ Khác:

3. Em đã phản ứng như thế nào?

- ☐ Im lặng, giấu trong lòng
- ☐ Khóc hoặc bỏ ăn
- ☐ Tìm người thân/ bạn bè để chia sẻ
- ☐ Tập trung vào việc khác để quên đi
- ☐ Tìm cách giải quyết vấn đề
- ☐ Khác:

4. Ai hoặc điều gì đã giúp em vượt qua áp lực đó?

- ☐ Cha mẹ
- ☐ Thầy cô
- ☐ Bạn bè
- ☐ Lời khuyên từ người lớn trong thôn/bản
- ☐ Những câu chuyện, bài học truyền cảm hứng
- ☐ Suy nghĩ tích cực của bản thân
- ☐ Khác:

5. Sau trải nghiệm, em học được điều gì?

.....
.....

6. Em sẽ làm gì khác nếu gặp lại tình huống tương tự?

.....
.....

\ Ghi nhận các giải pháp ứng phó/động viên bản thân rút ra sau thảo luận nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên chia lớp thành nhóm 4–6 học sinh.

Phát cho mỗi nhóm 1 tình huống cụ thể về áp lực học tập/sống (được viết rõ ràng, sinh động, sử dụng ngữ cảnh quen thuộc: học sinh dân tộc, nội trú, thiếu điều kiện học tập...).

Nêu yêu cầu:

- ✓ Phân tích tình huống (theo mẫu 5W1H hoặc bảng: nguyên nhân – biểu hiện – hậu quả – cách ứng phó).
- ✓ Liên hệ với bản thân để rút ra bài học.
- ✓ Trình bày kết quả thảo luận bằng sơ đồ, tranh vẽ, ghi chú lớn (tùy điều kiện).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm tự phân công người đọc, ghi, phân tích, trình bày.

Giáo viên quan sát, hỗ trợ nhóm yếu (đặc biệt nhóm có học sinh ngại phát biểu...).

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Đại diện nhóm lên trình bày tình huống và phân tích.

Các nhóm khác đặt câu hỏi phản biện/góp ý.

Giáo viên chốt lại từng tình huống: phân tích đúng – thiếu – sai ở đâu.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

Đánh giá sản phẩm nhóm qua bảng tiêu chí: rõ tình huống, nguyên nhân hợp lý, phản ứng thực tế, giải pháp khả thi.

Cá nhân viết một đoạn phản tư ngắn: tình huống áp lực em từng trải qua – phản ứng của em – em học được gì từ hoạt động này.

C. Thực hành - Trải nghiệm (8 tiết)

Hoạt động 3 (4 tiết): Thực hành ứng phó với áp lực - “Đổi mặt áp lực”

a. Mục tiêu hoạt động:

- Học sinh rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc khi đối diện áp lực.
- Học sinh biết lựa chọn cách ứng phó phù hợp trong các tình huống áp lực thường gặp.
- Học sinh có cơ hội thể hiện thái độ tích cực và biết tự động viên bản thân.

b. Nội dung hoạt động:

Học sinh thực hành xử lý tình huống qua đóng vai và thảo luận nhóm với các tình huống gần gũi:

- Áp lực khi bị điểm kém trong bài kiểm tra.
- Lo lắng vì không có điều kiện học thêm, học trực tuyến hạn chế.
- Áp lực khi phải làm việc nhà nhiều, ít thời gian học.
- Bị hiểu lầm với bạn bè/thầy cô.

Thảo luận các chiến lược ứng phó phù hợp: điều chỉnh suy nghĩ, tìm người hỗ trợ, sắp xếp thời gian.

c. Dự kiến sản phẩm của học sinh:

- ✓ Phiếu phân tích tình huống (đã phát mẫu).

PHIẾU PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG

Họ và tên:
 Lớp:
 Ngày:
Tên tình huống:
(Ví dụ: “Em không có điện thoại để học trực tuyến”, “Phải dậy sớm nấu cơm rồi mới đi học”, “Bạn bè chê vì mặc đồ cũ”)

1. Miêu tả tình huống
 (Tình huống xảy ra khi nào? Ở đâu? Với ai?)

2. Cảm xúc của em khi gặp tình huống này
 (Em cảm thấy thế nào? Gạch chân hoặc đánh dấu vào ô phù hợp)
☐ Buồn
☐ Lo lắng
☐ Tức giận
☐ Ngại ngùng
☐ Tự ti
☐ Khác:

3. Phản ứng của em lúc đó
 (Em đã làm gì? Nói gì? Có thái độ ra sao?)

4. Kết quả xảy ra sau phản ứng đó
 (Tình huống có thay đổi không? Tốt lên hay xấu đi?)

5. Em học được điều gì từ tình huống này?

6. Nếu gặp lại tình huống tương tự, em sẽ làm gì khác?

✓ Bản ghi chú cảm xúc cá nhân khi đối mặt với tình huống áp lực.

MẪU PHIẾU GHI CẢM XÚC CÁ NHÂN

Tên học sinh: Lớp:
 Thời điểm xảy ra tình huống:

Tình huống xảy ra	Cảm xúc em trải qua	Biểu hiện cụ thể của cảm xúc đó	Mức độ cảm xúc (1-5)
(Ví dụ: Bạn bè chê em mặc đồ cũ)	Buồn, tủi thân	Cảm thấy không muốn đến lớp	4
(Ví dụ: Không có điện thoại học online)	Lo lắng, hụt hẫng	Ngồi yên trong lớp, không phát biểu	3
.....			
...	...	...	...

- ✓ Ghi nhận giải pháp ứng phó/động viên bản thân sau thảo luận nhóm.
- ✓ Nhật ký trải nghiệm về cách các em đã ứng phó hoặc sẽ thử áp dụng.
- ✓ Bản kế hoạch tạo động lực cá nhân

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên phát phiếu tình huống cụ thể, gần gũi với học sinh vùng khó khăn (ví dụ: “Em không có điện thoại để học trực tuyến”, “Phải dậy sớm nấu cơm rồi mới đi học”, “Bạn bè chê vì mặc đồ cũ”...).

Tình huống cụ thể để học sinh phân tích và thực hành ứng phó	
1. Em không có điện thoại để học trực tuyến	<i>Tình huống:</i> Trong khi các bạn học online qua điện thoại hoặc máy tính bảng, em chỉ có thể mượn máy của người thân vào giờ muộn hoặc không có thiết bị nào cả. <i>Áp lực cảm nhận:</i> Lo lắng bị tụt lại phía sau, mặc cảm với bạn bè, căng thẳng khi không hoàn thành bài.
2. Phải dậy sớm nấu cơm rồi mới đi học	<i>Tình huống:</i> Em là con cả trong gia đình nên mỗi sáng phải dậy từ 5h để nhóm bếp, nấu cơm, chăm em nhỏ trước khi đến trường. <i>Áp lực cảm nhận:</i> Mệt mỏi, thiếu ngủ, khó tập trung khi đến lớp.
3. Bạn bè chê vì mặc đồ cũ	<i>Tình huống:</i> Em thường mặc lại đồng phục cũ của anh/chị hoặc chỉ có vài bộ quần áo đi học, nên bị trêu chọc, chê cười. <i>Áp lực cảm nhận:</i> Tự ti, ngại giao tiếp, sợ bị cô lập.
4. Gia đình muốn em nghỉ học để đi làm phụ giúp kinh tế	<i>Tình huống:</i> Vì nhà khó khăn, bố mẹ muốn em nghỉ học sau lớp 9 để đi làm thuê ở xa, không muốn cho học tiếp lên THPT. <i>Áp lực cảm nhận:</i> Lưỡng lự giữa trách nhiệm với gia đình và mong muốn tiếp tục học tập.
5. Phải đi bộ đường xa đến trường, mùa mưa lầy lội	<i>Tình huống:</i> Mỗi ngày em đi bộ 5-7km đến trường, đường trơn trượt vào mùa mưa nên thường đến muộn hoặc bị ướt. <i>Áp lực cảm nhận:</i> Mệt mỏi, dễ nản chí, ngại đến lớp.
6. Không hiểu bài nhưng ngại hỏi thầy cô	<i>Tình huống:</i> Vì kỹ năng diễn đạt chưa tốt hoặc ngại vì phát âm tiếng Kinh chưa chuẩn, em không dám hỏi lại bài khi không hiểu. <i>Áp lực cảm nhận:</i> Lo lắng, mất tự tin, bị tụt hậu trong học tập.

Hướng dẫn học sinh sử dụng mẫu phiếu ghi cảm xúc và phiếu ghi giải pháp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

Giáo viên chia học sinh theo nhóm 3–5 em.

Đọc tình huống, cùng nhau đóng vai thể hiện cách ứng phó.

Thảo luận nhóm để tìm ra cách kiểm soát cảm xúc và giải pháp tích cực, ghi nhận lại.

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận:

Mỗi nhóm trình bày kết quả, nêu cách xử lý áp lực, cảm xúc cá nhân và giải pháp đã chọn.

Các nhóm khác nhận xét bổ sung, giáo viên dẫn dắt đánh giá hiệu quả giải pháp.

Bước 4. Đánh giá kết quả:

Học sinh tự điền phiếu tự nhận xét (cảm xúc – cách ứng phó – mong muốn cải thiện).

Giáo viên nhận xét theo tiêu chí: sự phù hợp – sáng tạo – thái độ tích cực – khả năng ứng dụng.

Có thể cho học sinh đánh giá chéo, góp ý nhau qua mẫu đơn giản (3 điều bạn làm tốt – 1 điều có thể cải thiện).

Hoạt động 4 (4 tiết): Lập kế hoạch tạo động lực cá nhân

a. Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động nhằm giúp học sinh biết cách lập kế hoạch cá nhân cụ thể, xác định mục tiêu phù hợp với bản thân trong học tập, rèn luyện hoặc cuộc sống. Học sinh sẽ học cách phân tích các yếu tố giúp tạo động lực, đồng thời đưa ra giải pháp và lộ trình hành động rõ ràng, khả thi. Qua đó, học sinh hình thành thói quen tự giác, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng tự chủ, giải quyết vấn đề.

b. Nội dung hoạt động:

HS tự đánh giá lại bản thân, xác định rõ mục tiêu mà mình muốn đạt được trong học tập hoặc cuộc sống và phân tích các yếu tố giúp bản thân duy trì động lực như: người truyền cảm hứng, thói quen tích cực, môi trường học tập hiệu quả hoặc sự hỗ trợ từ bạn bè, thầy cô.

HS lập một bản kế hoạch hành động chi tiết, gồm các phần: mục tiêu cụ thể, giải pháp tạo động lực, tiến trình thực hiện, người hỗ trợ (nếu cần) và cam kết thực hiện kế hoạch.

c. Dự kiến sản phẩm của học sinh:

Mỗi học sinh sẽ hoàn thành **bản kế hoạch hành động “Tạo động lực cá nhân”** gồm:

- Mục tiêu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với bản thân.
- Các biện pháp, giải pháp tạo động lực cá nhân thiết thực, khả thi.
- Kế hoạch thực hiện chi tiết về thời gian, tiến trình.
- Cam kết cá nhân về việc thực hiện kế hoạch.

BẢN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG “TẠO ĐỘNG LỰC CÁ NHÂN”

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Thời gian thực hiện: từ ngày tháng đến ngày tháng

1. Mục tiêu cá nhân (Ghi rõ ràng, cụ thể mục tiêu của bản thân trong học tập, rèn luyện hoặc cuộc sống):

.....

2. Những khó khăn, áp lực có thể gặp phải (Nếu những khó khăn có thể cản trở động lực của bản thân):

.....

3. Các biện pháp, giải pháp tạo động lực (Liệt kê các cách thức giúp bản thân duy trì động lực và vượt qua khó khăn):

-
-
-

4. Kế hoạch thực hiện chi tiết (Thời gian & việc làm cụ thể):

Ngày/tuần	Nội dung công việc cụ thể	Cách thực hiện	Người hỗ trợ (nếu có)

5. Cam kết thực hiện:

Tôi cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện bản kế hoạch này và hoàn thành đúng tiến độ đã đề ra. Nếu có khó khăn, tôi sẽ chủ động tìm cách điều chỉnh hoặc nhờ thầy cô, bạn bè hỗ trợ.

Ký tên học sinh:

.....

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên giới thiệu mục tiêu của buổi học: học sinh lập được kế hoạch tạo động lực cá nhân, phục vụ học tập hoặc cuộc sống.

Trình bày yêu cầu sản phẩm: bản kế hoạch gồm mục tiêu, giải pháp, tiến trình, người hỗ trợ và cam kết.

Gợi ý một số ví dụ gần gũi với học sinh nông thôn như:

- Mục tiêu cải thiện điểm Toán.
- Tạo động lực dậy sớm phụ giúp cha mẹ mà vẫn duy trì học tập.
- Kế hoạch học đều các môn khi không có điều kiện học thêm.
- Hướng dẫn học sinh cách sử dụng phiếu lập kế hoạch có cấu trúc rõ ràng.

Hoạt động của học sinh: Nghe hướng dẫn, ghi chú nội dung quan trọng. Nêu câu hỏi làm rõ những phần chưa hiểu.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của học sinh:

- Làm việc cá nhân: đánh giá bản thân, xác định mục tiêu cụ thể (ví dụ: cải thiện điểm, biết cách ứng phó áp lực khi phụ giúp gia đình...).

- Lập kế hoạch hành động với các mục:

- Mục tiêu cụ thể.
- Giải pháp tạo động lực cá nhân.
- Tiến trình thực hiện (thời gian/ngày/tuần).
- Người hỗ trợ (bạn bè, thầy cô, người thân).
- Cam kết hành động.

Thảo luận nhóm nhỏ (3–5 em): trao đổi kinh nghiệm, góp ý kế hoạch cho nhau.

Hoạt động của giáo viên: Quan sát, hỗ trợ các nhóm khó khăn. Động viên những học sinh chưa xác định được mục tiêu rõ ràng.

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận

Hoạt động của học sinh: Đại diện một số học sinh (tình nguyện hoặc được phân công) trình bày kế hoạch trước lớp.

Các bạn trong lớp và giáo viên góp ý: tính thực tế, giải pháp có khả thi không, thời gian có phù hợp không.

Hoạt động của giáo viên: Gợi ý để học sinh phản hồi tích cực và xây dựng. Gợi mở những điểm chưa hợp lý trong kế hoạch của học sinh và đề xuất hướng cải thiện.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Hoạt động của học sinh: Tự đánh giá theo các tiêu chí: mức độ rõ ràng của mục tiêu, tính khả thi, tiến trình cụ thể, cam kết thực hiện.

Nộp phiếu kế hoạch cá nhân đã hoàn chỉnh.

Hoạt động của giáo viên: Sử dụng phiếu nhận xét, đưa ra phản hồi: nội dung, tính khả thi, sự phù hợp với hoàn cảnh cá nhân. Gợi ý học sinh tiếp tục theo dõi, thực hiện kế hoạch và tự đánh giá trong thời gian sau.

D. Vận dụng, mở rộng - Chia sẻ kết quả (3 tiết)

Hoạt động 5: Trình bày sản phẩm, rút ra bài học

a. Mục tiêu hoạt động:

Giúp học sinh trình bày sản phẩm cá nhân/nhóm đã thực hiện trong các hoạt động trước.

Học sinh chia sẻ được cảm nhận, bài học kinh nghiệm về quá trình tự tạo động lực và ứng phó với áp lực.

Phát triển kỹ năng thuyết trình, tự tin giao tiếp, phản hồi tích cực và học hỏi lẫn nhau.

b. Nội dung hoạt động:

Học sinh chuẩn bị phần trình bày sản phẩm đã hoàn thành: bản kế hoạch cá nhân, nhật ký trải nghiệm, giải pháp ứng phó, cảm xúc cá nhân...

Trình bày và chia sẻ theo hình thức phù hợp (thuyết trình, poster, video ngắn...)

Thảo luận, phản hồi giữa các nhóm/lớp để rút ra bài học chung và cá nhân.

c. Dự kiến sản phẩm:

Bản kế hoạch hành động (đã hoàn chỉnh).

Phiếu ghi nhận cảm xúc/giải pháp.

Bản thu hoạch về nhận thức bản thân sau hoạt động.

Sản phẩm thuyết trình cá nhân/nhóm.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên giao nhiệm vụ: yêu cầu học sinh chuẩn bị trình bày sản phẩm cá nhân hoặc nhóm, nêu rõ tiêu chí đánh giá (rõ ràng, thực tế, thể hiện sự thay đổi tích cực).

GV gợi ý hình thức trình bày phù hợp với điều kiện học tập tại địa phương (vẽ bảng, phát biểu miệng, viết tay...).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh cá nhân hoặc nhóm chuẩn bị phần trình bày: sơ đồ kế hoạch, bản cảm xúc, bảng tổng hợp giải pháp...

Học sinh tự lựa chọn cách thể hiện phù hợp với điều kiện bản thân (thuyết trình trực tiếp, viết trình bày, kể chuyện...).

Bước 3: Báo cáo kết quả và chia sẻ

Học sinh trình bày sản phẩm trước lớp.

Các bạn lắng nghe, đặt câu hỏi và đưa ra phản hồi tích cực, góp ý bổ sung.

Giáo viên điều phối, tổng hợp các bài học quan trọng, liên hệ với thực tế sống và học tập của học sinh vùng nông thôn, miền núi.

Bước 4: Đánh giá

Giáo viên đánh giá dựa trên tiêu chí: mức độ hoàn thành sản phẩm, sự rõ ràng khi trình bày, khả năng chia sẻ cảm xúc và rút ra bài học.

Thực hiện đánh giá đồng đẳng (bạn nhận xét bạn).

Học sinh viết phiếu tự đánh giá hoặc bản thu hoạch cá nhân về bài học nhận được qua toàn bộ chủ đề.

PHẦN II. YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ MINH HỌA

Mục	Nội dung đánh giá (Chủ đề 1)
1. Mục tiêu/ YCCĐ đánh giá	- Khám phá khả năng thích nghi với sự thay đổi trong cuộc sống. - Ứng phó với căng thẳng trong học tập và đời sống. - Biết tự tạo động lực cá nhân để vượt qua khó khăn.
2. Nội dung đánh giá	- Phân tích tình huống gây áp lực thường gặp (học xa nhà, phụ giúp gia đình...). - Ghi nhận cảm xúc và phản ứng cá nhân. - Xác định nguyên nhân và giải pháp điều chỉnh. - Lập kế hoạch hành động cá nhân để tạo động lực.
3. Hình thức thể hiện bài đánh giá	- Phiếu phân tích tình huống cụ thể. - Nhật ký cảm xúc cá nhân. - Bản kế hoạch hành động “Tạo động lực cá nhân”. - Thuyết trình nhóm hoặc cá nhân.
4. Hướng dẫn đánh giá	- Giáo viên: Sử dụng bảng kiểm đánh giá sản phẩm, phỏng vấn nhanh, quan sát lớp. - Tự đánh giá: Học sinh sử dụng phiếu tự nhận xét về cảm xúc và giải pháp. - Đồng đẳng: Đánh giá chéo kế hoạch cá nhân giữa các nhóm.
5. Yêu cầu về sản phẩm / tiêu chí đánh giá sản phẩm	Bản kế hoạch hành động cá nhân: ✓ Mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp với bản thân – 2 điểm ✓ Giải pháp tạo động lực cá nhân – 3 điểm ✓ Tiến trình thực hiện có bước rõ ràng – 2 điểm ✓ Sự sáng tạo và gắn với thực tế vùng miền – 1 điểm ✓ Cam kết cá nhân về hành động – 2 điểm Từ 7 điểm trở lên: Đạt Dưới 7 điểm: Chưa đạt

6. Phụ lục (Công cụ đánh giá)	- Mẫu phiếu ghi nhận cảm xúc cá nhân khi gặp áp lực. - Mẫu phiếu phân tích tình huống (VD: bị bạn chê mặc đồ cũ, không có điện thoại học online). - Mẫu kế hoạch tạo động lực cá nhân. - Bảng kiểm đánh giá giáo viên. - Rubric đánh giá sản phẩm nhóm & cá nhân.
-------------------------------	---

YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI HỒ SƠ HỌC TẬP

Mục	Nội dung chi tiết
1. Mục tiêu đánh giá	Đánh giá sự phát triển năng lực của học sinh thông qua việc học tập và trải nghiệm thực tế; phản ánh quá trình tự nhận thức, kiểm soát cảm xúc, lập kế hoạch và tạo động lực cá nhân.
2. Nội dung đánh giá	Hồ sơ học tập là tập hợp các minh chứng học sinh thực hiện trong suốt chủ đề, bao gồm: – Sản phẩm cá nhân (bản kế hoạch, nhật ký cảm xúc, phiếu phân tích tình huống...) – Bản tự đánh giá và đánh giá của bạn bè – Ghi chú/nhận xét của giáo viên – Bản thu hoạch, trình bày rút ra bài học.
3. Hình thức thể hiện	– Dạng giấy: Tập hồ sơ giấy được lưu trong bìa đựng hồ sơ (kẹp hoặc bìa có dây). – Dạng số hóa (tùy điều kiện): File ảnh/chụp phiếu, sản phẩm viết tay nộp qua Zalo/lớp học số.
4. Hướng dẫn đánh giá	– Giáo viên: Quan sát, theo dõi tiến độ hồ sơ theo từng buổi học; nhận xét bằng phiếu hoặc viết trực tiếp vào hồ sơ. – Học sinh: Ghi nhật ký phản ánh quá trình học; tự nhận xét về tiến bộ và khó khăn. – Bạn bè: Đánh giá chéo qua nhận xét phiếu nhóm.
5. Yêu cầu cụ thể đối với hồ sơ học tập	Hồ sơ học sinh cần đầy đủ các thành phần sau: 1. Trang bìa có tên học sinh, lớp, tên chủ đề 2. Phiếu ghi nhận nội dung trọng tâm (Hoạt động 1) 3. Phiếu phân tích tình huống áp lực (Hoạt động 2)

	4. Nhật ký cảm xúc cá nhân (Hoạt động 3) 5. Bản kế hoạch tạo động lực cá nhân (Hoạt động 4) 6. Phiếu trình bày sản phẩm, rút ra bài học (Hoạt động 5) 7. Phiếu tự đánh giá và phản hồi giáo viên
6. Tiêu chí đánh giá (tham khảo thang 10)	✓ Đầy đủ nội dung yêu cầu – 2 điểm ✓ Diễn đạt rõ ràng, đúng chủ đề – 2 điểm ✓ Có sự phản ánh cảm xúc, suy nghĩ cá nhân – 2 điểm ✓ Tính thực tế, phù hợp vùng miền – 2 điểm ✓ Thể hiện tinh thần tự học, tự đánh giá – 2 điểm Từ 7 điểm trở lên: Đạt Dưới 7 điểm: Chưa đạt